

NGUYỄN KHẮC THUẬN

VIỆT SỬ GIAI THOẠI

TẬP 1

40 GIAI THOẠI TỪ THỜI HÙNG VƯƠNG
ĐẾN HẾT THẾ KỈ X



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

NGUYỄN KHẮC THUẦN

VIỆT SỬ GIAI THOẠI

TẬP 1

**40 GIAI THOẠI TỪ THỜI HÙNG VƯƠNG
ĐẾN HẾT THẾ KỶ THỨ X**

(Tái bản lần thứ mười một)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

9(V)(083)

GD - 06

03-2006/CXB/245-1859/GD

Mã số: 8V196t6-CNH

00.90N

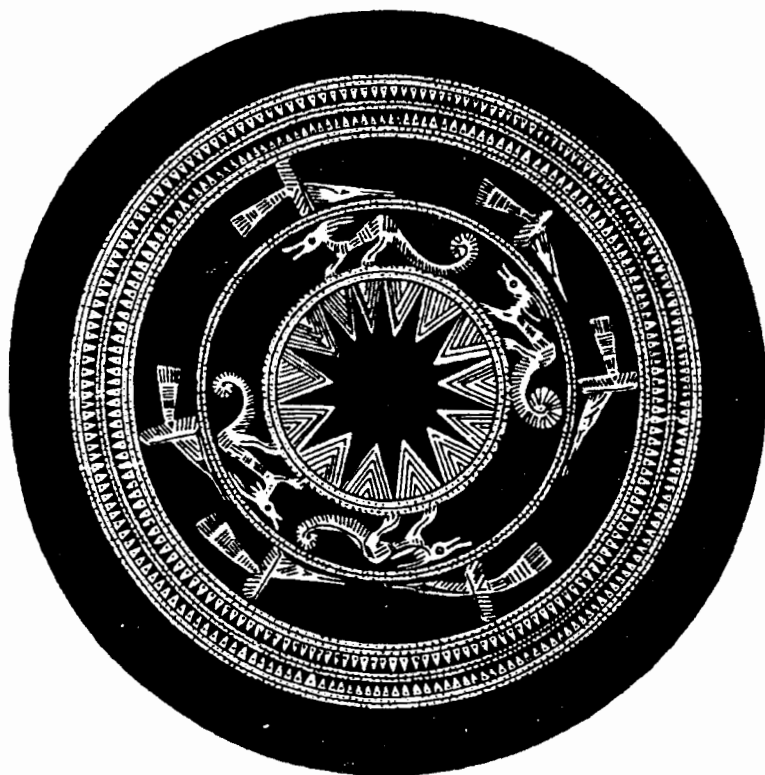
MỌI CHUYỆN Ở ĐÂY, TUY CÓ VẼ KÌ LẠ NHƯNG KHÔNG HẢO HUYỀN, THẦN KINH NHƯNG KHÔNG YÊU MA, HOANG ĐƯỜNG NHƯNG KHÔNG QUÁI ĐẢN. DẤU XƯA CÒN ĐÓ, TẤT CẢ CHỈ CỐT KHUYÊN THEO ĐIỀU THIÊN, NGĂN CẶM ĐIỀU ÁC. BỎ LÒNG DỐI TRÁ VÀ DƯỠNG TÂM CHÂN THỰC ... TỨC LÀ CHỈ MONG SAO CHO PHONG TỤC NGÀY MỘT TỐT ĐẸP MÀ THÔI.

Hoàng Giáp Thượng Thư

VŨ QUỲNH

(1452 - 1516)

(Bài tựa viết cho sách *Lĩnh Nam chích quái*).



Hình mặt trời

LỜI TỰA CỦA GIÁO SƯ TRẦN VĂN GIÀU

Đầu năm 1993, NGUYỄN KHẮC THUẦN mang đến tặng tôi tập thứ nhất của bộ **VIỆT SỬ GIAI THOẠI** và hứa là sẽ viết tất cả tám tập. Đến đầu năm 1995, quả đúng như vậy, NGUYỄN KHẮC THUẦN đã tặng tôi đủ tám cuốn của bộ sách này. Đó là một cố gắng rất đáng khích lệ của người viết và của Nhà xuất bản Giáo dục. Sách gồm những giai thoại được trích lục từ các bộ chính sử của tổ tiên như : *Đại Việt sử lược*, *Đại Việt sử kí toàn thư*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam liệt truyện...* Mọi giai thoại đều có ghi xuất xứ gọn gàng mà chính xác, đồng thời, lại có thêm lời bàn khá hóm hỉnh, vừa như để giải thích thêm những điều cần giải thích, vừa như để gợi ý cảm nhận và suy nghĩ về lịch sử cho người đọc.

Cách làm của NGUYỄN KHẮC THUẦN không phải là mới nhưng lại rất cần. Nói không phải là mới vì từ nhiều thế kỉ trước, người Trung Quốc đã từng làm và cách nay hàng trăm năm, tổ tiên ta cũng đã từng làm. Nguyễn Dữ (thế kỉ thứ XVI), tác giả của *Truyền kì mạn lục* là một ví dụ. Đầu những năm hai mươi của thế kỉ này, ÔN NHƯ NGUYỄN VĂN NGỌC và TỬ AN TRẦN LÊ NHÂN với *Cổ học tinh hoa* cũng là một ví dụ. Nhưng, sở dĩ nói là rất cần vì hầu hết những giai thoại trong bộ sách này, tuy sẵn có trong chính sử xưa, nhưng chưa được giới thiệu một cách đầy đủ và rõ ràng.

Muốn học sử một cách có hệ thống, tất nhiên là phải đọc các bộ chính sử của cả xưa lẫn nay, nhưng, quốc thống dằng dặc với bao sự kiện ngổn ngang, thật hiếm có ai đủ sức thuộc hết được. Cái đọng lại đến muôn đời thường vẫn là những gì độc đáo nhất, kết tinh giá trị đạo lí, triết lí và nhân bản của mỗi thời đó thôi. Giới thiệu kho giai thoại của lịch sử nước Việt chính là góp phần giới thiệu những gì thiêng liêng, vĩnh tồn với cộng đồng người Việt, với văn hóa Việt nói chung.

NGUYỄN KHẮC THUẦN từng tâm sự với tôi rằng, *Cổ học tinh hoa* (và một số tác phẩm tương tự khác) tuy rất có giá trị, được đông đảo bạn đọc tiếp nhận một cách nồng nhiệt, nhưng, những chuyện trong sách ấy, từ bối cảnh, sự kiện đến nhân vật ... đều là của Trung Quốc. Có cái gì đó, nửa như gần, nửa như xa, thật khó nói. Lẽ đâu, tổ tiên ta chỉ giỏi đánh giặc, còn tư tưởng, triết lí, đạo đức ... tất cả chẳng cần bận tâm, bởi đã có khuôn mẫu của Trung Quốc rồi !

VIỆT SỬ GIAI THOẠI là một bộ sách mang tên NGUYỄN KHẮC THUẦN nhưng nguồn gốc lại là của tổ tiên. Điều tốt đẹp của cổ nhân chính là tấm gương sáng của đời đời con cháu, chỗ bất cập hoặc thậm chí là chỗ chưa phải của cổ nhân chính là lời răn đe, nhắc nhở hậu thế chớ có đại đột bất chước theo. Học sử suy cho cùng cũng là học những bài học kinh nghiệm sinh động và bổ ích như thế đó thôi.

Một đời học sử, chúng ta có thể không sao nhớ hết những niên đại với chỉ chút tháng ngày, không sao nhớ hết những thế hệ Đế vương với hàng trăm những niên hiệu, nhưng, một đời làm người thì quyết không thể thờ ơ với những bài học kinh nghiệm quý giá của các đấng tiền bối. *VIỆT SỬ GIAI THOẠI* là một trong những bộ sách biên soạn khá công phu, nhằm giới thiệu lại những bài học kinh nghiệm quý giá này.

Sách được tái bản lần thứ tư (dù số lượng phát hành các lần in trước khá lớn) là một bằng chứng về sự đồng cảm của người đọc đối với tác giả và với Nhà xuất bản Giáo dục. Tôi viết lời giới thiệu với bạn đọc gần xa cũng là bởi có sự đồng cảm này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16-1-1999.

Giáo sư TRẦN VĂN GIÀU

ĐÔI LỜI CÙNG BẠN ĐỌC

Bạn đọc yêu quý,

Thế là giờ đây tôi đã có thể thở phào nhẹ nhõm mà thưa rằng, bộ **VIỆT SỬ GIAI THOẠI** gồm tám tập đã hoàn thành. Xét thứ tự biên soạn thì đây là tập đầu tiên, nhưng xét thứ tự xuất bản thì đây là tập cuối cùng của cả bộ. Tám cuốn sách được viết trên cơ sở trích dịch từ hàng trăm cuốn sách cổ, nếu không có sự cố vũ hào phóng của Nhà Xuất bản Giáo dục và của bạn đọc gần xa, tôi không dám tin là mình có thể hoàn tất công việc đúng như kế hoạch đã định. Tự đáy lòng thành của mình, tôi xin được gửi đến Nhà Xuất bản Giáo dục và tất cả bạn đọc những lời chúc mừng tốt đẹp và lời cảm ơn sâu sắc.

Bạn đọc yêu quý

VIỆT SỬ GIAI THOẠI là bộ sách khai thác những ghi chép của các bộ chính sử xưa. Tuy nhiên, nếu các tập trước, nguyên tắc này được tuân thủ một cách nghiêm ngặt, thì ở tập này, tập **40 giai thoại từ thời Hùng Vương đến hết thế kỉ thứ X**, chúng tôi buộc phải có một vài thay đổi nhỏ. Như bạn đọc đã biết, để viết về thời đại Hùng Vương và An Dương Vương, các bộ chính sử xưa đã dựa chủ yếu vào dã sử hoặc truyền thuyết dân gian. Hẳn nhiên, truyền thuyết dân gian không phải là sử nhưng truyền thuyết dân gian bao giờ cũng được hình thành trên cơ sở của một sự thực lịch sử nào đó. Một khi trong tay mình có đầy đủ những tài liệu mà chính sử xưa đã khai thác, chúng tôi nghĩ rằng, tốt nhất là mình hãy tự giới thiệu lấy, không nên trích lục những gì mà chính sử xưa đã trích lục. Xưa nay, tam sao thất bản vốn là chuyện chẳng hay. Từ cách nghĩ này, chúng tôi đã viết một số giai thoại trên cơ sở trích dịch một số sách như : **Lĩnh Nam chích quái, Việt điện u linh tập ...v.v.**

Tổ tiên có nếp nghĩ riêng của tổ tiên, lấy sở thích hiện đại và hoàn toàn của cá nhân ta để nhận xét thì chắc chắn là sẽ có không ít chuyện chẳng phù hợp và chẳng hay nữa là khác. Nhưng, cái tổ tiên ân cần để lại không phải là sự hào nhoáng bề ngoài mà là cả một kho đạo lí lớn lao và vô giá. Cổ nhân nghiêm cẩn mà tế nhị, nhắc nhở chúng ta biết

kính những gì đáng kính, biết khinh những gì đáng khinh, biết canh cánh giữ lòng để khi nhắm mắt xuôi tay, ai ai cũng được thanh thản vì chẳng có gì phải ân hận. Đức lớn và lòng thành của tổ tiên ngồi ngồi toả sáng từ những trang sách xưa, gọn gàng, cụ thể mà sâu sắc.

Cầm riêng tập sách nhỏ này, hoặc giả là cầm trọn bộ tám tập VIỆT SỬ GIAI THOẠI trên tay, nếu bạn cảm thấy kính trọng tổ tiên hơn thì công ấy thuộc về các cây đại bút thuở trước, ngược lại, nếu bạn cảm thấy nhiều chỗ chưa được vừa lòng, thì lỗi ấy thuộc về tôi, người đã không lường được sức mình khi làm công việc khó khăn này.

Tôi tin, rất tin rằng bạn sẽ hiểu được chút lòng của tôi kí tải trong những trang viết mộc mạc. Xin được xiết tay bạn và chờ đợi ở bạn những lời đóng góp chân tình.

Thành phố Hồ Chí Minh
NGUYỄN KHẮC THUẦN

01 - CUỘC KÌ NGỘ GIỮA LẠC LONG QUÂN VÀ ÂU CƠ

Các bộ sử cũ thường coi Hồng Bàng là dòng họ đầu tiên đã có công dựng nước. Mức độ tuy có khác nhau, nhưng nhìn chung, tất cả đều dựa vào những ghi chép của sách *Lĩnh Nam chí quái* để viết về họ Hồng Bàng. Nay, xin theo *Hồng Bàng thị truyện* (Truyện họ Hồng Bàng) trong *Lĩnh Nam chí quái*, giới thiệu cuộc kì ngộ giữa Lạc Long Quân với Âu Cơ như sau :

"Cháu ba đời họ Viêm Đế Thần Nông là Đế Minh sinh ra Đế Nghi. Đế Minh nhân đi tuần thú phương Nam, tới miền Ngũ Lĩnh; gặp con gái bà Vụ Tiên, đem lòng yêu thích rồi cưới về, sinh ra Lộc Tục. Lộc Tục dung mạo đoan chính, tuổi nhỏ đã thông minh, nhanh nhẹn. Đế Minh lấy đó làm sự lạ, bèn truyền ngôi cho, nhưng Lộc Tục cố nhường cho anh là Đế Nghi chớ quyết không dám nhận. Đế Minh vì thế đã cho Đế Nghi thay mình, cai trị ở phương Bắc, còn Lộc Tục thì được phong làm Kinh Dương Vương, cai quản vùng phía Nam, gọi là nước Xích Quỷ.

Kinh Dương Vương có tài xuống thủy phủ, nhân đó, lấy con gái của Động Đình Quân là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm. Sùng Lãm tức Lạc Long Quân, sau thay cha trị nước, còn Kinh Dương Vương không rõ đi đâu.

Lạc Long Quân chỉ cho dân cách cày cấy, dạy cho dân cách ăn mặc. Nước nhà từ đó mới có thứ tự vua tôi trên dưới, có luân thường của cha con, vợ chồng. Lắm lúc Lạc Long Quân trở về thủy phủ mà trăm họ vẫn được yên vui. Hễ dân có việc, cứ gọi Lạc Long Quân rằng :

- Bố ơi, sao không về cứu chúng con.

Thế là Lạc Long Quân liền trở về ngay. (Người Việt gọi *phụ* là *cha* hoặc *bố*, gọi *quân* là *vua* như vậy). Sự oai linh cảm ứng của (Lạc) Long Quân, không ai có thể lường được.

Sau, Đế Nghi truyền ngôi cho con là Đế Lai. Nhân thấy phương Bắc bình yên vô sự, nhớ chuyện ông mình là Đế Minh đi tuần thú phương Nam mà gặp được tiên nữ, Đế Lai bèn sai kẻ bề tôi thân cận là Xuy Vũ thay mình giữ nước, rồi đi tuần du xuống nước Xích Quỷ ở phương Nam. Đến nơi, Đế Lai thấy Lạc Long Quân đã về thủy phủ, trong nước kể như vô chủ, bèn cho con gái yêu của mình là Âu Cơ cùng những kẻ theo hầu ở lại nơi hành tại, còn mình thì đi chu du khắp thiên hạ, trải xem hết mọi thắng cảnh, thấy đủ hoa thơm cỏ lạ, chim hay, thú hiếm, sùng tề, ngà voi hoặc đồi mồi, bạc vàng, châu báu hoặc trầm hương, quế... cùng mọi thứ sơn hào hải vị. Nhân thấy khí hậu bốn mùa mát mẻ, không nóng cũng không lạnh, Đế Lai lòng những yêu thích mà quên cả chuyện trở về. Nhân dân nước Nam khổ vì sự phiền nhiễu, không còn được yên lành như trước, ngày đêm mong ngóng Lạc Long Quân trở về, bèn cùng nhau cất tiếng gọi rằng:

– Bố ơi, bố ở đâu, hãy mau về cứu chúng con.

(Lạc) Long Quân bỗng chốc trở về, thấy Âu Cơ đang ngồi một mình, dung mạo tuyệt đẹp, lòng những yêu thích, bèn hoá phép, biến thành một chàng trai hình dáng xinh đẹp, tả hữu và trước sau có rất đông kẻ hầu người hạ, tiếng nhạc vang đến tận nơi hành tại mà Âu Cơ đang ngồi. Âu Cơ thấy (Lạc) Long Quân, lòng cũng xiêu xiêu. (Lạc) Long Quân bèn đón (Âu Cơ) về Long Trang.

Đế Lai trở về, không thấy Âu Cơ, bèn sai quần thần đi tìm khắp thiên hạ, nhưng (Lạc) Long Quân có phép thần, biến hoá trăm hình ngàn vẻ, đủ yêu tinh ma quỷ, rồng, rắn, hổ, voi ... khiến cho kẻ đi tìm sợ hãi, không dám sục sạo. Đế Lai vì thế phải về phương Bắc".

Lời bàn : Không thể nói khác hơn, rằng Lạc Long Quân và Âu Cơ đã có một cuộc kì ngộ. Người từ phương xa, theo cha đi chu du khắp cõi, tình cờ dừng bước ở

đất Xích Quỷ. Người làm vua một phương, được dân thương mà gọi là bố. Xứ sở chẳng cung, tuổi tác cách biệt, thế mà vừa gặp đã rung động về nhau. Lại thay !

Xét về thế thứ, Lạc Long Quân và Đế Lai là anh em con chú con bác với nhau. Lạc Long Quân lấy Âu Cơ, tức là lấy con gái của anh con nhà bác vậy. Có người nhân đó mà nghiêm phê rằng, luân thường đạo lý đảo điên, mối họa cho thiên hạ thật khó mà lường được. Song, lấy khuôn mẫu đạo đức hiện thời để xét đoán hành vi của thiên cổ, trong chỗ ngỡ như đúng, cái sai đã chất chứa sẵn rồi.

Đọc sách đâu phải chỉ đọc chữ trong sách. Ngàn xưa vẫn thế, nổi tâm sự cần kíp thác, thường hay nằm ở giữa những dòng chữ hoặc ở sau những dòng chữ đó thôi. Sù cũ vẫn nhấn mạnh mỗi thâm tình của các nhóm thuộc Bách Việt. Chứng như chuyện này muốn tỏ rằng vốn dĩ, tất cả đều chung máu mủ ruột rà. Ngẫm mà xem !

02 - NƯỚC VĂN LANG ĐÃ RA ĐỜI NHƯ THẾ NÀO ?

*S*ách *Lĩnh Nam chích quái*, phần *Hồng Bàng thị truyện*, chép:

"(Lạc) Long Quân và Âu Cơ ăn ở với nhau được chừng hơn một năm thì sinh hạ được một cái bọc, cho đó là điềm chẳng lành nên đem vất ra ngoài đồng. Bảy ngày sau, bọc ấy nở thành một trăm cái trứng, mỗi trứng lại nở thành một người con trai. (Lạc) Long Quân bèn đón về nhà nuôi, chẳng cần cho bú mớm mà các con người nào cũng tự lớn, trí dũng song toàn, ai trông thấy cũng đều kính phục, cho là đàn con phi thường.

Nhưng, (Lạc) Long Quân cứ ở mãi dưới thủy phủ, khiến cho mẹ con Âu Cơ cứ phải chịu cảnh lẻ loi, cho nên, cũng muốn trở về đất Bắc. Khi (mẹ con Âu Cơ) dắt díu nhau về đến biên giới, Hoàng Đế hay tin, lấy làm lo sợ, bèn sai quân ra canh giữ các cửa ải, vì thế, mẹ con Âu Cơ không thể về Bắc được, đêm ngày cứ gọi (Lạc) Long Quân rằng :

*Bố ở nơi nào,
Mà sao nữ đế,
Mẹ con buồn đau.*

(Lạc) Long Quân liền về, gặp Âu Cơ ở Tương Dã. Âu Cơ vừa khóc vừa nói rằng :

- Thiếp vốn người phương Bắc, cùng chàng ăn ở với nhau mà sinh hạ được trăm đứa con trai, giờ chẳng biết nương tựa vào đâu mà nuôi nấng chúng được, vậy, thiếp xin theo chàng, xin chàng đừng ruồng bỏ, làm cho thiếp thành kẻ không chồng, các con thành kẻ không cha, thực là đau khổ lắm.

(Lạc) Long Quân nói :

- Ta là giống Rồng, đứng đầu các loài dưới nước, còn nàng là giống Tiên, làm người trên đất. Tuy âm dương khí tụ mà sinh con nhưng không sao đoàn tụ được vì hai giống tương khắc như nước với lửa, thật khó bề bền lâu. Nay, đành phải chia li ta mang năm mươi con trai về thủy phủ và chia cho chúng đi cai trị các nơi, còn năm mươi đứa sẽ theo nàng ở lại trên đất, chia nước mà cai trị. Khi lên ngàn hay khi xuống nước, có việc thì phải gắn bó với nhau mà làm, chớ rời bỏ nhau.

Cả trăm người con trai cùng nghe theo rồi cùng nhau tạm biệt. Âu Cơ và năm mươi người con trai đến ở đất Phong Châu, tức là vùng huyện Bạch Hạc, cùng nhau tôn người con trưởng lên làm vua, xưng hiệu là Hùng Vương và đặt tên nước là Văn Lang. Nước ấy, về phía Đông thì giáp Nam Hải, về phía Nam thì giáp nước Hồ Tôn (nay là nước Chiêm Thành), về phía Tây thì giáp nước Ba Thục, còn về phía Bắc thì giáp Động Đình. Nước chia làm mười lăm bộ, gồm: Giao Chỉ, Chu Diên, Ninh Sơn, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải (nay chính là Nam Ninh), Dương Tuyền, Quế Dương, Vũ Ninh, Y Hoan, Cửu Chân, Nhật Nam, Chân Định, Quế Lâm và Tượng Quận. Vua sai các em chia nhau cai trị. Dưới vua có các chức văn võ. Tướng văn gọi là Lạc Hầu, tướng võ gọi là Lạc Tướng. Con trai của vua thì gọi là Quan Lang, con gái của vua thì gọi là Mỹ Nương, chức Tư Mã thì gọi là Bồ Chính, kẻ nô bộc thì gọi là Trâu, nô tì gọi là Tinh và các quan khác thì gọi là Khố. Các chức đời đời cha truyền con nối, gọi là Phụ Đạo. Vua truyền ngôi cho nhau đều lấy hiệu là Hùng Vương chứ không thay đổi".

Lời bàn : Lạc Long Quân và Âu Cơ, Tiên Rồng kì ngộ, vậy mà mỗi tình lại trần tục làm sao ! Bạn đang băn khoăn về sự huyền bí đến độ phi lí chung quanh chuyện mẹ Âu Cơ sinh hạ bọc trăm trứng chẳng ? Xin bạn chờ bạn tâm, bởi vì có cổ tích nào lại không bóng bẩy trong những chi tiết hư ảo đại loại như thế ?

Cao vời thay, công đức và sự nghiệp của Âu Cơ. Sâu sắc và khiêm nhường thay, lời kí tải cái tâm của tổ tiên về cội nguồn dân tộc : đi từ trứng nước đi lên, và dấu định cư bất cứ nơi đâu thì tất cả con Rồng cháu Tiên đều cùng từ một bọc trứng ban đầu do mẹ Âu Cơ sinh hạ.

Người bốn phương muôn thuở vẫn thân ái gọi nhau là đồng bào, tình ruột thịt chung bọc trứng Âu Cơ ngàn năm còn đó. Kính thay ! Bạn sẽ thật khó mà tìm được một chân dung Văn Lang với những đường nét cụ thể trong câu chuyện này, nhưng cũng như bao người khác, tôi tin là bạn sẽ bồi hồi khi nghĩ đến nghĩa tình vô giá mà tổ tiên đã cần trọng để lại nơi đây.

Lòng người xưa lấp lánh tỏa sáng mãi trong sử cũ, bạn có thấy không ?

03 - VÌ SAO NGƯỜI VIỆT CỔ CÓ TỤC XĂM MÌNH ?

Một trong những tục cổ xưa nhất của người Việt là xăm mình. Tục này, phải kéo dài mãi cho đến cuối thế kỉ thứ XIII, đầu thế kỉ thứ XIV mới chấm dứt. Có người nói rằng, bởi tục này mà tên nước đầu tiên của người Việt là Văn Lang. Hẳn nhiên, cách giải thích ấy chưa đủ sức thuyết phục, nhưng dấu sao thì tục xăm mình cũng là một trong những tục cổ nhất và tồn tại thuộc vào hàng lâu dài nhất ở nước ta. Về nguyên nhân xuất hiện của tục này, sách *Lĩnh Nam chích quái* (phần *Hồng Bàng thị truyện*) viết như sau :

"Bấy giờ, dân trên núi xuống nước đánh bắt cá thường bị thường luồng gây thương tổn, bèn cùng nhau tâu việc ấy với Vua. Vua nói :

– Các giống ở trên núi khác với các loài ở dưới nước. Các loài ở dưới nước chỉ ưa những gì giống với mình và ghét những gì khác mình, vì vậy, ta mới bị gây hại.

Nói rồi, Vua bèn ra lệnh cho ai nấy cũng phải lấy màu xám hình thủy quái vào người. Từ đó, không bị thuốc luồng gây thương tích nữa. Tục vẽ mình của dân Bách Việt bắt đầu có kể từ đây.

Ở buổi đầu mở nước, mọi thứ vật dụng của dân chưa đủ. Dân phải lấy vỏ cây làm áo, dẹt cổ ống làm chiếu, lấy gạo nếp nấu rượu, lấy cây quang lang làm thức ăn, lấy cầm thú cá tôm làm mắm, lấy củ gừng làm muối, đao canh thủy chủng. Đất sản nhiều gạo nếp. Lấy ống bương thổi mà ăn. Làm nhà sàn mà ở để tránh cọp, chó sói làm hại. Cắt tóc ngắn để tiện vào rừng. Con mới vừa sinh ra thì lấy lá chuối lót cho nằm. Có người chết thì gõ vào cối không, cho xóm giềng nghe thấy để kéo nhau đến giúp. Con trai con gái lấy nhau, trước hết, dùng gói muối làm lễ hỏi rồi sau đó mới giết trâu, giết dê để ăn mừng thành vợ thành chồng. Cùng nhau đem cơm nếp vào buồng để ăn, vợ chồng mới thành thân, vì lúc đó trâu cau chưa có".

Lời bàn : Chinh phục thiên nhiên vùng đồng bằng sông nước là cả một quá trình lâu dài, phức tạp và cực kì khó khăn. Hình ảnh những con thuốc luồng gây thương tích cho dân có lẽ chính là một trong những biểu hiện của sự phức tạp và cực kì khó khăn đó.

Dân gặp khó thì kêu vua, vua ân cần chỉ cho dân tất cả những gì mình biết. Lời chỉ dẫn ấy, đúng sai thế nào thì ta đã quá rõ, nhưng điều quan trọng hơn lại chính là ở chỗ, trên dưới như cha con một nhà, nghĩa tình đậm thắm biết bao !

Bấy giờ, hễ người Việt là xám mình, hễ ai xám mình là người Việt. Bạn thích hay không thích tục xám mình, đó là việc riêng của bạn, nhưng, trông lại ngàn xưa, xin bạn hãy ghi nhận cho rằng, chính tục ấy đã góp phần làm cho Hán và Việt biệt lập rõ ràng, và cũng chính nhờ sự biệt lập rõ ràng ấy, giờ này, bạn mới có thể ung dung mà nói : non sông ta ...

Đời sống của cổ nhân ra sao, đoạn ghi chép ngắn ngủi trên kể cũng đã nói khá rõ. Kinh thay, một thời chật chiu cần mẫn, thương thay, một thời gian truân ! Đi giữa giang sơn gấm vóc, xin chớ vô tâm quên tổ tiên ngàn đời.

04 - PHÙ ĐỔNG THIÊN VƯƠNG

Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kỉ, quyển 1, tờ 3b và 4a), dựa vào sách *Linh Nam chích quái*, tóm lược chuyện Phù Đổng Thiên Vương như sau :

"Đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Phù Đổng, bộ Vũ Ninh (nay thuộc Bắc Ninh – NKT), có nhà giàu nọ, sinh được một đứa con trai. Đứa trẻ ấy, mãi đến năm hơn ba tuổi, tuy ăn uống béo tốt, nhưng lại không biết nói cười.

Bấy giờ gặp lúc trong nước có tin nguy cấp, Nhà vua bèn sai Thiên sứ đi tìm người có thể đánh được giặc. Đúng ngày hôm ấy, đứa trẻ bỗng đứng nói được. Nó nhờ mẹ ra mời Thiên sứ vào rồi nói rằng :

– Xin cho tôi một thanh gươm, một con ngựa. Vua không phải lo gì nữa.

Vua liền ban cho gươm và ngựa. Đứa trẻ liền phi ngựa, vung gươm tiến lên. Quan quân theo sau. Giặc bị đánh tan ở núi Vũ Ninh (núi này, nay thuộc đất Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh – NKT). Chúng sợ, quay giáo đánh lẫn nhau, chết nhiều lắm. Bọn sống sót thì cúi rạp xuống mà lạy, rồi cùng tôn đứa trẻ ấy là Thiên tướng và đến xin hàng.

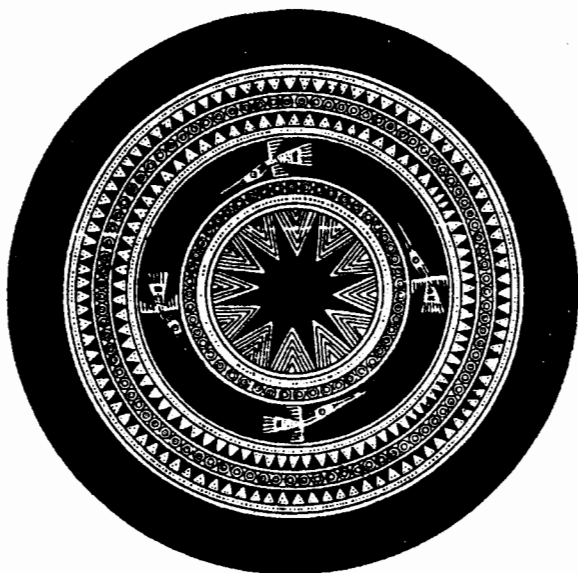
Đứa trẻ phi ngựa lên trời mà đi. Vua liền sai sửa sang chỗ vườn nhà của đứa trẻ để lập đền thờ, luôn năm cúng tế. Sau, vua Lý Thái Tổ (làm vua từ năm 1010 đến năm 1028 – NKT) phong làm Xung Thiên Thần Vương".

Lời bàn : Chuyện dân gian hẳn nhiên không phải là lịch sử, nhưng, bất cứ chuyện dân gian nào cũng đều phản ánh một cái lõi có thật nào đấy của lịch sử. Cái lõi có thật ấy, có thể chính là bản thân sự kiện hoặc nhân vật, nhưng có khi chỉ là một ý nguyện chân thành, gợi gẫm qua cách nhìn nhận một sự kiện hoặc một nhân vật lịch sử nào đó.

Không ai tin rằng một đứa trẻ lên ba lại có thể cưỡi ngựa vùng vườm, dẫn đầu quan quân ra trận và đánh tan lũ giặc hung tàn, nhưng bất cứ ai cũng đều tin rằng, hễ có giặc thì hết thầy già trẻ gái trai nước Việt đều hăm hở ra chiến trường. Chí lớn và tài cao chẳng phải lúc nào cũng đi đôi với tuổi tác.

Thắng trận rồi, đứa trẻ lẳng lặng bay lên trời, không bận tâm suy tính công lao, chẳng băn khoăn gì về sự ân thưởng. Mới hay, lòng dân muôn đời vẫn vậy, bình thần lo đại nghĩa một cách vô tư. Người có công tạo lập và gìn giữ thái bình chẳng hề đòi hỏi bất cứ một điều gì cho riêng mình cả.

Từ Lý Thái Tổ trở đi, các vua nối nhau đều phong thần cho đứa trẻ quê ở Phù Đổng. Chính hương khói của việc thờ phụng này đã góp phần không nhỏ vào việc tạo ra khí phách hiên ngang và sự vô tư lạ kì cho lớp lớp những thế hệ trẻ, vì nước quên thân, vì dân quên mình. Kính thay !



Hình mặt trống

05 - SỰ TÍCH THÁNH TẢN VIÊN

Sách Đại Việt sử kí toàn thư (ngoại kỉ, từ tờ 4a đến tờ 5a) chép rằng :

"Cuối thời Hùng Vương, Nhà vua có người con gái gọi là My Nương, nhan sắc rất xinh đẹp. Vua nước Thục nghe tiếng, bèn đến cầu hôn. Nhà vua đã muốn gả, nhưng Hùng Hầu can rằng :

- Chẳng qua họ muốn chiếm nước ta nên mượn việc cầu hôn để tạo ra cái cớ mà thôi.

Vua nước Thục vì thế mà để bụng oán giận. Nhà vua muốn tìm người xứng đáng để gả, liền nói với các bề tôi rằng :

- Dứa con gái này là giống Tiên, cho nên, chỉ ai đủ tài đức ta mới cho làm rể.

Bấy giờ, có hai người từ phía ngoài tiến vào, cùng lạy dưới sân xin cầu hôn. Nhà vua lấy làm lạ, hỏi thì họ thưa rằng, một người là Sơn Tinh, một người là Thủy Tinh, đều là ở trong cỏi của Nhà vua cả. Nay, nghe tin Nhà vua có thánh nữ, bèn đánh bạo tới xin chờ mệnh của Vua. Vua nói :

- Ta chỉ có một người con gái, làm sao lại có thể có đến hai người rể hiền.

Nói rồi, bèn hạ lệnh cho hai người, rằng đến ngày hôm sau, ai đem đủ sính lễ tới trước thì sẽ gả con cho người ấy. Hai người nghe xong, lạy tạ rồi ra về. Hôm sau, Sơn Tinh đem các thứ châu báu bạc vàng cùng chim rừng thú núi tới dâng. Nhà vua y hện, gả con cho Sơn Tinh. Sơn Tinh đón vợ về trên đỉnh cao của núi Tản Viên. Thủy Tinh cũng đem sính lễ đến, nhưng muộn hơn, giận là đã đến trễ, bèn kéo mây làm mưa, dâng nước tràn ngập rồi đem các loài thủy tộc đuổi theo. Nhà vua cùng Sơn Tinh lấy lưới sắt chắn ngang khu vực thượng lưu sông Từ Liêm (tức khúc sông Hồng, chảy qua Chèm, ngoại thành Hà Nội - NKT) để ngăn



Đền và thờ Thánh Tản Viên (Hà Tây)

lại. Thủy Tinh lại theo sông khác, từ vùng Ly Nhân vào chân núi Quảng Oai rồi men sông Hát và tràn ra sông Lớn (tức sông Hồng – NKT) mà ngoặt sang sông Đà để đánh lên Tản Viên. Ở đâu (Thủy Tinh) cũng đào vực, đào chằm để chứa nước hồng đánh úp Sơn Tinh. Sơn Tinh có phép thần biến hoá, sai người đan tre thành hàng rào chắn nước, lấy cung nỏ bắn xuống, khiến cho các loài thủy tộc đều bị trúng tên mà chạy trốn. Rốt cuộc, Thủy Tinh không sao xâm phạm được núi Tản Viên. Tục truyền, từ đó Sơn Tinh và Thủy Tinh đời đời thù oán, hàng năm vẫn dâng nước đánh lẫn nhau.

Núi Tản Viên là dãy núi cao của nước Việt ta, sự linh thiêng rất ứng nghiệm. My Nương đã lấy Sơn Tinh, khiến cho vua của nước Thục cũng tức giận, dặn lại con cháu phải diệt Văn Lang mà chiếm cho được nước ta".

Lời bàn : Chuyện đầy những chi tiết bất hợp lý và hoang đường, nhưng giá thử ai đó có tài kể ngược lại, bỏ hết những chi tiết bất hợp lý và hoang đường, thì ... chuyện sẽ chẳng còn là chuyện nữa.

Bồng bênh giữa những lời hư ảo chính là cái gì đó phản ánh một cách vừa mơ hồ vừa rất rõ rệt về năng lực trị thủy của cổ nhân. Sừng sững giữa thiên nhiên khắc nghiệt, núi Tản Viên là biểu tượng của ý chí hiên ngang trước mọi thủy tai.

Chẳng có gì khó khăn khi tìm chỗ đúng sai của cổ tích, nhưng, làm như vậy phỏng có ích gì ? Giữa bao la của trời đất, những người dân bé nhỏ vẫn tin là có thánh thần. Thánh thần cao cả mà vô tư, luôn cứu giúp tất cả những người lao động chân chính. Và đối với ngàn xưa, đó quả là một sức mạnh tinh thần hết sức lớn lao. Mà ... sức mạnh tinh thần, có khi lại khoác áo cổ tích đẩy về hoang đường.

Trước mọi thủy tai, xin bạn hãy trông vời về đất tổ, nơi ấy có Sơn Tinh tức thánh Tản Viên, bạn tin hay không tin cũng vậy, khi thành kính hướng về đất tổ, nhất định bạn sẽ tự cảm thấy có một nguồn sức mạnh vô hình nào đấy, khiến bạn tự tin và phấn chấn hẳn lên. Cứ đợi thử mà xem !

06 - HUYỀN THOẠI VỀ LOA THÀNH

Loa Thành hay Cổ Loa Thành, còn có tên khác là Tư Long Thành, người Trung Quốc thường gọi là Côn Lôn Thành, chính là kinh thành của nước ta thời An Dương Vương. Di tích Loa Thành nay vẫn còn ở huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội. Truyền thuyết nói Loa Thành gồm đến chín vòng, được đắp theo kiểu xoáy hình tròn ốc, nhưng di tích còn lại chỉ thấy có ba vòng, dài tổng cộng hơn mười sáu cây số. Loa Thành là công trình kiến trúc lớn nhất của nước nhà thời cổ đại, là chứng tích bất diệt của ý chí và năng lực sáng tạo của tổ tiên ta. Việc đắp thành khó khăn này đã được tiến hành như thế nào ? Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kỉ, quyển 1, từ tờ 6a đến tờ 7b) chép rằng :

"Thành này cứ hề đắp xong lại bị sụt lở, khiến Nhà vua rất lấy làm lo. Nhà vua bèn trai giới sạch sẽ, khắp trời khấn đất và các vị thần núi, thần sông, rồi khởi công đắp lại".

... "Mùa xuân, tháng ba, chợt có thần nhân đến trước cửa thành, trở vào thành rồi cười mà nói rằng :

- Đắp như thế thì đến bao giờ mới xong ?

Vua liền mời vào điện để hỏi. Thần nhân nói :

– Cứ đợi Giang sứ đến.

Xong, cáo từ đi ngay. Sáng hôm sau, Vua ra cửa thành, thấy có con rùa bơi trên sông, từ phía Đông đến, nói được tiếng người, xưng là Giang sứ, bàn được chuyện tương lai. Nhà vua mừng lắm, để lên mâm vàng rồi đặt mâm lên điện và hỏi về nguyên nhân khiến cho thành bị sụt lở. Rùa vàng đáp :

– Ấy là bởi tinh khí núi sông của vùng này bị (hồn thiêng) của con vua thuở trước phụ vào để trả thù cho nước. Nó nấp ở núi Thất Diệu. Trong núi ấy có con quỷ, ấy chính là (hồn thiêng) của người con hát thuở trước chết chôn ở đấy hoá thành. Cạnh núi có cái quán, chủ quán tên là Ngô Không. Ông ta có đứa con gái và một con gà trắng, đó chính là hư khí của tinh, phàm ai là người qua lại và ngủ đêm tại đó đều bị chết vì bị quỷ ám. Chúng có thể gọi nhau, họp đàn họp lũ, làm cho sụp cả thành. Nay nếu giết được con gà trắng ấy để trừ tinh khí đi thì thành sẽ tự nhiên xây được bền vững.

Nhà vua nghe vậy, liền đem rùa vàng đến quán, giả làm người xin ngủ trọ. Chủ quán nói :

– Ngài là bậc quý nhân, vậy xin đi ngay kéo ở đây là mắc họa.

Nhà vua cười nói :

– Sống chết đều có mệnh số cả, ma quỷ mà làm gì nổi ?

Nói rồi, vẫn cứ ngủ lại quán. Đêm khuya, nghe tiếng quỷ từ ngoài vào gọi mở cửa, rùa vàng liền quát mắng khiến lũ quỷ không sao vào được. Gần sáng, khi nghe tiếng gà gáy thì chúng bỏ chạy tan tác. Rùa vàng xin Vua đuổi theo chúng. Tới núi Thất Diệu, tinh khí của lũ quỷ biến mất. Nhà vua cùng rùa vàng trở về quán. Sáng sớm, chủ quán tưởng Nhà vua đã chết rồi, bèn gọi người đến khâm liệm để đem đi chôn. Thấy Nhà vua vẫn vui vẻ cười nói, chủ quán sụp lạy mà thưa rằng :

– Ngài được như thế này ắt phải là thánh nhân.

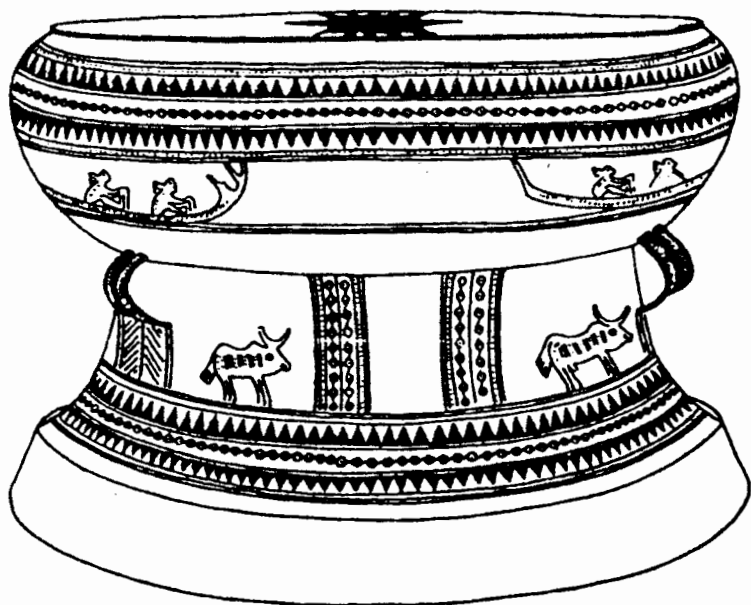
Vua xin gà trắng đem giết để tế lễ. Gà chết, con gái của chủ quán cũng chết theo. Vua liền sai người đào núi (Thất Diệu), thấy ở đó có nhạc khí cổ và xương người, liền sai đốt thành tro rồi đổ xuống sông. Yêu khí ma quỷ từ đó mất hẳn. Cũng từ đó, thành đắp chưa quá nửa tháng đã xong. Rùa vàng liền cáo từ ra về. Nhà vua cảm tạ và hỏi rằng :

- Đội ơn ngài đã giúp đắp thành vững chắc. Nhưng, nay mai nếu có giặc đến thì lấy gì mà chống giữ ?

Rùa vàng liền trút chiếc móng đem cho vua và nói :

- Nước yên hay nguy đều do trời định đoạt, nhưng người cũng nên phòng bị. Nếu có giặc đến thì dùng móng thiêng này mà làm lẫy nỏ, nhằm thẳng giặc mà bắn thì không lo gì.

Vua sai bề tôi là Cao Lỗ (cũng có sách chép là Cao Thông) chế nỏ thần, lấy móng rùa vàng làm lẫy, đặt tên là Linh Quang Kim Trảo Thần Nỏ".



Hình trống trống

Lời bàn : Nước bấy giờ còn nhỏ, dân bấy giờ còn thưa, tiềm lực quốc gia bấy giờ cũng còn yếu, đã thế, trình độ kĩ thuật bấy giờ lại chưa cao, thế mà Nhà vua dám dốc sức xây thành Cổ Loa, chí lớn thật đáng sánh ngang với trời đất. Việc lớn, khó khăn lớn, hình ảnh của lũ yêu quái phá hoại, ở một góc độ nào đó, cũng có thể coi là biểu tượng của những thử thách chất chồng đó thôi.

Việc Nhà vua nghênh đón Giang sứ có cái gì đó phảng phất hình ảnh các vị minh quân hồ hởi đón lời hay trong thiên hạ. Việc Giang sứ không chút quân ngại, cùng Vua lên tận núi Thất Diệu để diệt yêu quái, sau lại còn thanh thân trút mống tặng Vua, tất cả nào có khác gì hình ảnh những người vô danh trong trăm họ, đã hết lòng phò tá chí lớn của Nhà vua !

Nhà sử học lỗi lạc của nước nhà (thế kỉ thứ XV) là Ngô Sĩ Liên nói rằng: "Việc làm của thần là dựa theo ý người, thần nhập vào vật mà nói. Khi nước sắp thịnh, thần mình giáng xuống để xem đức hóa. Khi nước sắp mất, thần mình cũng giáng xuống để xét tội. Cho nên, cũng có khi thần giáng mà thịnh, lại cũng có khi thần giáng mà suy" (*Đại Việt sử kí toàn thư*, ngoại kỉ, quyển 1, tờ 10-b).

Như An Dương Vương, thần mình giáng lần đầu thì đắp xong Loa Thành, dựng nên quốc gia Âu Lạc hùng mạnh ; thần mình giáng lần thứ hai, quân thua nước mất. Người xưa tin như vậy và đã trình trọng chép vào sử như vậy. Gấp sách lại, xin bạn chờ bao giờ tự hỏi rằng đáng tin hay không đáng tin, mà tốt hơn cả, bạn nên tự hỏi rằng cổ nhân muốn kí thác điều gì.

07 - TÔI KỂ, NGÀY XƯA ... CHUYỆN MỸ CHÂU

Xin được mượn một câu thơ của Tố Hữu làm tiêu đề cho giai thoại này – giai thoại gắn liền với tên tuổi của một nhân vật đặc biệt : Mỹ Châu !

Mỹ Châu là con gái của An Dương Vương. Khi cô lớn lên cũng là khi Triệu Đà (vua của nước Nam Việt, một vương quốc nằm sát biên giới phía Bắc nước ta) đang ráo riết thực hiện mưu đồ bành trướng xuống phương Nam. Quân của Triệu Đà đã bao phen tiến đánh đến tận Tiên Du (nay thuộc Bắc Ninh), uy hiếp mạnh mẽ đối với cả kinh thành Cổ Loa, nhưng, tất cả những cuộc tấn công ấy đều bị đẩy lùi. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kỉ, quyển 1, từ tờ 9a đến tờ 10-b) chép rằng :

"(Triệu) Đà biết Nhà vua có nỏ thần, không thể nào địch nổi, bèn cho quân lui giữ Vũ Ninh (tỉnh Bắc Ninh ngày nay – NKT)

rồi sai sứ đến xin giảng hòa. Nhà vua mừng lắm, bèn chia đất từ Bình Giang, tức là vùng sông Thiên Đức, huyện Đông Ngàn (nay thuộc tỉnh Bắc Ninh – NKT) trở lên phía Bắc thì giao cho (Triệu) Đà cai quản, từ đó trở về Nam thì do Nhà vua cai quản.

(Triệu) Đà sai con trai của mình là Trọng Thủy, vào hầu cận Nhà vua, rồi xin cưới con gái của Nhà vua là My Châu. Vua bằng lòng. Trọng Thủy nhân đó dỗ dành My Châu, xin xem trộm nỏ thần (của Nhà vua). Hắn ngầm bẻ gãy lẫy nỏ, làm cái lẫy giả thay vào, xong, lấy cớ về Bắc thăm nhà (để mật báo mọi sự). Trước khi đi (Trọng Thủy) nói với My Châu rằng :

– Ôn nghĩa vợ chồng chẳng thể nào quên, sau này nếu chẳng may hai nước bất hòa, Nam Bắc cách biệt, mà ta lại tới đây thì làm sao có thể tìm thấy nàng ?

My Châu nói :

– Thiếp có cái áo kết bằng lông ngỗng, đi đâu cũng thường mang theo mình. Vậy, thiếp sẽ rút lông ngỗng rắc xuống đường để làm dấu.

Trọng Thủy về mật báo cho Triệu Đà hay".

Ngay sau đó, Triệu Đà đem quân đánh An Dương Vương. Sách trên chép tiếp :

"(Triệu) Đà đem quân đến đánh Nhà vua. Vua không biết là lẫy nỏ đã mất, cho nên, cứ vừa ngồi đánh cờ, vừa cười mà nói rằng :

– (Triệu) Đà không sợ nỏ thần của ta hay sao ?

Khi quân của Triệu Đà tiến sát đến nơi. Nhà vua mới giương nỏ bắn và bấy giờ mới hay là lẫy nỏ đã gãy rồi. Nhà vua thua chạy, cho My Châu cùng ngồi chung ngựa mà đi mãi về phía Nam. Trọng Thủy cứ theo dấu lông ngỗng đuổi theo. Nhà vua chạy đến biển, hết đường mà thuyền chẳng có, liền cất tiếng gọi thần Kim Quy :

– Hãy mau đến cứu ta !

Thần Kim Quy nổi lên mặt nước, mắng rằng :

– Kẻ ngồi sau ngựa là giặc đấy, sao không giết ngay đi !

Nhà vua rút gươm chém My Châu. My Châu liền khấn vái rằng:

- Ta trọn tiết trung tín, chẳng dè bị người đánh lừa, vậy, sau khi chết, xin được hóa thành ngọc châu để rửa mối nhục này.

Nhà vua chém My Châu, máu chảy loang khắp mặt nước, loài trai dưới biển nuốt vào bụng, máu ấy hóa thành hạt minh châu. Nhà vua cầm sừng tê vằn dài bảy tấc mà đi xuống biển, đại để cũng như nói cầm sừng tê đi xuống nước. Tục truyền rằng, núi Dạ Sơn, xã Cao Xá ở Diễn Châu (nay thuộc tỉnh Nghệ An - NKT) chính là nơi Nhà vua giết My Châu rồi đi xuống biển.

Trọng Thủy đuổi đến nơi, thấy My Châu đã chết, thương khóc hồi lâu rồi đem xác về chôn ở Loa Thành. Trọng Thủy nhớ tiếc My Châu, trở lại nơi My Châu trước kia thường hay trang điểm rồi nhảy xuống giếng mà chết. Người đời sau hễ được hạt minh châu ở ngoài biển Đông, nếu đem đến lấy nước giếng ấy mà rửa, thì sắc ngọc sẽ sáng hơn".

Lời bàn : Trong mọi lỗi lầm, nhẹ dạ cả tin là lỗi lầm cần được tha thứ hơn cả. Bạn có quyền trách An Dương Vương, trách My Châu, rằng sao mà nữ nhẹ dạ cả tin đến thế. Nhưng bạn hỏi, nếu một nhà mà cha chẳng tin con, vợ chẳng tin chồng, tất cả sẽ rề rúng làm sao !

Sau lỗi lầm của An Dương Vương, tổ tiên ta phải trả giá bằng cuộc chiến đấu trường kì, gian khổ và quyết liệt hơn một ngàn năm, nhưng trong mọi trái tim nhân hậu, An Dương Vương - người có công dựng nên quốc gia Âu Lạc, dựng nên kinh thành Cổ Loa - vẫn mãi mãi được tôn kính. Ngàn năm còn đó, những đền thờ An Dương Vương.

Bạn nghĩ gì về My Châu ? Phận làm con và làm dân, nàng không trọn đạo, và cái chết đã nói thay nàng. Nhưng, phận làm vợ giữ đức thủy chung thì tiết hạnh của nàng quả là sáng như hạt minh châu dưới biển. Bất giác nghĩ về nàng, có bao giờ bạn bỗng nhớ tới những vần thơ sau đây của Tố Hữu không :

*Tôi kể ngày xưa chuyện My Châu,
Trái tim lầm chỗ để trên đầu.
Nỏ thần vô ý trao tay giặc,
Nên nỗi cơ đồ đắm biển sâu.*

08 - TRIỆU ĐÀ LÀ NGƯỜI NHƯ THẾ NÀO ?

Nhân cơ hội sụp đổ của nhà Tần, Triệu Đà đã nhanh chóng tạo lập ra quốc gia Nam Việt, quyết hùng cứ một phương. Sau, nhân sự mơ hồ và mất cánh giặc của An Dương Vương, Triệu Đà đã đánh chiếm được Âu Lạc. Thế là chỉ trong vòng chưa đầy ba mươi năm (từ năm 206 trước công nguyên đến năm 179 trước công nguyên), Triệu Đà trở thành kẻ đứng đầu một quốc gia khá lớn, vui thênh thang với một cõi của mình. Nhưng, chừng đó chưa đủ để có thể nhận diện chính xác về Triệu Đà.

Suốt một đời, nỗi bận tâm lớn nhất của Triệu Đà chính là sự hùng mạnh không ngừng của nhà Tây Hán hay còn gọi là nhà Tiền Hán ở đất trung nguyên Trung Quốc. Với nhà Tây Hán, Triệu Đà là người như thế nào ? Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kỉ, quyển 2, tờ 2a và 2b) chép rằng :

"Bấy giờ, nhà Hán đã định được thiên hạ, nghe tin Nhà vua (chỉ Triệu Đà - NKT) cũng xưng vương ở nước Việt, bèn sai Lục Giả sang phong Vua làm Nam Việt Vương, trao cho Vua quả ấn và dây thiao, lại trao cho cả cái phễu phù bồ đôi làm tin, khuyên Vua nên thông sứ với nhau và bảo Vua hãy giữ yên đất Bách Việt, chớ có cướp phá. Lục Giả đến, Nhà vua cứ ngồi chồm hổm mà tiếp. (Lục) Giả nói :

- Vương vốn là người Hán, họ hàng thân thuộc và mở mả hiện đều ở nhà Hán, thế mà nay lại làm trái với tục của nước mình, muốn chiếm đất này để đối nghịch với nhà Hán, há chẳng phải là lầm lẫn hay sao ? Và chẳng, nhà Tần mất hươu, cả thiên hạ thi nhau đuổi, chỉ riêng Hán Đế khoan nhân, cho nên, ai cũng vui theo, khởi binh từ đất Bái, đất Phong mà vào Quan Trung để gấp chiếm Hàm Dương, dẹp trừ quân hung bạo. Chỉ trong khoảng năm năm mà loạn lạc đều yên, bốn biển được yên lặng, sức người nhất quyết không thể làm nổi, ấy là nhờ trời đó thôi. Nay Hán Đế nghe tin Vương làm vua ở đất này, lòng đã từng muốn quyết đánh một phen cho rõ được thua, nhưng vì dân vừa trải cơn lao

khổ nên đành phải tạm thôi. Giờ đây, Hán Đế sai sứ sang trao ấn và dây thiao cho Vương, lễ ra, Vương phải ra tận ngoài thành nghênh đón, bái yết để tỏ lòng tôn kính (Hán Đế), thế mà Vương đã không làm, vậy, chỉ còn cách sửa lễ để tiếp sứ giả, có gì cậy dân Bách Việt đông để coi thường sứ giả của Thiên tử ? Nếu Thiên tử mà biết được, khởi binh sang đánh thì Vương sẽ tính sao ?

Vua làm ra vẻ sợ hãi, đứng dậy nói :

- Tôi ở đất này lâu ngày, thành ra quên hết cả lễ nghĩa.

Nhân đó, Vua hỏi Lục Giả rằng :

- Tôi với Tiêu Hà và Tào Tham, ai hơn ?

Lục Giả đáp :

- Vương hơn chứ.

Vua hỏi tiếp :

- Thế tôi với Hán Đế, ai hơn ?

Lục Giả nói :

- Hán Đế nổi nghiệp của Tam Hoàng và Ngũ Đế, thống trị dân Hán có đến cả ức vạn người, đất rộng hàng muôn dặm, của nhiều, người đông, thế mà quyền bính chỉ nằm trong tay một nhà, từ khi trời đất mở mang đến nay chưa từng có. Nay, dân của Vương chẳng qua mươi vạn ở xen giữa núi và biển, bất quá cũng chỉ như một quận của nhà Hán. Vương ví với Hán thế nào được?

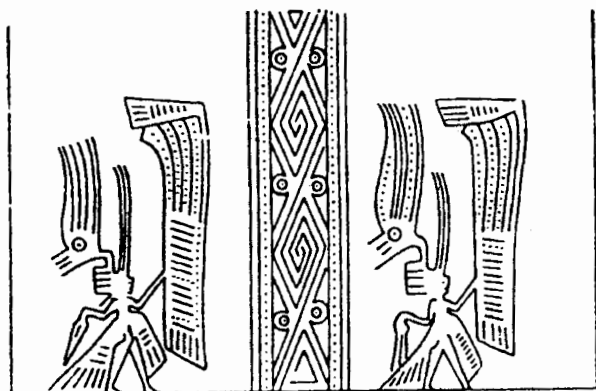
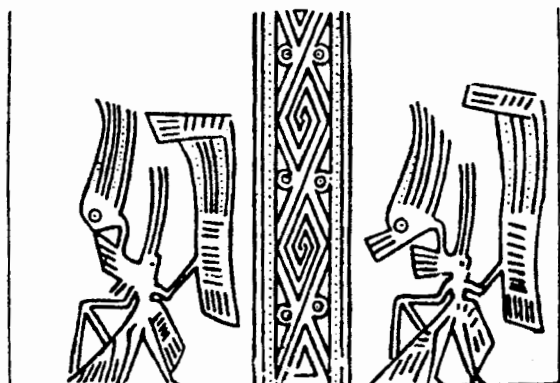
Nhà vua cười và nói rằng :

- Tôi lấy làm giận là đã không được dấy lên ở phía ấy, biết đâu tôi lại chẳng như nhà Hán bây giờ ?

Lục Giả ngồi im lặng, mặt có vẻ rất buồn. Nhà vua bèn giữ Lục Giả lại đến vài tháng. Vua nói :

- Ở đất Việt này, không ai ngang tài để tôi có thể nói chuyện được. Nay ông đến đây, hàng ngày tôi được nghe những điều chưa từng nghe.

Nhà vua cho Lục Giả các thứ châu báu đáng giá ngàn vàng để làm của riêng, đến khi Lục Giả về, lại còn cho thêm nghìn vàng nữa”.



1 - 2. Hình vũ sĩ

Lời bàn : Mới dựng được bờ cõi riêng, lúc đầu, hẳn nhiên là Triệu Đà ngênh ngang tự đắc, tự cho mình quyền ... ngồi chễm hễm mà tiếp sứ, tự ví mình với Tiêu Hà, Tào Tham và cả Hán Đế nữa. Nhưng, cũng vì mới tạo dựng được bờ cõi riêng, Triệu Đà luôn phải canh cánh nỗi lo gìn giữ cơ nghiệp của mình. Lời của Triệu Đà và

cử chỉ của Triệu Đà đã tỏ rõ như vậy. Tiếc thay, Lục Giả hình như chỉ thuộc được mấy câu nằm lòng, không đủ tài để ứng phó trước sự thay đổi thái độ của Triệu Đà. Mối hay, chọn sử giả không để một chút nào.

Việc Lục Giả ngồi im lặng, mặt có vẻ rất buồn đã khiến cho Triệu Đà không ngoan nhún nhường, cố giữ và cố tìm cách khai thác mọi nguồn tin từ Lục Giả. Và, Triệu Đà quả đã nghe được những điều chưa từng nghe. Cho nên, Triệu Đà hậu hĩ với Lục Giả mà có lỗi là gì đâu. Ôi, khiếp thay, Triệu Đà !

09 - NHÀ HÁN VÀ NGÓN ĐÒN CUỐI ĐỐI VỚI TRIỆU ĐÀ

Năm 206 trước công nguyên, ở vùng trung nguyên của Trung Quốc, Lưu Bang lập ra nhà Tiền Hán và xưng đế, đó là Hán Cao Tổ. Hán Cao Tổ ở ngôi được 12 năm thì qua đời, con là Thái tử Lưu Dĩnh được lên nối ngôi, đó là Hán Huệ Đế. Hán Huệ Đế là vua nhu nhược, bởi vậy, mọi quyền bính của triều đình đều nằm trong tay bà Lữ Hậu. Bảy năm sau, Hán Huệ Đế mất, bà Lữ Hậu đưa Thiếu Đế lên ngôi. Nhưng, Hán Thiếu Đế cũng chỉ ngồi trên ngai vàng được bốn năm thì bị bà Lữ Hậu phế truất để đưa Lưu Hoảng lên ngôi. Tóm lại, nội bộ triều đình nhà Hán liên tục khủng hoảng và xung đột. Năm 180 trước công nguyên, Lữ Hậu mất, cuộc khủng hoảng và xung đột trong nội bộ triều đình nhà Hán mới tạm dứt. Bây giờ, Lưu Hoảng được đưa lên ngôi Hoàng đế, đó là Hán Văn Đế.

Hán Văn Đế vừa lên ngôi đã lo sửa sang chính sự, trong thì lo cố kết nhân tâm, ngoài thì lo trấn áp lân bang. Một trong những mối bận tâm của Hán Văn Đế chính là Triệu Đà. Tuy nhiên, vì lúc này Triệu Đà đã già, khí lực và ý chí chẳng còn mạnh mẽ như xưa nữa, bởi vậy, Hán Văn Đế quyết định dùng ngón đòn tinh thần hiểm hóc của mình. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kí, quyển 2, từ tờ 4a đến tờ 6a) chép như sau :

"Hoàng đế của nhà Hán nhân thấy mồ mả tổ tiên của Nhà vua (chỉ Triệu Đà - NKT) đều ở Chân Định, bèn đặt ra chức Thủ

887A
10M-30N

áp và sai trông coi, hàng năm lo cúng tế, lại cho gọi các anh em của Nhà vua ra cho làm quan to, ban cho các thứ rất hậu. Xong, Hoàng đế nhà Hán hỏi Tể tướng Trần Bình rằng có thể cử ai đi sứ sang Nam Việt được. Trần Bình nói :

- Thời Tiên Đế (chỉ thời Hán Cao Tổ - NKT), Lục Giả từng đi sứ sang Nam Việt.

Hoàng đế nhà Hán gọi (Lục) Giả đến, cho làm Thái trung Đại phu, lại chọn một người nữa cho làm Phó sứ, gọi là Yết Giả, đem thư sang cho Vua. Thư ấy nói rằng : Kính thăm người lao tâm khổ tứ là Nam Việt Vương. Trẫm là con vợ lẽ của Cao Đế (tức Hán Cao Tổ - NKT), từng bị đuổi ra ngoài làm phiên vương ở đất Đại, vì đường xá xa xôi, lại cũng vì kiến thức hẹp hòi, quê kệch, cho nên chưa từng viết thư. Khi Cao Đế phải lìa bỏ bầy tôi, rồi Huệ Đế cũng qua đời, Cao Hậu (tức Lữ Hậu - NKT) tự mình trông coi việc nước nhưng cũng không may mà mang bệnh nên người họ Lữ đã làm việc chuyên quyền sai trái. Bởi một mình không thể chống đỡ, Lữ Hậu đã lấy người khác họ lên nối nghiệp Huệ Đế. May nhờ anh linh tông miếu tổ tiên và sức lực của quần thần, tất cả bọn ấy đều đã bị giết hết. Trẫm vì các bậc vương hầu và quan lại không cho chối từ nên không thể không nhận (lên ngôi Hoàng đế). Nay, mọi việc đã xong xuôi. Mới rồi, nghe tin Vương có gửi thư cho tướng Lâm Lữ Hầu, tỏ ý muốn tìm anh em thân thích và xin bãi chức hai tướng ở Trường Sa. Theo đó, trẫm đã bãi chức của tướng Dương Bác Hầu, còn như người thân của Vương ở Chân Định thì trẫm đã sai người đến thăm hỏi, đồng thời, sai sửa sang phần mộ của tổ tiên Vương. Trước đây, trẫm nghe tin Vương đem quân đi đánh ở biên giới, cướp phá mãi. Việc ấy khiến cho dân Trường Sa mà đặc biệt là dân Nam Quận rất cực khổ, như thế, liệu dân nước của Vương có thể yên hưởng lợi riêng được chăng ? Vương làm như thế, tất nhiên sẽ khiến cho nhiều quân lính bị chết, nhiều tướng giỏi bị hại, bao kẻ vợ góa con côi, bao nhà mất con, lợi một mà hại mười, trẫm thấy thật không nỡ. Nay, trẫm muốn chia đất phong cấp xen kẽ để các chư hầu chế ngự lẫn nhau, bèn đem việc ra hỏi thì các quan đều nói :

Cao Đế sở dĩ lấy Trường Sa làm địa giới, vì sau Trường Sa là đất của Vương, không nên tự ý thay đổi. Nếu trẫm có lấy thêm được đất của Vương thì nước cũng không vì thế mà lớn, lấy được của cái của Vương thì nước cũng chẳng nhờ đó mà giàu, cho nên, cỏi đất từ Ngũ Lĩnh trở về Nam, Vương cứ việc cai trị. Nhưng, Vương xưng Đế thì nếu có hai Đế mà không thông hiếu, tất sẽ tranh nhau. Tranh mà không biết nhường thì bậc nhân đức quyết không làm. Trẫm nguyện cùng Vương xóa bỏ hiềm thù để cùng nhau thông hiếu, bởi vậy, sai Lục Giả đưa tờ dụ sang để nói rõ ý riêng của trẫm. Vương nên nghe theo, chớ làm việc cướp phá nữa. Nhân đây, trẫm gởi biểu Vương 50 chiếc áo bông thượng hạng, 30 chiếc áo bông trung hạng, 20 chiếc áo bông hạ hạng. Mong Vương hãy nghe nhạc giải buồn mà thăm hỏi nước láng giềng.

Khi Lục Giả đến, Nhà vua tạ lỗi, nói rằng :

- Xin kính vâng theo chiếu chỉ, làm phiên vương, giữ mãi lệ đi nạp cống phẩm.

Sau đó, Vua hạ chiếu nói rằng : Trẫm nghe, hai người hùng không đứng cạnh nhau, hai người hiền không sống cùng đời. Hoàng đế nhà Hán là đáng Thiên tử hiền tài, cho nên, từ nay ta tự hủy bỏ hết các thứ xe mui vàng và cờ tả đạo vốn là những nghi lễ chỉ dành riêng cho Hoàng đế mà thôi.

Rồi nhân đó, Nhà vua gửi thư (cho Hoàng đế nhà Hán) nói rằng : Man di Đại trưởng lão phu, bề tôi là (Triệu) Đà, tội đáng phải chết, lạy hai lạy, nạo muối dâng thư lên Hoàng đế bệ hạ. Lão phu vốn là quan lại cũ ở đất Việt. Cao Đế từng ban cho Lão phu quả ấn và dây thào, lại phong cho làm Nam Việt Vương. Huệ Đế lên ngôi, vì nghĩa mà không nỡ tuyệt giao nên cũng ban cho Lão phu các thứ rất hậu. Cao Hậu coi việc nước, có ý phân biệt Hoa - Di, ra lệnh không bán cho Nam Việt những công cụ làm ruộng bằng sắt và bằng đồng, các loài ngựa, trâu và dê cũng chỉ bán cho con đực, không bán con cái. Lão phu ở nơi hẻo lánh, các loài ngựa, trâu và dê đều đã già. Thiết nghĩ, nếu không sắm sửa lễ vật cúng tế thì tội thật đáng chết, cho nên, (Lão phu) đã sai quan Nội sử là Phan, quan Trung úy là Cao, quan Ngự sử là Bình,

cả ba cùng dâng thư tạ lỗi, nhưng không được hồi đáp. Đã thế lại nghe đồn rằng, phần mộ cha mẹ của Lão phu thì bị đập phá, thân nhân của Lão phu thì đều bị giết, cho nên, bọn lại thuộc của thần mới bàn nhau rằng : bên trong chẳng có gì để xử với nhà Hán, bên ngoài chẳng có gì để cao ngạo với nhà Ngô, bên đối hiệu xưng đế, đó chẳng qua cũng chỉ là để làm Hoàng đế của chính nước mình, không hề có ý làm hại thiên hạ. Lúc ấy, Cao Hậu nghe tin thì cả giận, tức bỏ hết sổ sách của Nam Việt, khiến cho không được thông sứ với nhau. Lão phu trộm ngờ rằng, vì Trường Sa Vương gièm pha, cho nên mới đem quân đến biên giới để đánh. Lão phu ở đất Việt đã 49 năm, nay đã đến tuổi được ấm cháu, nhưng vẫn phải thức khuya dậy sớm, ăn không ngon, ngủ không yên. mắt không nhìn sắc đẹp, tai không màng trống chiêng, tất cả chỉ vì không được làm tôi nhà Hán đó thôi. Nay bệ hạ có lòng thương đến, cho Lão phu được dùng hiệu cũ, hai bên thông sứ như xưa, thì Lão phu dầu chết, xương cũng không nát được. Vậy, (Lão phu) xin đổi tước hiệu, không dám xưng đế nữa, đồng thời, kính cẩn sai sứ giả dâng lên Hoàng đế : một đôi ngọc bích màu trắng, một ngàn bộ lông chim trĩ, mười sừng tê, năm trăm vỏ ốc màu tía, một giỏ cà cuống, bốn chục đôi chim trĩ sống, hai đôi chim công. Lão phu mạo muội liều chết, lạy hai lạy, xin dâng lên Hoàng đế bệ hạ".

Lời bàn : Con ngựa già đến đây đã chồn chân. Một dũng tướng Triệu Đà dày dạn kinh nghiệm trận mạc và mưu lược hơn người, đến đây không còn nữa. Một Hoàng đế Triệu Đà đầy tham vọng hùng cứ một phương, đến đây cũng không còn nữa. Hán Văn Đế thừa thông minh để hiểu rằng, lúc ấy, mọi biện pháp khác đều thành công thì hiệu quả cũng chẳng cao bằng mấy lời nửa rắn đe, nửa dịu ngọt như đã kể ở trên.

Cũng là Triệu Đà, cũng là Lục Giả, hai con người cũ trong cuộc tương kiến này lại khác hẳn. Lục Giả lão luyện hơn hẳn trước hay sao ? Thật khó có thể nói như vậy, nhưng, chuyện vua Nam Việt là Triệu Đà đã tỏ ra quá mệt mỏi thì khỏi bàn cũng rõ.

Một khi Triệu Đà không còn đáng sợ nữa, thì việc nhà Hán thôn tính Nam Việt nào có khó gì ? Vấn đề còn lại chỉ là thời gian nữa mà thôi. Kê quỹ quyết không bao giờ chỉ quỹ quyết có một lần. Và sau những lần quỹ quyết ấy là muôn lần khổ khổ của dân.

10 - CÙ THỊ LÀ CÙ THỊ ƠI !

Cù Thị (nghĩa là người con gái họ Cù) vốn quê ở Hàm Đan (Trung Quốc). Khi chưa lấy chồng, Cù Thị đã từng thông dâm với một viên quan của nhà Hán là An Quốc Thiếu Quý.

Thời Triệu Văn Vương (vua thứ hai của Nam Việt, húy là Hồ, cháu của Triệu Đà), để tiếp nối việc gìn giữ hòa khí với nhà Hán, Triệu Văn Vương đã cho con là Thái tử Anh Tề sang làm con tin, nhân đó, Triệu Anh Tề đã kết hôn với Cù Thị.

Triệu Văn Vương mất, Anh Tề được về nối ngôi, đó là Triệu Minh Vương. Cù Thị hiển nhiên trở thành Hoàng hậu của Nam Việt. Triệu Minh Vương ở ngôi được 12 năm thì mất, con là Triệu Hưng được đưa lên ngôi, đó là Triệu Ai Vương. Cù Thị là Thái hậu của vua Nam Việt.

Nhận thấy cơ hội thôn tính Nam Việt xuất hiện ngày một rõ ràng, nhà Hán lập tức cử sứ giả sang. Và, sứ giả lần này lại chính là An Quốc Thiếu Quý, tình nhân cũ của Cù Thái hậu, người mà xuân sắc xem ra vẫn còn khá mặn mòi. Phái bộ sứ giả do An Quốc Thiếu Quý cầm đầu khá đông, ngoài ra lại còn có cả một đạo quân lớn do quan Vệ Úy là Lộ Bác Đức đóng ở Quế Dương để yểm trợ từ xa. Hành vi của An Quốc Thiếu Quý và Cù Thị đã được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kỉ, quyển 2, từ tờ 13-a đến tờ 15-b) chép lại như sau :

"Xưa kia, khi chưa lấy Minh Vương, Thái hậu (chỉ Cù Thị - NKT) đã từng thông dâm với một người quê ở Bá Lăng là An Quốc Thiếu Quý. An Quốc là họ, Thiếu Quý là tên. Đến đây, nhà Hán sai An Quốc Thiếu Quý sang dụ Thái hậu vào chầu, tương tự như các chư hầu trong nội hạt của nhà Hán. Nhà Hán lại sai bọn biện sĩ, Giám nghị Đại phu là Chung Quân đi tuyên dụ, bọn dũng sĩ là Ngụy Thần theo giúp việc. Ngoài ra, còn cho quan Vệ úy là Lộ Bác Đức đem quân đóng ở Quế Dương để đợi sứ giả.

Bấy giờ, Vua còn nhỏ tuổi mà Cù Thái hậu là người Hán, cho nên, An Quốc Thiếu Quý, lại thông dâm. Người trong nước biết được,

phần lớn không ai chịu theo Thái hậu. Thái hậu sợ có biến loạn, bèn dựa uy của nhà Hán, nhiều lần xin Vua và các quan xin nội thuộc vào nhà Hán. (Thế rồi, Thái hậu) nhờ sứ giả dâng thư, xin được theo lệ như các chư hầu nội hạt, cứ ba năm một lần vào chầu, triệt bỏ canh phòng ở các cửa ải (với nhà Hán). Nhà Hán bằng lòng, ban cho Vua và Thừa tướng Lữ Gia cái ấn bằng bạc và các ấn khác dùng trong triều, lại cho được quyền tự đặt các chức quan như Trung úy, Thái phó ... Các hình phạt như cắt mũi, thích chữ vào mặt... đều bãi bỏ. Nước dùng luật nhà Hán như các chư hầu nội hạt. (Nhà Hán) cũng sai các sứ giả ở lại để lo việc võ về".

... "Vua và Thái hậu đã sửa sang lễ vật quý giá cùng các thứ hành trang để vào chầu. Bấy giờ, Thừa tướng Lữ Gia tuổi đã cao, giữ chức này trải đã ba triều, họ hàng thân thuộc làm trưởng lại có đến hơn bảy chục người, con trai thì lấy con gái của Vua, con gái thì gả cho con em của Vua và người tôn thất, đã thế lại còn thông gia với Tần Vương ở Thương Ngô, được lòng dân trong nước còn hơn cả Vua. (Lữ) Gia nhiều lần dâng thư can Vua nhưng Vua không nghe, vì đó, có ý chống lại, thường cáo bệnh, không tiếp sứ giả nhà Hán. Các sứ giả nhà Hán đều chú ý đến (Lữ) Gia nhưng thế chưa thể giết được. Nhà vua và Thái hậu cũng có ý lo sợ phe (Lữ) Gia khởi sự trước nên muốn nhờ sứ giả nhà Hán lập mưu giết (Lữ) Gia. (Nhà vua) bèn mở tiệc rượu mời sứ giả cùng các đại thần đến dự. Lúc ấy, em của (Lữ) Gia làm tướng, đem quân đến đóng ở phía ngoài cung. Khi tiệc rượu mới bắt đầu, Thái hậu nói với Lữ Gia rằng :

- Nam Việt xin nội thuộc là việc có ích cho nước nhà, tại sao tướng quân lại cho là bất tiện.

Lời ấy cốt để chọc tức (cả Lữ Gia lẫn sứ giả). Sứ giả còn đang hồ nghi, do dự chưa dám làm gì thì Lữ Gia nhân thấy sắc mặt mọi người có vẻ hơi khác thường, liền đứng dậy bỏ ra ngoài. Thái hậu giận, muốn lấy giáo đâm (Lữ) Gia nhưng Nhà vua ngăn lại. (Lữ) Gia ra chia lấy quân lính của em, về nhà cáo bệnh, không chịu gặp Vua và sứ giả nữa. Từ đó, (Lữ) Gia cùng các đại thần ngầm tính chuyện làm loạn. Nhà vua vốn không có ý giết (Lữ)

Gia và (Lữ) Gia cũng biết thế, cho nên, đến cả mấy tháng mà hai bên vẫn không động tĩnh gì. Thái hậu muốn tự mình giết (Lữ) Gia nhưng sức lại không đương nổi. Hoàng đế nhà Hán được tin (Lữ) Gia không tuân mệnh còn Nhà vua và Thái hậu thì bị cô lập, yếu ớt đến độ không chế ngự nổi, sứ giả thì nhút nhát, không quyết đoán được việc gì, nhưng dẫu sao thì ý xin nội phụ của Vua và Thái hậu đã rõ, phe (Lữ) Gia chưa đáng phải dùng binh mã đến để hỏi tội, bèn định dùng Trang Sâm đem hai ngàn quân sang sứ tiếp. Trang Sâm nói rằng :

- Lấy sự hòa hiếu mà sang thì vài người cũng đủ, còn như lấy vũ lược mà sang thì hai ngàn người cũng chẳng làm được gì.

Nói rồi, (Trang) Sâm từ chối không chịu nhận mệnh. Hoàng đế nhà Hán bèn bãi chức của (Trang) Sâm. Có viên tướng coi giữ vùng phía Bắc trước đây là Hàn Thiên Thu háng hái nói :

- Một nước Việt còn con, trong thì đã có Vương và Thái hậu làm nội ứng, nay nếu cần trừng trị Thừa tướng Lữ Gia thì tôi đây chỉ xin cấp cho ba trăm dũng sĩ, thế nào cũng sẽ chém được đầu (Lữ) Gia đem về.

Nhà Hán bèn sai (Hàn) Thiên Thu cùng với em của Cù Thái hậu là Cù Lạc, đem hai ngàn quân tiến vào đất Việt. Lữ Gia bèn hạ lệnh cho cả nước rằng :

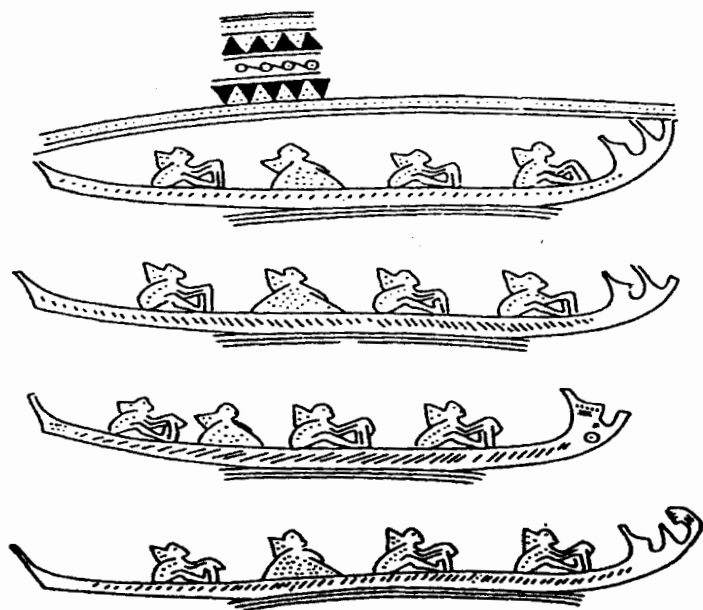
- Vua còn nhỏ tuổi, Thái hậu vốn là người Hán nay lại cùng với sứ giả nhà Hán làm chuyện dân loạn, quyết đưa nước nhà nội phụ vào nhà Hán, đem hết mọi thứ châu báu của tiên vương dâng cho nhà Hán để nịnh bợ, bắt nhiều người đến Trường An (kinh đô của nhà Hán - NKT) để bán cho người ta làm đầy tớ, tóm lại, chỉ nghĩ đến mỗi lợi riêng, không chút xót thương gì đến xã tắc của họ Triệu, chẳng hề lo đến kế lâu dài.

Xong, (Lữ Gia) cùng với em đem quân đến đánh, giết Vua và Thái hậu cùng tất cả bọn sứ giả nhà Hán, rồi sai người báo cho Tần Vương ở Thương Ngô cùng hết thầy các quận, các ấp. (Lữ) Gia lập con trưởng của Minh Vương là Thuật Dương Hầu Kiến Đức lên làm vua".

Lời bàn : Tư thông với An Quốc Thiếu Quý khi chưa lập gia thất, lỗi ấy của Cù Thị quả thật khó tha, nhưng dẫu sao thì đó cũng chỉ là chuyện tư đức, hậu thế đọc sử, nhiều lắm cũng đến lắc đầu là cùng. Người ba đẳng, của ba loài, trách cứ mà làm gì.

Tư thông với An Quốc Thiếu Quý lần thứ hai, việc làm của Cù Thị không đơn giản chỉ làm đổ bại tư đức của mình nữa. Nghĩa lớn đối với nước, tình sâu đối với quần thần, trách nhiệm đối với nhân dân ... tất cả đều bị coi thường đến độ rẻ rúng. Lữ Gia há chẳng biết giết Vua và Thái hậu là điều vạn bất đắc dĩ, nhưng chẳng qua là thế chẳng đáng dừng đó thôi.

Không có Cù Thị thì nhà Hán cũng tìm cách khác để thực hiện cho bằng được ý đồ của mình đối với Nam Việt, nhưng có Cù Thị, ý đồ đó được phủ đầy những hành vi chẳng tốt đẹp một chút nào. Cù Thị là Cù Thị ơi, ở nơi chín suối, bà có biết rằng hậu sinh oán giận những người làm hoen ố sử sách như bà. Đành rằng bà là người Hán, cũng đành rằng những chuyện bà làm xét ra đều ở phía Bắc biên giới hiện nay, nhưng chừng đó cũng đủ hậu sinh quay mặt với bà. Thương thay, nắm đất cố hương của bà !



1-4. Hình thuyền

11 - LƯỢC TRUYỆN TRƯNG NỮ VƯƠNG

7ất cả sử sách của nước nhà, bất kể là cũ hay mới, bất luận là viết ở đâu, hễ có giới thiệu về thời Bắc thuộc là thế nào cũng dành những lời trang trọng để nói về Hai Bà Trưng – hai vị nữ anh hùng đã quả cảm phát động và lãnh đạo nhân dân cả nước ta, vùng lên đập tan chính quyền đô hộ của nhà Đông Hán và lập nên nền độc lập, tự chủ trong vòng gần ba năm. Hai Bà Trưng là biểu tượng của ý chí hiên ngang và khí phách quật cường của cả dân tộc. Nay, xin theo những đoạn ghi chép tản mạn của sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kỉ, quyển 3, từ tờ 1-b đến tờ 4a) mà dựng lại lược truyện về Hai Bà Trưng như sau :

"Thái thú quận Giao Chỉ là Tô Định dùng chính sự tham lam tàn bạo. Trưng Nữ Vương dấy binh để đánh" (tờ 1-b).

"Mùa xuân, tháng hai (năm Canh Tý, 40 – NKT), Vua khổ vì Thái thú Tô Định dùng pháp luật hà khắc để trói buộc, lại thêm thù Tô Định đã giết chết chồng của mình (là Thi Sách), bèn cùng với em là Trưng Nhị nổi binh, đánh vào trị sở của châu. Tô Định chạy về nước. Các quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố đều hưởng ứng, (Trưng Nữ Vương) lấy được sáu mươi lăm thành ở Lĩnh Nam rồi tự lập làm vua" (tờ 2a và tờ 2b).

"Nhà Hán thấy họ Trưng xưng Vương lại dấy quân đánh vào các vùng biên thùy, bèn hạ lệnh cho các nơi như Trường Sa, Hợp Phố và cả Giao Châu sắp sẵn xe thuyền, sửa sang cầu cống, khai thông khe núi và tích chứa lương thực, đồng thời, phong cho Mã Viện làm Phục Ba Tướng quân, phong cho Phù Lạc Hầu là Lưu Long làm Phó tướng, đem quân sang xâm lược" (tờ 2b).

"Mùa xuân, tháng giêng (năm Nhâm Dần, 42 – NKT), Mã Viện đi men theo ven biển mà tiến vào nước ta, san núi làm đường đến hơn một ngàn dặm, đánh nhau với Vua (chỉ Trưng Nữ Vương – NKT) ở Lãng Bạc (phía Tây của La Thành gọi là Lãng Bạc). Vua thấy thế giặc mạnh, tự thấy quân mình ô hợp, khó có thể chống nổi, bèn lui về giữ Cẩm Khê (cũng có sách chép là Kim



Đền thờ Hai Bà Trưng (Hà Tây)

Khê). Quân sĩ cho Vua là đàn bà, chẳng thể cầm cự được, bèn bỏ chạy. Quốc thống từ đó lại đứt" (tờ 2b).

Lời bàn : Về Hai Bà Trưng, xin được mượn hai lời bàn của hai sử gia tiền bối lỗi lạc là Lê Văn Hưu và Ngô Sĩ Liên thay cho lời bàn của tác giả. Cả hai lời bàn này đều có trong sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kỉ, quyển 3).

- Lời của Lê Văn Hưu như sau : "Trưng Trắc và Trưng Nhị là đàn bà, vậy mà hô một tiếng, các quận Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố cùng 65 thành ở Lĩnh Ngoại đều nhất tề hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay, xem thế cũng đủ biết hình thế nước Việt ta có thể dựng nghiệp bá vương được. Tiếc thay, trong khoảng hơn ngàn năm, từ sau họ Triệu (chỉ Triệu Thị Trinh - NKT) đến trước họ Ngô (chỉ Ngô Quyền - NKT), bọn đàn ông chỉ biết cúi đầu khoanh tay làm tôi tớ cho người phương Bắc, há chẳng là xấu hổ với hai chị em đàn bà người họ Trưng hay sao ? Ôi, như thế cũng có thể nói là tự vất bỏ mình rồi vậy" (tờ 3a).

- Lời của Ngô Sĩ Liên như sau : "Họ Trưng giận Thái thú nhà Hán bạo ngược, liến vung tay hô một tiếng mà khiến cho quốc thống của nước nhà có cơ hồ được khôi phục, khí khái anh hùng đâu phải chỉ khi sống thì dựng nước xưng vương, mà còn cả ở khi chết còn có thể ngăn chặn tai họa. Phàm gặp những tai ương hạn lụt, cầu đảo không việc gì là không linh ứng. Cả đến Trưng Nhị cũng vậy. Ấy là vì đàn

bà mà có đức hạnh của kẻ sĩ, cho nên, khí hùng dũng ở trong khoảng trời đất chẳng vì thân đã chết mà kém đi. Bọn đại trượng phu há chẳng nên nuôi lấy khí phách cương trực và chính đại đó hay sao ?" (tờ 4a).

Bạn nghĩ gì về hai lời bàn này ?

12 - LỜI TÂU CỦA LÝ TIẾN, LÝ CẨM VÀ TRƯỞNG TRỌNG

Năm Canh Thìn (200), một sự kiện khác đặc biệt đã xảy ra ở ngay giữa triều đình nhà Hán. Sự kiện này gắn liền với tên tuổi của hai người. Một là Lý Tiến và hai là Lý Cẩm. Lý Tiến là quan văn, được cử giữ chức Thứ sử là chức trông coi toàn bộ các địa phương của nước ta lúc bấy giờ. Lý Cẩm là quan võ bậc thấp, lúc ấy đang làm Túc vệ là chức bảo vệ thường trực ở triều đình nhà Hán. Hai người hoàn toàn khác nhau nhưng lại cùng họ Lý, và quan trọng hơn, cùng gắn với một sự kiện được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kí, quyển 3, từ tờ 8b đến tờ 9b) chép lại như sau :

"Thứ sử là Lý Tiến, dâng lời tâu lên Hoàng đế nhà Hán, đại lược nói rằng : Quan lại trong khắp thiên hạ, ai chẳng là bề tôi của nhà vua. Vậy mà ngày nay, kẻ làm quan ở triều đình đều là sĩ phu trung châu, triều đình chưa từng khuyến khích người nào ở xa cả.

Lời tâu của Lý Tiến viết rất cảm động, đã thế lại còn viện dẫn rất nhiều bằng chứng xác đáng. Hoàng đế nhà Hán bèn xuống chiếu, cho phép mọi người trong châu ta, hễ ai đỗ Hiếu liêm (tức đỗ Hương cống, Cống sĩ hay Cử nhân - NKT) hoặc đỗ Mậu Tài (tức đỗ Sinh đồ hay Tú tài - NKT) thì được bổ làm trưởng lại trong châu (tức là làm quan ở một địa phương nào đó thuộc phạm vi của nước ta cũ - NKT) chứ không được bổ nhiệm ở vùng trung châu. Lý Tiến lại dâng sớ nói rằng :

90N.90

– Người đỗ Hiếu liêm xin đề nghị được đối xử tương tự như Bậc sĩ (tức Tiến sĩ – NKT) của mười hai châu khác, tùy tài mà dùng.

Các quan ở Hữu ti sợ rằng người phương xa không thật thà, hay bắt bẻ, chê bai triều đình nên không chấp thuận. Bấy giờ, có Lý Cầm là người Việt ta, làm Túc vệ ở đấy, biết chuyện, bèn rủ bọn đồng hương là Bốc Long, cả thầy năm sáu người, nhân ngày đầu năm có lễ triều hội, tiến đến quỳ lạy ở giữa sân điện mà tâu rằng :

– Ôn huệ của Hoàng đế ban ra không đều.

Các quan ở Hữu ti hỏi :

– Tại sao dám nói vậy ?

Đáp :

– Đất Việt ở xa, chẳng được trời che đất chở, mưa ngọt không thấm đến, gió mát không thổi vào.

Lời của họ có vẻ khẩn thiết, đau đớn lắm. Hoàng đế nhà Hán xuống chiếu an ủi, cho lấy một người đỗ Mậu Tài của nước ta làm Huyện lệnh ở Hạ Dương, một người đỗ Hiếu liêm của nước ta làm Huyện lệnh ở Lục Hợp. Sau, Lý Cầm cũng được làm quan tới chức Tư Lệ Hiệu úy. Sau nữa, có Trương Trọng được làm chức Thái thú ở Kim Thành. Thế là nhân tài nước Việt ta được tuyển dụng tương tự như người Hán, bắt đầu từ Lý Tiến, Lý Cầm vậy.

Trương Trọng người quận Nhật Nam, có lần đến Lạc Dương đúng hội Tết Nguyên Đán là hội lớn của dân ở đây, gặp Hoàng đế nhà Tấn là Tấn Minh Đế. Tấn Minh Đế hỏi :

– Nhật Nam là quận hương về phương Bắc để trông mặt trời có phải không ?

Trương Trọng đáp rằng :

– Nay trong số các quận, có quận Vân Trung nhưng đâu có phải là ở trong mây, có quận Kim Thành mà nào có phải là thành vàng. Tên gọi ấy có phải là đúng với sự thật ấy đâu. Còn như có phong khí ẩm áp, có mặt trời soi bóng trên đầu thì tất có sinh dân, Nhật Nam xưa nay vẫn vậy.

Lời bàn : Một sự việc, hai lời tâu, tương đồng là đó mà dị biệt cũng là đó. Lý Tiến là quan văn, chức hàm khá cao, bởi thế, ông tâu theo kiểu tâu của quan văn, cũng chứa chan tâm huyết, cũng thẳng thắn rạch ròi, nhưng quả là rất chừng mực, cả trong nội dung lẫn cung cách trình bày. Lý Cẩm là con nhà võ, lại là võ bậc thấp, nghĩ sao nói vậy, không câu nệ chữ nghĩa, cũng bất chấp lễ nghi, cốt sao nói được tiếng nói của mình. Nhà Hán hẳn nhiên chẳng vì lời tâu của Lý Tiến và Lý Cẩm mà thay đổi cách tuyển dụng người, nhưng dẫu sao thì cũng đã phải buộc lòng ghi nhận. Nếu thiếu dũng khí, chẳng thể nói được những lời như Lý Tiến và Lý Cẩm đã nói đâu.

Sử cũ chép chuyện Trương Trọng ngay sau chuyện Lý Tiến và Lý Cẩm, dẫu biết rõ Trương Trọng sống sau hai nhân vật họ Lý này đến hơn 100 năm, ấy là muốn chép cho liền mạch dũng khí mà trước đó Lý Tiến và Lý Cẩm đã tạo ra đó thôi. Phạm là người ở giữa cỏi cao xanh, thiếu gì thì thiếu chứ thiếu dũng khí thì kể như thiếu hẳn một cái gì lớn lao vô cùng. Câu hỏi của Tấn Minh Đế chứa chất sự cao ngạo một cách vô lối. Nhưng, đáng đời thay, trả lời cho câu hỏi của Tấn Minh Đế lại là một người Việt vừa rất giàu dũng khí lại cũng vừa rất thông minh.

Hóa ra, không biết mà chân thành đi hỏi người biết thì ta bao giờ cũng an lòng về ta. Ngược lại, không phải không biết mà vẫn cứ cố đặt câu hỏi để hỏi người biết, thì tai họa của câu trả lời chưa dễ lường trước được đâu.

13 - CHUYỆN MAN NƯƠNG

Sách *Lĩnh Nam chí* quái có chép chuyện Man Nương, nay xin theo đó mà giới thiệu lại và nhường lời bàn cho bạn đọc gần xa :

"Dưới thời trị vì của vua Hán Hiến Đế (Hoàng đế của nhà Đông Hán, Trung Quốc, ở ngôi từ năm 190 đến năm 220 – NKT) có quan Thái thú là Sĩ Nhiếp (người huyện Quảng Tín, quận Thương Ngô, Trung Quốc – NKT) xây thành ở phía Nam sông Bình Giang (sông này, xưa cũng gọi là sông Thiên Đức, nay là sông Đuống – NKT). Phía Nam của thành này có ngôi chùa thờ Phật, gọi là chùa Phúc Nghiêm. Một vị sư tên là Già La Đồ Lê đến trụ trì tại chùa này. Nhà sư có phép lạ, có thể đứng một chân, cho nên, già trẻ gái trai trong vùng đều kính thờ, gọi là Tôn sư và cùng đến để xin nghe giảng về đạo Phật.

Bấy giờ ở vùng này, có người con gái tên là Man Nương, mồ côi cả cha lẫn mẹ, nhà rất nghèo khổ nhưng cũng quyết đến xin học đạo. Song, cô nói năng vụng về, không thể cùng mọi người tụng kinh được. Cô thường hái củi, giã gạo, lo nấu nướng thức ăn cho sư sãi trong chùa cùng khách thập phương tới học đạo.

Một lần, vào khoảng tháng năm, ngày dài đêm ngắn, Man Nương nấu nướng các thức đã xong mà sư sãi tụng kinh vẫn chưa dứt, không rồi để ăn. Man Nương ngồi trông chừng, chẳng dè, ngủ gật ngay nơi bậc cửa, rồi chẳng ngờ, ngủ say quên cả đôi. Khi sư sãi tụng kinh xong, ai về phòng nấy, Man Nương vẫn nằm ngay bậc cửa một mình, sư Già La Đồ Lê không ngờ nên lỡ bước chân qua, vì thế, Man Nương bỗng thụ thai.

Được chừng ba bốn tháng sau, Man Nương xấu hổ bỏ về, còn sư Già La Đồ Lê cũng thẹn mà bỏ đi. Man Nương về tới một ngôi chùa tại ngã ba sông thì ở lại, mãn hạn khai hoa, sinh hạ được một người con gái. Man Nương bèn tìm sư Già La Đồ Lê để trả. Bữa ấy đang đêm, vào khoảng canh ba, sư Già La Đồ Lê đem đứa con gái đến cạnh gốc cây ở ngã ba sông, đặt vào đấy và nói :

- Ta gửi đứa con của Phật cho ngươi, ngươi hãy giữ lấy, thế nào ngươi cũng thành danh trong đạo.

Xong, sư Già La Đồ Lê và Man Nương từ già nhau đi. Sư Già La Đồ Lê cho Man Nương một chiếc gậy và nói :

- Cho nàng vật này, khi trở về, nếu thấy thời tiết đại hạn thì nàng hãy lấy gậy này đâm xuống đất, đất sẽ cho nước cứu dân sinh.

Man Nương cung kính nhận lấy gậy mang về. Nàng trở lại ở chùa cũ. Mỗi khi có hạn hán, nàng thường lấy gậy đâm xuống đất, mạch nước tự nhiên chảy ra, dân được nhờ cây rất nhiều.

Khi Man Nương đã ngoài tám mươi tuổi thì cái cây (nơi Già La Đồ Lê để đứa con vào) cũng tự nhiên bị đổ xuống bên sông trước chùa, nhưng cứ quanh quẩn ở đấy, không chịu trôi đi. Dân tranh nhau đến chặt làm củi, nhưng hề chặt là riu búa đều đứt mẻ hết. Họ rủ nhau hơn ba trăm người cùng kéo cây vào mà vẫn

không sao lay chuyển. Bấy giờ, Man Nương xuống bến nước rửa tay, thử lay động chơi, thì bỗng dừng cây lại di chuyển. Mọi người đều kinh ngạc, nhân đó, nhờ Man Nương kéo cây lên bờ. Sư sãi cùng Man Nương gọi thợ đến chặt cây để tạc bốn pho tượng Phật. Chặt đến đoạn thứ ba, đoạn đặt đứa con gái lúc này đã hóa thành một tảng đá rất rắn, thì tất cả rìu búa của thợ đều mẻ hết. Họ đem vát tảng đá xuống vực sâu, thì tảng đá bỗng tự phát ra những tia sáng rực rỡ, một lúc sau mới chịu chìm. Lúc đó, cả bọn thợ đều lăn ra chết. Dân ở đấy vội mời Man Nương đến khấn vái rồi nhờ dân chài lặn xuống nước vớt tảng đá lên, rước vào mạ vàng, đặt ở điện thờ Phật để thờ. Sư Già La Đồ Lê đặt tên cho bốn pho tượng là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện. Người bốn phương tới cầu mưa, không lần nào lại không ứng nghiệm. Người ta gọi Man Nương là Phật Mẫu. Đến ngày mồng tám tháng tư, Man Nương tự nhiên mà viên tịch ; xá li được gói lại và chôn trong chùa. Dân lấy ngày đó làm ngày sinh của Phật. Hàng năm cứ tới ngày đó, già trẻ gái trai khắp tứ xứ đều tụ tập về đó để vui chơi, diễn đủ các trò vui hát múa, mãi mà thành tục lệ, nay vẫn còn, gọi là hội tắm Phật".

14 - BỆNH MÊ ĐỌC SÁCH CỦA PHÒNG PHÁP THẶNG

Ở đời, cái gì cũng phải có chừng mực, vượt khỏi chừng mực cho phép, thì đó thực sự là bệnh. Đọc sách là một thú tao nhã và bổ ích, nhưng ham đọc sách quá, cũng có thể ví như mắc bệnh vậy. Năm Canh Ngọ (490), ở nước ta, có quan đô hộ của nhà Tề tên là Phòng Pháp Thặng đã mắc phải chứng bệnh này. Bệnh của Phòng Pháp Thặng được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kỉ, quyển 4, tờ 13-b) chép lại như sau :

"Mùa Đông, tháng 10 (năm Canh Ngọ, 490 - NKT), quan Thứ sử là Phòng Pháp Thặng được cử sang thay quan Thứ sử cũ là

Lưu Khải. Phòng Pháp Thặng chỉ mê đọc sách, thường vờ cáo bệnh, không chịu ra làm việc. Quan Trưởng sử là Phục Đăng Chi, nhân đó tìm cách chuyên quyền, hấn thay đổi cả quan tướng trong phủ mà Phòng Pháp Thặng cũng không hề hay. Quan Lục sự là Phòng Tú Văn đem chuyện nói cho (Phòng) Pháp Thặng biết, Phòng Pháp Thặng cả giận, bắt (Phục) Đăng Chi giam vào ngục đến hơn mười ngày. (Phục) Đăng Chi đem của cải hối lộ thật nhiều cho em rể của Phòng Pháp Thặng là Thôi Cảnh Thúc, vì thế, lại được thả ra. (Phục) Đăng Chi đem quân đánh úp phủ trị, bắt được (Phòng) Pháp Thặng. Hấn nói với Phòng Pháp Thặng rằng :

- Sứ quân đã có bệnh thì không nên khó nhọc với công việc làm gì nữa.

Xong, đem (Phòng) Pháp Thặng) quản thúc riêng ở một nơi. Thế rồi Phòng Pháp Thặng vì chẳng biết làm việc gì nên lại xin Phục Đăng Chi cho được đọc sách. (Phục) Đăng Chi nói :

- Sứ quân nghĩ không còn sợ phát bệnh, sao lại đòi đọc sách.

Và (Phục) Đăng Chi) nhất quyết không cho. Sau, hấn tâu với vua nhà Tề rằng (Phòng) Pháp Thặng bị bệnh động tim, không thể nào làm việc gì được. Tháng 11, ngày Ất Mão, vua Tề cho Phục Đăng Chi làm Thứ sử thay cho Phòng Pháp Thặng. Phòng Pháp Thặng về quê, đến Ngũ Lĩnh thì mất".

Lời bàn : Sách thường chỉ cho người những điều hay để học, những điều dở để tránh, cho nên, nếu chỉ chăm chú học điều hay hoặc giả là chỉ chăm chú để tâm tránh chỗ dở, tức là mới tiếp nhận được nhiều lắm cũng độ một nửa giá trị của sách mà thôi. Như Phòng Pháp Thặng, chẳng biết là ông mê đọc sách hay mê xem nét chữ trong sách, bởi vì phạm là người đọc sách nghiêm chỉnh, ai mà chẳng ít nhiều biết được rằng, mỗi cuốn sách chính là một tấm gương nho nhỏ, phản chiếu một phần nhân tính thể thái của ngàn xưa. Lẽ dẫu, trang giấy mỏng của những trang sách lại che khuất hết tất cả thói đen bạc đảo điên quanh ông lúc bấy giờ ?

Học cái hay của đấng quân tử tượng phu với tránh cái ác của lũ tiểu nhân thất đức, chẳng biết là cái nào khó hơn cái nào. Bởi khó cho nên kẻ sĩ vẫn cố đọc sách để biết thêm kinh nghiệm trong thiên cổ. Nhưng, chừng nào còn lũ tiểu nhân

thất đức ở bên cạnh, chừng đó còn cần phải nhớ rằng, mê đọc sách mấy thì mê, thỉnh thoảng cũng phải ngoài cổ lại một chút, nếu không, chúng sẽ trông đây vào cổ ta.

Phòng Pháp Thặng hình như không phải mất vì bệnh dọc đường trở lại cố hương. Hình như là thế. Không tin, cứ đọc kĩ lại đoạn sử này mà xem.

15 - TRẬN KỊCH CHIẾN Ở HỒ ĐIỂN TRIỆT

Mùa xuân năm 542, Lý Bí (còn có tên gọi khác là Lý Bôn) đã dựng cờ khởi nghĩa, tập hợp và lãnh đạo nhân dân cả nước quét sạch quân đô hộ nhà Lương ra khỏi bờ cõi. Hai năm sau (năm 544), ông lên ngôi Hoàng đế, xưng là Lý Nam Đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân và niên hiệu là Thiên Đức (cũng có sách viết là Đại Đức). Từ đây, một chính quyền độc lập và tự chủ được thiết lập, nhưng cũng từ đây, sau cơn hốt hoảng nhất thời, nhà Lương đã liên tiếp tổ chức những cuộc đàn áp có quy mô lớn. Một trong những viên tướng khét tiếng tàn bạo nhất của nhà Lương là Trần Bá Tiên được giao nhiệm vụ chỉ huy các cuộc đàn áp này. Bên cạnh Trần Bá Tiên là một loạt những tướng lĩnh dày dạn kinh nghiệm trận mạc như Dương Phiệu, Tiêu Bật ... Bởi cuộc tấn công ồ ạt của Trần Bá Tiên, nghĩa quân Lý Bí bị thua hai trận lớn ở Chu Diên (đất này nay thuộc Hà Tây) và ở cửa sông Tô Lịch. Lý Bí rút về Gia Ninh (nay thuộc huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc). Trần Bá Tiên cho quân vây đánh Gia Ninh, Lý Bí lại phải rút về Điển Triệt (nay thuộc huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc). Vùng Điển Triệt có hồ Điển Triệt rất rộng. Nay, hồ này vẫn còn. Cũng có người gọi là hồ Tứ Yên vì ngày nay, hồ nằm ở khu vực xã Tứ Yên. Năm Bính Dần (546), trận kịch chiến giữa lực lượng của Lý Bí với quân đội nhà Lương do Trần Bá Tiên chỉ huy, đã diễn ra tại hồ Điển Triệt. *Sách Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kỉ, quyển 4, tờ 16-b) chép rằng :

"Mùa xuân, tháng giêng (năm 546 – NKT), bọn Trần Bá Tiên đã chiếm được thành Gia Ninh, Nhà vua (chỉ Lý Nam Đế – NKT)

đánh phải chạy vào đất của người Lão (từ chỉ chung đồng bào các dân tộc ít người – NKT) ở Tân Xương. Quân nhà Lương đóng ở cửa sông Gia Ninh.

Mùa thu, tháng tám, Nhà vua đem hai vạn quân từ đất Lão ra đóng ở hồ Điển Triệt, thuyền bè nhiều đến nổi chật cả mặt hồ. Quân nhà Lương trông thấy thì sợ, không dám tiến vào, cứ đóng ở khu vực gần với cửa hồ mà thôi. Trần Bá Tiên nói với các tướng rằng :

– Quân ta ở đây đã lâu, thế cô, không được tiếp viện, tương sĩ thì mỗi một. Một khi đã tiến sâu vào nước người mà thua trận thì đừng mong sống sót. Nay, nhân lúc họ bại trận mấy phen liền, dân Di Lão lại ô hợp, đánh họ thật không khó, cho nên, đây chính là lúc phải ra tay liều chết để đánh bằng được, bởi vì nếu vô cơ mà dừng lại thì lỡ hết cả thời cơ.

Các tướng (dưới trướng Trần Bá Tiên) đều im lặng, không ai tỏ vẻ hưởng ứng. Đêm hôm ấy, nước sông lên mạnh, dâng cao đến bảy thước, ô ạt tràn vào hồ. (Trần) Bá Tiên đem quân bản bộ của mình, theo dòng nước mà tiến vào trước. Quân nhà Lương đánh trống reo hò theo sau. Nhà vua vốn không lo phòng bị nên quân bị tan vỡ nhanh chóng, buộc phải lui vào động Khuất Lão (đất này nay thuộc huyện Tam Thanh, tỉnh Phú Thọ) để chỉnh đốn quân ngũ. Sau, Vua ủy quyền cho tướng là Triệu Quang Phục trông coi việc nước và chỉ huy việc đánh quân của (Trần) Bá Tiên".

Lời bàn : Lý Bí là bậc có chí cả hơn người, vung gươm diệt giặc để tạo nền thái bình cho xã tắc, công đức thật là lớn lao. Tiếc thay, khi sự nghiệp lớn chưa thành, ông đã sớm mất cảnh giác và thiếu sự triệt để. Quân nhà Lương thắng không phải bởi cái tài của chúng mà là ở chỗ dở của ông đó thôi.

Về sự đại bại của Lý Bí, hai cây đại bút của sử học nước nhà thời Trần và thời Lê là Lê Văn Hưu và Ngô Sĩ Liên đều có lời bàn. Xin được giới thiệu hai lời bàn đó như sau :

– Lời của Lê Văn Hưu : " Binh pháp cổ có câu rằng, nếu có ba vạn quân sức lực đồng đều, cả thiên hạ không ai địch nổi. Nay Lý Bí có năm vạn quân mà vẫn không giữ được nước, ấy là bởi Lý Bí không có tài làm tướng, hoặc giả là bởi quân lính mới hợp lại, chưa quen trận mạc chăng ? Không, Lý Bí cũng là bậc tương đối

có tài, ra trận cũng có thể chế ngự được đối phương để giành phần thắng, nhưng không may là gặp phải Trần Bá Tiên có tài cầm quân đó thôi".

- Lời của Ngô Sĩ Liên : "Tiền Lý Nam Đế dấy binh trừ bạo, rất thuận với đạo lớn của trời, vậy mà cuối cùng lại bị bại, ấy là vì trời chưa muốn cho nước nhà được trị bình chăng ? Than ôi, Nhà vua không chỉ vì gặp phải Trần Bá Tiên là kẻ có tài cầm quân, mà còn gặp lúc nước sông đột ngột dâng cao trợ sức cho giặc nữa. Đó há chẳng phải tại trời hay sao ?".

16 - SỰ TÍCH ĐẦM DẠ TRẠCH

Ở huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên ngày nay, có khu đất đầm lầy rất rộng, với nhiều tên gọi khác nhau như : đầm Dạ Trạch, Nhất Dạ Trạch (cái đầm hình thành sau một đêm), Mạn Trù Châu (bãi Giăng Màn), Tự Nhiên Châu (bãi Tự Nhiên) ...v.v. Tuy nhiên, tên gọi phổ biến và quen thuộc nhất vẫn là đầm Dạ Trạch. Sự tích đầm Dạ Trạch khá li kì. Nay, xin được trích từ sách *Lĩnh Nam chí chích quái* để giới thiệu về đầm Dạ Trạch, còn lời bàn về câu chuyện li kì này, xin kính nhường bạn đọc.

"Vua Hùng Vương thứ ba sinh hạ được một người con gái, đặt tên là Tiên Dung. Tiên Dung lên mười tám tuổi, dáng người xinh đẹp, chỉ thích ngao du thiên hạ, không muốn lấy chồng. Nhà vua yêu chiều nên cũng để nàng thỏa thích. Hàng năm, cứ vào khoảng tháng hai hoặc tháng ba, Tiên Dung sắm sửa thuyền bè, chu du ra tận ngoài biển, có khi mãi vui quên cả ngày về.

Bấy giờ ở làng Chử Xá, có hai cha con rất hiền từ và hiếu thảo là Chử Vi Vân và Chử Đồng Tử. Chẳng may nhà họ gặp hỏa hoạn, của cải cháy hết, hai cha con chỉ còn lại một chiếc khố bằng vải, ra vào phải thay nhau mà mặc. Đến lúc cha già lâm bệnh, gọi con là Chử Đồng Tử tới, nói rằng :

- Cha chết cứ để trần truồng mà chôn, con hãy giữ khố lại, có thể mới mong khỏi xấu hổ.

Nhưng khi cha mất, Chữ Đồng Tử cứ chôn khố theo cho cha, còn mình thì chịu cảnh đói rét trần truồng, rất khổ sở. Chữ Đồng Tử thường ra sông câu cá, hễ thấy có thuyền buôn đi qua thì đứng ngâm mình dưới nước mà xin ăn.

Thế rồi hôm đó, không ngờ thuyền của Tiên Dung tới. Nghe có tiếng chiêng trống, sáo kèn náo nhiệt và thấy nghi trượng cờ quạt, Chữ Đồng Tử hoảng sợ lắm. Nhân thấy trên bãi cát ven sông, có mấy khóm lau lợ thơ vài ba gốc, Chữ Đồng Tử bèn vào moi cát vùi thân, nấp ở đó. Phút chốc, thuyền của Tiên Dung tới. Nàng dừng lại và lên bờ dạo chơi rồi hạ lệnh cho quây màn chung quanh khóm lau làm nơi tắm gội. Tiên Dung vào màn cởi áo tắm rửa, dội nước khiến cho cát trôi, lộ ra thân hình của Chữ Đồng Tử. Tiên Dung kinh ngạc, nhìn một lúc lâu, biết đó là người con trai, liền nói :

- Ta vốn không muốn lấy chồng. Nay gặp người con trai này trần truồng trong chỗ tắm gội, ắt là do trời xui như thế. Thôi, chàng hãy mau dậy cùng tắm rửa đi.

Tiên Dung ban cho Chữ Đồng Tử áo quần rồi bảo xuống thuyền, cùng dự tiệc vui vẻ. Người trong thuyền, ai ai cũng cho là cuộc kì ngộ xưa nay chưa từng có. Chữ Đồng Tử nói rõ vì sao mình lại làm như thế. Tiên Dung bùi ngùi than thở, bảo chàng cùng kết duyên vợ chồng. Chữ Đồng Tử cố từ chối nhưng Tiên Dung nói :

- Sự thế gặp nhau là do trời xui ra thế, xin đừng chối từ làm gì nữa.

Những kẻ theo hầu về tâu với Hùng Vương. Hùng Vương giận dữ, nói rằng :

- Tiên Dung không hề biết tiết danh tiết là gì. Nó đã không hề biết tiết của cải của ta, rong chơi khắp chốn, lại còn hạ mình lấy kẻ nghèo hèn, thế thì còn mặt mũi nào mà nhìn ta nữa. Từ nay cứ mặc nó, muốn làm gì thì làm, không được trở về nữa.

Tiên Dung nghe được tin ấy, sợ không dám về, bèn cùng Chữ Đồng Tử mở phố xá, lập quán chợ để mua bán với dân, tạo ra chợ lớn, tức chợ Thám bây giờ (chợ Thám ở Văn Giang, nay thuộc tỉnh Bắc Giang – NKT). Con buôn nước ngoài tới lui buôn bán, ai ai cũng kính thờ Tiên Dung, tôn Tiên Dung và Chữ Đồng Tử làm chúa.

Một hôm, có con buôn đến nói với Tiên Dung rằng :

– Nếu quý nhân bỏ ra một dật vàng (mỗi dật tương đương với 24 lạng – NKT) cùng con buôn ra ngoài buôn bán, thì sang năm sẽ sinh lợi đến mười dật.

Tiên Dung nghe vậy, lấy làm mừng, bèn nói với Chữ Đồng Tử:

– Duyên vợ chồng là do trời định, còn như cái ăn cái mặc của ta là do ta tự làm. Nay thử mang một dật vàng theo bọn con buôn ra ngoài mua vật quý về sống xem sao.

Chữ Đồng Tử bèn theo người khách buôn ấy đi buôn bán, xuôi ngược khắp cả xứ người. Một hôm qua núi Quỳnh Vi (tên một quả núi chỉ có trong thần thoại – NKT), nhân khi khách buôn ghé vào lấy nước, Chữ Đồng Tử bèn lên núi dạo chơi, thấy trên đó có một cái am nhỏ, trong am có một vị sư tên là Phật Quang. Phật Quang truyền phép cho Chữ Đồng Tử. Chữ Đồng Tử bèn đưa tiền cho người khách buôn đi mua hàng, còn mình thì ở lại học phép thuật. Sau, khách buôn trở lại am đón Chữ Đồng Tử cùng về. Sư Phật Quang tặng cho Chữ Đồng Tử một cái gậy, một chiếc nón lá và dặn :

– Tất cả các phép thần thông linh ứng đều đã ở cả đây.

Chữ Đồng Tử về, đem chuyện học đạo kể hết cho Tiên Dung. Tiên Dung giác ngộ, bỏ cả quán chợ và nghề buôn, cùng Chữ Đồng Tử đi chu du tìm thầy học đạo. Có hôm đi xa, tới đến vẫn chưa kịp về nhà, đành nghỉ tạm dọc đường, dựng gậy rồi úp nón lên để làm chỗ che thân, chẳng dè vào đến canh ba thì các thứ lều vàng gác tía, thành quách, lầu đài, kho tàng, miếu mạo cùng vô số vàng bạc châu báu, giường chiếu trướng màn, tôi tớ nam nữ và

thị vệ ... hiện ra la liệt trước mắt. Sáng hôm sau, ai ai trông thấy cũng đều kinh ngạc, bèn đem hoa quả cùng các thức ăn ngon tới dâng, xin làm bể tội. Từ đó, (Chử Đồng Tử và Tiên Dung) có đủ trăm quan văn võ và binh sĩ túc vệ, dựng thành một nước riêng.

Hùng Vương nghe tin ấy, cho là con gái có ý làm loạn, bèn đem quân đi đánh. Quân của Hùng Vương sắp tới nơi, quần thần xin đem binh lính ra chống cự. Tiên Dung cười nói :

– Việc này không phải do ta làm mà là do trời khiến vậy. Sống chết có trời, làm con ai chống lại cha bao giờ. Xin hãy thuận theo lẽ, cứ để mặc cho (quân của vua cha) chém giết.

Lúc ấy, những dân mới theo đều sợ mà chạy tứ tán, chỉ có dân cũ ở lại cùng Tiên Dung. Quân của Hùng Vương đến, vì trời đã tối nên dựng dinh trại ở bãi Tự Nhiên, phía bên kia bờ sông. Đêm ấy, trời nổi gió to, cây bật gốc, cát bay mù mịt, quân của Hùng Vương rối loạn. Tiên Dung cùng Chử Đồng Tử và bộ hạ phút chốc bay lên trời. Chỗ nền đất cũ bỗng sụt xuống thành một cái đầm rất lớn. Sáng sớm hôm sau, người ta chẳng thấy lâu đài thành quách đâu nữa, cho đó là điều linh dị, bèn lập miếu thờ, bốn mùa cúng tế. Người ta nhân đó gọi đầm ấy là Nhất Dạ Trạch, bãi cát ấy là bãi Tự Nhiên hoặc bãi Mạn Trù và chợ ấy là Hà Thị".

17 - TRIỆU VIỆT VƯƠNG ĐÃ ĐÁNH GIẶC NHƯ THẾ NÀO ?

7riệu Việt Vương húy là Triệu Quang Phục, con của Triệu Túc, người đất Chu Diên. Đất Chu Diên thời Lương, nay là một phần của tỉnh Hải Dương. Nhiều người cho rằng, quê của Triệu Quang Phục, nay có lẽ là vùng huyện Phả Lại (tỉnh Hải Dương). Năm 542, Triệu Quang Phục cùng với cha là Triệu Túc tham gia cuộc khởi nghĩa do Lý Bí phát động và lãnh đạo. Năm 544, khi

Lý Bí lên ngôi, xưng là Lý Nam Đế thì Triệu Túc được phong làm Thái Phó, còn Triệu Quang Phục được phong làm tướng cầm quân. Năm 546, khi Lý Nam Đế đại bại ở trận Diên Triệt, Triệu Quang Phục được ủy thác quyền trông coi việc nước và chỉ huy việc đánh quân xâm lược nhà Lương.

Triệu Quang Phục là người cầm quân rất linh hoạt. Chính ông là người đã có công quét sạch quân xâm lược nhà Lương ra khỏi bờ cõi, góp phần làm rạng rỡ truyền thống ngoan cường và làm phong phú kho tàng nghệ thuật quân sự của tổ tiên. Về cuộc chiến đấu của Triệu Quang Phục, sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kỉ, quyển 4, tờ 17a-b) chép như sau :

"Triệu Quang Phục chống nhau với Trần Bá Tiên, chưa phân thắng bại, nhưng quân của Trần Bá Tiên rất đông, Triệu Quang Phục liệu thế không chống nổi, bèn rút về đầm Dạ Trạch (đầm này cũng gọi là đầm Nhất Dạ Trạch hay bãi Mạn Trù, nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên - NKT - Xem giai thoại 16). Đầm này ở huyện Chu Diên, chu vi rộng lớn không biết bao nhiêu là dặm, trong cỏ cây um tùm, bụi rậm kín mít. Ở giữa đầm có khu đất cao có thể ở được, nhưng bùn đất lầy lội, người ngựa khó đi, chỉ có thể dùng thuyền độc mộc loại nhỏ, chống sào lướt cỏ mới di chuyển được. Vào đó, nếu không thông thuộc đường lối thì lạc, chẳng biết sẽ về đâu, đã thế, nếu lỡ rơi xuống nước thì sẽ bị rắn độc cắn chết. Triệu Quang Phục thuộc hết mọi lối, đem hơn hai vạn quân vào đóng ở khu đất nổi trong đầm, ban ngày thì tuyệt đối không để lộ khói lửa, ban đêm dùng thuyền độc mộc đưa quân ra đánh phá doanh trại của quân Trần Bá Tiên, giết và bắt sống được rất nhiều tên, lấy được không ít lương thực để có thể cầm cự lâu dài.

(Trần) Bá Tiên cố theo dấu tìm đánh nhưng không sao đánh được. Người trong nước gọi (Triệu Quang Phục) là Dạ Trạch Vương.

"Nhà vua (chỉ Triệu Quang Phục - NKT) ở trong đầm, thấy quân nhà Lương không chịu rút lui, bèn đốt hương cầu đảo, khẩn thiết kính cáo với trời đất quỷ thần. Thế rồi điềm lành hiển hiện,

Vua được mũ đầu mâu có móng rồng dùng để đi đánh giặc. Thế quân từ đó ngày một mạnh mẽ, không ai địch nổi.

Tục truyền : Thần nhân trong đầm chính là Chử Đồng Tử. Lúc ấy, Chử Đồng Tử cưỡi rồng vàng từ trên trời xuống, trút móng rồng trao cho Nhà vua, bảo Vua đem cài lên mũ đầu mâu mà đi đánh giặc".

..."Trần Bá Tiên mưu tính cầm cự lâu ngày, khiến cho quân của Nhà vua hết lương thì có thể phá được. Nào ngờ lúc ấy nhà Lương có loạn Hầu Cảnh, phải gọi Trần Bá Tiên về. Trần Bá Tiên ủy thác cho Dương Sàn đánh nhau với Nhà vua. (Dương) Sàn chống cự không nổi, bị giết, quân nhà Lương tan vỡ, tháo chạy về Bắc. Nước nhà lại được yên. Nhà vua vào thành Long Biên ở".

Lời bàn : Binh pháp cổ thường nhấn mạnh đến yếu tố địa lợi, coi đó như một trong những nguyên nhân quan trọng của thắng lợi cuối cùng. Triệu Quang Phục bám lấy đầm Dạ Trạch, tức là đã bám lấy được yếu tố địa lợi rồi vậy. Đó chưa phải là tất cả địa lợi của nước ta đương thời, nhưng đó rõ ràng là tất cả những gì thuộc về địa lợi mà nghĩa quân của ông có thể bám được và biến được thành sức mạnh của chính mình. Ở đời, mọi sự hay không phải chỉ ở chỗ nó thực sự hay, mà còn ở chỗ, sự ấy ta hoàn toàn có thể làm được, hoàn toàn trong tầm tay của ta.

Trần Bá Tiên đem quân đi đánh đất người, vậy mà tính kế cầm cự lâu ngày, tức là đã cố làm điều không thể làm vậy. Ngược lại, đội quân của Triệu Quang Phục kiên quyết bám đầm Dạ Trạch để chờ thời, tức là làm điều hoàn toàn có thể làm được. Cho nên, quân Triệu Quang Phục thắng lợi, chuyện có gì là lạ đâu.

Đầm Dạ Trạch có thần chăng ? Sử cũ dành cho Chử Đồng Tử và Tiên Dung những lời thật trang trọng. Ngàn năm vật đổi sao dời, nhưng phàm đã là thần nhân sông núi, có đâu lại không phù hộ chí lớn của những người quả cảm cứu nước, cứu dân. Người xưa tin là có thần, một lòng thành kính thờ thần, cho nên, dân bao giờ cũng muốn và cũng tin là thánh thần luôn ở bên cạnh các vị hào kiệt của họ, bên cạnh việc đại nghĩa của họ.

Triệu Quang Phục dũng cảm và bền chí bám đầm Dạ Trạch đến cùng để đánh giặc, việc làm phi thường ấy, hẳn nhiên phải được diễn đạt bằng những lời phi thường. Biết làm sao hơn được, xưa mà !

18 - TRIỆU VIỆT VƯƠNG ĐÃ CHẾT NHƯ THẾ NÀO ?

Năm 546, sau trận thua ở hồ Điển Triệt, Lý Bí lánh vào động Khuất Lão, ủy quyền trông coi việc nước và chỉ huy cuộc chiến đấu chống quân nhà Lương xâm lược cho Triệu Quang Phục. Nhận sự ủy thác ấy, Triệu Quang Phục đem lực lượng về bám đầm Dạ Trạch, tổ chức chiến đấu lâu dài và cuối cùng, đã giành được thắng lợi.

Tuy nhiên, cũng ngay khi Lý Bí lánh vào động Khuất Lão, một vị tướng khác của Lý Bí là Lý Thiên Bảo, đem một bộ phận binh sĩ, gồm đến ba vạn người, chạy vào Cửu Chân (tức là vùng Thanh Hoá ngày nay). Tại đây, bị Trần Bá Tiên đuổi theo đánh, Lý Thiên Bảo đã chạy sang động Dã Năng. Đất này thuộc lãnh thổ của Lào. Dã Năng là một vùng khá trù phú, Lý Thiên Bảo bèn cho xây thành để ở, tính kế cư ngụ lâu dài. Ông xưng là Đào Lang Vương, lấy tên động Dã Năng làm tên nước !

Năm 555, Đào Lang Vương Lý Thiên Bảo qua đời, không có con nối dõi, một vị tướng khác, người cùng họ với Lý Bí là Lý Phật Tử được đưa lên nối nghiệp. Bấy giờ, Triệu Quang Phục đã đánh đuổi được quân nhà Lương và xưng là Triệu Việt Vương, đóng trong thành Long Biên.

Năm 557, Lý Phật Tử liền đem quân đánh... Triệu Việt Vương. Sự kiện đau xót này được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kỉ, quyển 4, từ tờ 19-b đến tờ 21-b) chép lại như sau :

"Lý Phật Tử đem quân xuống vùng Đông Bắc, đánh nhau với Nhà vua (chỉ Triệu Việt Vương - NKT) tại Thái Bình, năm trận liền vẫn chưa phân thắng bại. Quân của Lý Phật Tử hơi nao núng, ngờ là Nhà vua có phép thuật lạ, bèn xin giảng hòa, thể thân thiện với nhau. Nhà vua nghĩ rằng, (Lý) Phật Tử là người cùng họ với Lý Nam Đế, cho nên, không nỡ cự tuyệt, bèn lấy bãi Quân Thần ở hai xã Thượng Cát và Hạ Cát của huyện Từ Liêm (ngoại

thành Hà Nội - NKT) làm địa giới. Từ đó trở về phía Tây thì nhường cho Lý Phật Tử. Lý Phật Tử dời về đóng tại thành Ô Diên (xã Hạ Mỗ, Từ Liêm có đền thờ Bát Lang, tức là đền thờ Nhà Lang vậy).

Sau, Lý Phật Tử có con trai là Nhã Lang. Nhã Lang xin cưới con gái của Nhà vua là Cảo Nương làm vợ. Nhà vua bằng lòng. Từ đó, hai bên thành thông gia. Nhà vua rất yêu quý Cảo Nương, bèn cho Nhã Lang được ở rể".

Nhã Lang ở rể vừa được ba năm thì biến cố lớn đã xảy ra, mà với biến cố này, Nhã Lang vừa là thủ phạm, lại cũng vừa là nạn nhân. Sách trên (tờ 20-a) khi chép chuyện năm Canh Dần (570) cho biết như sau :

"Nhã Lang nói với vợ rằng :

- Trước kia, cả hai vua cha cùng thù oán nhau, vậy mà nay lại kết nghĩa thông gia, sự thể quả là rất hay. Nhưng, vua cha của nàng có thuật gì hay mà đẩy lùi được quân của vua cha ta?

Cảo Nương không hề hay biết ẩn ý của chồng, bèn bí mật lấy mũ đầu mâu có gắn móng rồng cho chồng xem. Nhã Lang nhận đó, tháo cái móng rồng ấy, rồi nói với Cảo Nương rằng :

- Ta nghĩ, ơn sâu của cha mẹ lớn kể như trời đất. Nay, vợ chồng yêu quý nhau, không nỡ xa cách, nhưng ta cũng quyết phải tạm dứt tình để về thăm cha mẹ.

Nhã Lang trở về, cùng với cha, bàn mưu đánh chiếm nước (của Triệu Việt Vương)".

... "Nhà vua (đây chỉ Lý Phật Tử - NKT) phụ lời thề ước, đem quân đánh úp Triệu Việt Vương. Lúc đầu, Triệu Việt Vương chưa rõ cơ sự, vội đem quân và đội mũ đầu mâu đứng chờ. Quân của Nhà vua ào ạt tiến đến, Triệu Việt Vương tự biết yếu thế không sao chống cự nổi, bèn đem con gái chạy về phía Nam, tính tìm đất hiểm để có thể ẩn náu mà mưu sự lâu dài. Nhưng, chạy tới đâu cũng bị quân của Nhà vua đuổi theo sát gót. Triệu Việt Vương phi ngựa về cửa biển Đại Nha (nay là cửa Liêu, thuộc huyện

Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định – NKT). Khi thấy biển chắn trước mặt, Triệu Việt Vương than rằng :

– Ta hết đường chạy rồi !

Nói xong thì nhảy xuống biển tự tử. Nhà vua đuổi đến nơi, thấy trước mặt chỉ có biển mênh mông, không rõ Triệu Việt Vương chạy đường nào, bèn quay trở lại. Họ Triệu đến đó thì mất nước. Người đời sau thấy có nhiều chuyện linh thiêng dị thường, bèn lập đền thờ ở cửa biển Đại Nha".

Lời bàn : Kế cũ của Triệu Đà, đến đây được Lý Phật Tử lặp lại, lạ lùng chẳng thì cũng chỉ là ở chỗ, bậc đa mưu túc trí như Triệu Việt Vương vẫn cứ bị trúng kế một cách thảm hại đó thôi. Hẳn nhiên là Triệu Việt Vương cũng có chỗ khiếm khuyết của mình, nhưng trách ông thì quả là chẳng thể. Một đời ông canh cánh nỗi lo cảnh giác với kẻ thù, thế là đã quá đủ, lẽ đâu bắt ông còn phải thường xuyên cảnh giác với thông gia, với con rể của mình ? Có những thứ lỗi rất khó khắc phục, và quả là cũng chẳng muốn khắc phục, đại để như lỗi cả tin của Triệu Việt Vương. Ngẫm mà xem !

Có những thắng lợi không hề đem lại vinh quang, ngược lại còn bị sử sách nghiêm phê nữa. Thắng lợi của Lý Phật Tử thuộc loại này. Xin dẫn hai lời nghiêm phê của Ngô Sĩ Liên để thấy rõ hơn sự công minh của sử thần trước. Cả hai lời nghiêm phê này đều được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kỉ, quyển 4) ghi lại :

– *Lời thứ nhất :* "Con gái lấy chồng thì gọi là *quy*, vậy, nhà chồng tức là nhà mình vậy. Con gái của Nhà vua đã gả cho Nhà Lang, thì hà cớ gì không cho về nhà chồng mà lại bắt chước theo tục ở rể của nhà Doanh Tần để đến nỗi bại vong" (Tờ 20-b).

– *Lời thứ hai :* "Lấy thuật tranh bá mà xét thì Hậu Lý Nam Đế (tức Lý Phật Tử – NKT) đánh Triệu Việt Vương là đắc kế, song, lấy đạo của bậc làm vua mà xét thì việc ấy không bằng cả lũ chó, heo. Vì sao ? Khi Tiền Lý Nam Đế (chỉ Lý Bi – NKT) ở động Khuất Lão đã đem các việc quân quốc ủy cho Triệu Việt Vương. Triệu Việt Vương thu nhặt tàn quân, bám giữ đất hiểm là đầm Dạ Trạch bùn lầy nước đọng để đương đầu với người hùng một thời là Trần Bá Tiên, cuối cùng bắt được tướng của hắn là Dương Săn, người phương Bắc buộc phải lui quân. Khi ấy, Vua (chỉ Lý Phật Tử – NKT) trốn trong đất Di Lão, chỉ cầu mong thoát khỏi miệng hùm mà thôi. May được Trần Bá Tiên về Bắc, Lý Thiên Bảo qua đời, Vua mới có cơ hội đem quân đi đánh Triệu Việt Vương, gian trá dùng mưu xin hòa và kết mối thông gia để hại người. (Triệu) Việt Vương đã lấy lòng thành mà đối đãi, lại còn

cất đất cho mà ở, như thế, mọi việc đều chính nghĩa, giao hảo rất phải đạo, thăm viếng cũng phải thời. đó há chẳng là đạo trị yên lâu bền hay sao ? Thế mà (Lý Phật Tử) lại dùng mưu gian của Nhã Lang, vứt bỏ cả nhân luân chính đạo, tham lợi mà vong ân, tuy đánh cướp được nước nhưng Nhã Lang thì phải chết còn thân mình thì sau phải vào tù (chỉ việc Lý Phật Tử bị nhà Tùy bắt năm 602 - NKT), phòng có ích gì đâu".

Hai lời bàn của sử thần Ngô Sĩ Liên, đúng sai tùy đời thẩm định, nhưng đáng sợ thay, nếu có ai đó đồng cảm và đồng tình với việc làm phản trắc của Nhã Lang và của Lý Phật Tử. Buồn thay, tên người và hành vi của người chẳng chút giống nhau.

19 - NÔI LÒNG KHƯƠNG CÔNG PHỤ

Khuương Công Phụ người xã Sơn Ôi, huyện Yên Định (Thanh Hóa). Ông sinh và mất năm nào không rõ, chỉ biết ông đỗ Tiến sĩ vào năm Canh Thân (780) và làm quan cho nhà Đường, tức là người của cuối thế kỉ thứ VIII đầu thế kỉ thứ IX. Em của Khuương Công Phụ là Khuương Công Phục, cũng đỗ Tiến sĩ, làm quan cho nhà Đường, được phong tới chức Lang trung bộ Lễ. Như vậy, họ Khuương là dòng họ đại khoa bảng rất hiếm hoi của nước ta thời Bắc thuộc.

Tuy cũng là đỗ Tiến sĩ như mọi người, nhưng sử cũ cho biết, vì bài chế sách của ông viết rất xuất sắc, cho nên, ông được vua Đường là Đường Đức Tông đặc cách, cho làm tới chức Hữu thập di Hàn lâm Học sĩ, kiêm Kinh triệu Hộ Tào tham quân.

Sinh thời, Khuương Công Phụ là người cương trực và trí lực rất mạnh mẽ. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kỉ, quyển 5, tờ 5a-b) chép về ông như sau :

"(Khuương Công Phụ) từng xin vua Đường giết Chu Thử nhưng vua Đường không nghe. Chẳng bao lâu sau đó thì kinh sư của nhà Đường có biến loạn, vua nhà Đường theo cửa Thượng Uyển để lánh ra ngoài, (Khuương) Công Phụ giữ ngựa lại, can rằng :

- Chu Thử từng làm tướng ở đất kinh sư, rất được lòng binh sĩ. Vừa rồi, vì Chu Thao làm phản nên (Chu Thử) mới bị Nhà vua thu hết binh quyền. Thường ngày, hắn vẫn lấy đó làm điều uất ức. Vậy, nay xin bắt hắn đi theo, chớ để cho bọn hung ác đón mất.

Vua Đường đang lúc vội vã, không kịp nghe. Dọc đường đi, Nhà vua lại muốn dừng ở Phụng Tường để nương nhờ Trương Dật. (Khương) Công Phụ can rằng :

- (Trương) Dật tuy là bề tôi đáng tin cậy nhưng là quan văn, và lại, quân mã do ông ta quản lĩnh vốn là tay chân cũ của Chu Thử ở kinh sư. Nếu Chu Thử làm loạn ở kinh sư thì kế này chẳng vẹn toàn được.

Vua nhà Đường vì thế mà chạy sang Phụng Thiên. Bấy giờ, có người báo tin (Chu) Thử làm phản, xin Vua hãy phòng bị. Vua nhà Đường nghe lời của Lư Kỷ, xuống chiếu cho quân các đạo hãy đóng cách xa thành khoảng một xá (mỗi xá 30 dặm, tức là tương đương với khoảng 15km - NKT), có ý đợi (Chu) Thử tới đón. Khương Công Phụ nói :

- Bậc vương giả không nghiêm giữ võ bị thì làm sao có thể khiến cho người ta trọng oai linh của mình ? Nay, cấm binh đã quá ít mà lại xuống chiếu cho quân mã đóng cách xa ở ngoài, thần lấy làm nguy cho bề hạ lắm.

Vua nhà Đường khen là phải, bèn cho triệu hết quân sĩ phía ngoài vào thành. Sau, quân của (Chu) Thử quả nhiên kéo đến, y như lời dự đoán của Khương Công Phụ. Vua nhà Đường bèn thăng cho Khương Công Phụ chức Giám nghị Đại phu, Đồng trung thư Môn hạ Bình chương sự.

Về sau, Khương Công Phụ vì can Vua tổ chức an táng cho Đường An Công chúa quá hậu, dầu đã được đồng liêu là Lục Chí tâu xin gỡ tội cho, vẫn bị vua Đường tức giận biếm chức".

Lời bàn : Thời ấy, học và đồ đạt đến mức ấy, làm quan được thăng đến chức ấy... Khương Công Phụ không phải là trường hợp duy nhất nhưng quả đúng là trường hợp rất hiếm hoi. Sử trân trọng chép về ông là chỉ phải.

Lần thứ nhất ông can ngăn, bảo là vua nhà Đường đang lúc vội vã nên không kịp nghe cũng được, mà bảo là Nhà vua chưa thấy hết số phận bi thảm của mình nên vẫn coi thường những người đại loại như ông cũng được.

Lần thứ hai ông can ngăn, bảo là Nhà vua nghe theo ông vì thấy ý kiến của ông đúng cũng được, mà bảo là lúc ấy, Nhà vua mất cả hồn vía, chỉ đầu chạy đó cũng được.

Đến lần thứ ba, Nhà vua giật mình thấy rằng, kẻ một lòng trung thành đi theo Nhà vua là ông, mà lời khuyên của ông, ít ra cũng có hai lần đúng, cho nên Nhà vua đã vui vẻ nghe theo. Lời khen của Nhà vua còn thiếu một cái gì đó thuộc về chiều sâu của trí tuệ phân tích.

Xưa nay vẫn thế, có khi được khen mà lòng ta tê tái buồn, có khi bị chê mà lòng ta sung sướng, bởi vì điều quan trọng không phải là khen chê, mà là ai khen, ai chê và lời khen chê ấy như thế nào. Lần thứ ba, vua nhà Đường khen Khương Công Phụ, bởi vì lúc đó không thể không khen, sau, chỉ một việc cón con mà vua Đường vẫn cứ biếm chúc của Khương Công Phụ, bởi vì vua Đường là ... vua. Quan thì không phải lúc nào cũng là quan, song, vua thì bao giờ cũng là vua, quên điều đó cũng có nghĩa là chẳng nhớ gì cả. Điều này chỉ có trong sách đời, chẳng có trong sách vở cử nghiệp, có đọc đến thiên kinh vạn quyển của sách cử nghiệp cũng chẳng thấy đâu.

20 - SỰ TÍCH ĐỀN BẠCH MÃ

Đền Bạch Mã nằm ở phường Hà Khẩu, huyện Thọ Xương (nay thuộc Hà Nội). Đền này được lập ra vào khoảng cuối thế kỷ thứ IX. Sách *Đại Nam nhất thống chí* (quyển 13) khi giới thiệu về đền miếu của Hà Nội, đã dẫn sách *Việt điện u linh tập* của Lý Tế Xuyên, viết rằng :

"Vào đời Đường Hàm Thông, (quan đô hộ của nhà Đường ở nước ta là) Cao Biền đã cho đắp thành Đại La. Một hôm, Cao Biền ra chơi ngoài cửa Đông của thành, chợt thấy trong chỗ mây mù tối tăm, có bóng người kì dị, mặc áo hoa, cười rồing đỏ, tay cầm thẻ bài màu vàng, bay lượn mãi theo mây. (Cao) Biền kinh sợ, định lấy bùa để trấn yểm. Bỗng đêm hôm ấy thấy thần báo mộng rằng :

- Ta là tinh anh ở Long Đỗ, nghe tin ông đắp thành nên đến để hội ngộ, việc gì mà phải trấn yểm ?

(Cao) Biền lấy làm kì lạ, bèn lấy vàng, đồng và bùa chôn xuống để trấn yểm. Chẳng dè, ngay đêm đó mưa gió sấm sét nổi lên dữ dội, sáng ra xem, thấy vàng, đồng và bùa (trấn yểm) đều đã tan thành cát bụi. (Cao) Biền sợ hãi, bèn lập đền thờ ở ngay chỗ ấy và phong cho thần là thần Long Đỗ.

Đến đời Lý Thái Tổ (húy là Lý Công Uẩn, vua đầu tiên của nhà Lý, làm vua từ năm 1010 đến năm 1028 - NKT), dời kinh đô đến đấy, đổi gọi (Đại La) là Thăng Long. Nhà vua sai đắp lại thành, nhưng hễ thành đắp xong lại lở, bèn sai người đến cầu đảo (ở thần Long Đỗ). Chợt, (người cầu đảo) thấy có con ngựa trắng từ trong đền đi ra, dạo quanh thành một vòng, đi tới đâu, để vết chân rành tại đó, và cuối cùng, vào đền rồi biến mất. Sau, Nhà vua cứ theo vết chân ngựa mà đắp thành thì thành không lở nữa, bèn nhân đó, phong làm thành hoàng của Thăng Long. Các vua đời sau cũng theo đó mà phong lần tới Bạch Mã Quảng Lợi Tối Linh Thượng Đẳng Thần".

Lời bàn : Thời Bắc thuộc, Cao Biền được coi là một trong những nhân vật rất có máu mặt : quan cai trị có tài cũng là Cao Biền mà đạo sĩ có nhiều phép thuật lạ cũng là Cao Biền. Triều đình nhà Đường trên bước đường sụp đổ, muốn tạo dựng cho Cao Biền một li lịch khác thường để có thể vực dậy một chính quyền đô hộ cũng đang co nguy cơ tan rã. Cho nên trong sử, Cao Biền bỗng có thêm nhiều thứ mà thực sự Cao Biền chưa hề có bao giờ.

Tuy nhiên, *vở quýt dày, móng tay nhọn* nhân dân ta cũng có cách đấu tranh thông minh theo kiểu riêng của nhân dân ta, lúc bấy giờ. Việc Bạch Mã thần coi thường mọi phép thuật của Cao Biền, lại còn làm cho mọi thứ trừ yểm của Cao Biền phút chốc biến thành cát bụi, có khác nào một lời nhắc nhở âm thầm mà mạnh mẽ rằng : hãy vững tin, chúng ta nhất định thắng vì thần linh sông núi luôn ở bên cạnh chúng ta !

Trông lại ngàn xưa, suy gẫm việc thờ thần của cổ nhân mới rõ, đền miếu và hương khói, tượng thờ và bài vị ... tất cả chỉ là hình thức, một hình thức huyền ảo mà dễ nhận, cốt để chuyển tải đến muôn đời sự tôn vinh những giá trị tốt đẹp của thế tục đó thôi.

21 - BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG PHÙNG HÙNG

Phùng Hùng quê ở Đường Lâm. Đất quê ông nay thuộc huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây. Phùng Hùng sinh năm nào chưa rõ, chỉ biết ông mất vì bệnh vào năm Kỷ Tị (789). Sinh thời, Phùng Hùng là người mạnh khỏe và dũng lược. Chính ông đã phát động và lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa rất lớn, đập tan chính quyền đô hộ của nhà Đường, xây dựng nền độc lập tự chủ trong một thời gian khá dài. Trong *Việt điện u linh tập*, Lý Tế Xuyên đã dựa vào ghi chép của *Triệu Vương Giao Châu kí* mà chép chuyện về Phùng Hùng như sau :

"Vương họ Phùng, húy là Hùng, ông và cha của Vương đều nối đời làm Từ trưởng của đất Đường Lâm. Chức Từ trưởng bấy giờ gọi là Quan Lang. Tục gọi như thế, hiện nay ở mạn ngược vẫn còn. Vương con nhà giàu nhưng hay giúp đỡ kẻ nghèo, đã thế, Vương lại khỏe mạnh, có thể đánh được hổ, vật được trâu. Em Vương là (Phùng) Hải cũng có sức mang nổi ngàn cân, công được thuyền chứa ngàn học mà đi luôn mười dặm. Gần xa nghe tiếng đều lấy làm sợ. Thời niên hiệu Đại Lịch của nhà Đường, nước ta rối loạn, Vương cùng em đem binh đi chinh phục khắp các vùng ở lân cận. Vương đổi tên là Cự Lão và xưng là Đô quân, còn em Vương thì đổi tên là Cự Lực và xưng là Đô bảo, anh em cùng nhau làm theo kế sách của một người cùng làng, tên là Đỗ Anh Luân, đem đại binh đi tuần thú khắp các châu Đường Lâm và Trường Phong, uy danh lừng lẫy, khiến ai cũng phải theo phục. Vương cho phao tin rằng sẽ đánh phủ đô hộ. Quan đô hộ của nhà Đường là Cao Chính Bình đem quân đi đánh, bị thua, sợ quá phát bệnh mà chết. Vương vào phủ đô hộ, nắm quyền trị dân được bảy năm thì mất.

Bấy giờ, nhiều người muốn lập em của Vương là Phùng Hải lên thay, nhưng quan Đẩu mục có sức khỏe lạ thường là Bồ Phá Cẩn lại quyết chí không cho, bắt phải lập con Vương là Phùng An. Phùng An lên nối ngôi, bèn đem quân đánh Phùng Hải. Phùng Hải sợ Bồ Phá Cẩn nên lánh vào động Chu Nham, sau không biết là đi về đâu.

Phùng An tôn Vương làm Bố Cái Đại vương. Tức nước ta gọi cha là bố, gọi mẹ là cái nên Phùng An mới tôn Vương làm Bố Cái Đại vương như vậy. Hai năm sau đó, vua Đường Đức Tông sai Triệu Xương sang làm đô hộ nước ta. Triệu Xương tới nơi, trước hết, cho sứ giả mang lễ vật đến dụ dỗ Phùng An. Phùng An xin hàng phục. Từ đó, họ Phùng tản mác mỗi người một nơi.

Sau khi mất, Bố Cái Đại vương rất hiển linh. Dân các làng thường nghe có tiếng ngựa xe đi lại ầm ầm trên nóc nhà hoặc trên ngọn cây cao, ngẩng trông thì thấy ẩn hiện trong những đám mây là cờ ngũ sắc và kiệu vàng rực rỡ, lại có cả tiếng nhạc vang văng vẳng nữa.

Bấy giờ, nếu có việc lành hay dữ sắp xảy ra thì thế nào đem đến cũng sẽ có dị nhân báo cho các vị hào trưởng biết để thông tin cho cả làng hay, cho nên, ai cũng lấy làm lạ, bèn cùng nhau lập đền thờ Vương ở phía tây của phủ đô hộ. Đền thờ Vương rất linh thiêng, mọi việc cầu mưa, cầu tạnh đều được linh ứng. Ai gặp việc khó khăn như bị kẻ xấu lấy trộm hoặc giả là muốn cầu tài, đến lễ thần đều được như ý. Bởi vậy, người đến lễ rất đông, khói hương chẳng lúc nào dứt.

Khi Ngô Tiên Chủ (chỉ Ngô Quyền - NKT) dựng nước, bọn giặc Nam Hán sang cướp nước ta. Ngô Tiên Chủ ngày đêm lo nghĩ tìm cách chống đánh. Thế rồi một đêm, Ngô Tiên Chủ nằm mơ, thấy có một cụ già áo mũ chỉnh tề, đến nói rõ họ tên của mình và bảo rằng :

- Tôi đã trừ tính, sắp sẵn các đội thần binh để giúp sức Nhà vua, xin Nhà vua hãy gấp tiến binh, đừng lo nghĩ gì cả.

Đến khi Ngô Tiên Chủ ra đánh giặc ở sông Bạch Đằng, nghe trên không có tiếng binh mã ầm ầm, và quả nhiên trận ấy được đại thắng. Ngô Tiên Chủ lấy làm lạ, liền sai sửa sang ngôi đền, khiến cho đền rộng rãi và lịch sự hơn xưa. Xong, Ngô Tiên Chủ thân đem các thứ lễ vật cùng cờ quạt chiêng trống đến để tế lễ. Sau, các triều quen dần thành lệ. Thời Trần, vào năm Trùng Hưng thứ nhất (1285), Nhà vua sắc phong là Phù Hộ Đại vương. Năm

Trùng Hưng thứ tư lại gia phong thêm hai chữ Chương Tín. Năm Hưng Long thứ 20 (tức năm 1312 - NKT) vua (Trần Anh Tông) gia phong thêm hai chữ Sùng Nghĩa nữa. Đến nay, sự linh thiêng vẫn được sùng phụng như xưa".



Đền Phụng Hưng (Hạ Tây)

Lời bàn : Một nhà, anh em, cha con cùng dốc chí dựng nền tự chủ nhưng rốt cuộc, người có tên tuổi bất diệt với ngàn đời thì chỉ là Bồ Cái Đại Vương Phụng Hưng mà thôi. Phụng Hải có gan đi theo kẻ mạnh để chống kẻ mạnh mà chưa có gan tự mình chống lại kẻ mạnh. Bóng ông mờ nhạt trong sử sách, ấy cũng là lẽ tự nhiên.

Bồ Phá Cẩn xử sự quả là xa lạ với lẽ thường. Gạt Phụng Hải đã có chút từng trải để đưa Phụng An còn non nớt lên thay, bản tâm của Bồ Phá Cẩn phải chăng là mong mọi kẻ ở ngôi cao phải yếu kém để mình dễ bề thao túng ? Việc làm ấy, nếp nghĩ ấy, lợi cho riêng mình một đời nhưng lại hại cho xã tắc một thuở, giận thay !

Phụng An cùng Bồ Phá Cẩn đi đánh Phụng Hải, cái thu được chẳng đủ bù cho cái mất đi, mà cái mất đi nào phải chỉ có con người và của cải ? Xót xa hơn cả vẫn là thế nước mà cha đã dựng lên, là đạo lí mà tổ tiên để lại, mất hai thứ đó cũng có nghĩa là mất tất cả đó thôi.

Hẳn nhiên, không ai quyết rằng Ngô Quyền thắng trận Bạch Đằng là nhờ oai linh của Bồ Cái Đại Vương giúp sức, nhưng, Ngô Quyền cũng như bao vị dũng tướng

ngàn xưa ra trận, vẫn luôn tin rằng thần linh sông núi luôn luôn sát cánh với mình, và ai dám bảo rằng, niềm tin ấy không phải là một phần rất quan trọng của sức mạnh ?

Phùng Hưng, *sinh vi tướng, tử vi thần*, dẫu bạn hoàn toàn là người vô thần, cũng xin bạn hãy thành kính thấp nén hương để tưởng nhớ, bởi vì chính nhờ có những con người phi thường ấy, chính nhờ niềm tin vào linh khí của những con người ấy, bạn mới có thể thanh thân mà nói một cách tự nhiên rằng : ta là người vô thần.

22 - TÔ LỊCH ĐẠI VƯƠNG

Dất Thăng Long xưa có con sông tên là Tô Lịch. Ven sông này lại có làng mang tên là làng Tô Lịch. Sông Tô Lịch và cả tên làng Tô Lịch nay đều không còn nữa, nhưng trong sử sách, con sông ấy, ngôi làng ấy lại được nhắc đến khá nhiều. Điều đáng nói là tên sông và tên làng này lại có nguồn gốc từ tên của một con người : ông Tô Lịch, người sống vào khoảng cuối thế kỉ thứ III đầu thế kỉ thứ IV, sau, được tôn làm thần và được phong tới hàm Quốc đô Thăng Long Thành hoàng Đại vương (vị Đại vương là Thành hoàng của kinh đô nước nhà là Thăng Long). Sách *Việt điện u linh tập* chép về Tô Lịch Đại vương như sau :

"Vương họ Tô, húy là Lịch, sinh thời từng làm quan ở Long Đỗ, tiên tổ cư ngụ ở đó đã lâu đời, dựng làng bên bờ một con sông nhỏ. Gia đình của Vương lấy sự thanh bạch và hoà thuận, hiếu thảo làm trọng, ba đời cùng nhân nhượng mà ở chung với nhau, không chút riêng biệt.

Thời nhà Tấn (đô hộ), triều đình xét những nhà có hiếu, gia đình Vương được khen. Gặp năm mất mùa đói kém, nhà Vương sẵn lòng cho dân vay thóc, triều đình lại ban khen, nhân đó, cho lấy hai chữ Tô Lịch làm tên làng.

Đời vua Đường Mục Tông, niên hiệu Trường Khánh năm thứ ba (tức là năm 823 - NKT), Lý Nguyên Gia được sai sang làm quan đô hộ nước ta. Lý Nguyên Gia thấy phía Bắc thành Thăng

Long có dòng nước chảy ngược, địa thế rất xinh đẹp, bèn cấm đất xây thành, dời phủ trị đến đó. Thành có nhiều cửa, phía trong có nhiều dinh thự. Phủ trị này dựng trên nền nhà cũ của Vương. Lý Nguyên Gia sai giết trâu bò, mở tiệc mời các bậc kỳ lão trong làng tới dự, nhân đó, hỏi chuyện về Vương, có ý muốn thờ Vương làm Thành hoàng. Mọi người thuận theo, cùng nhau xây dựng một ngôi đền rất tráng lệ. Lễ khánh thành được tổ chức nhộn nhịp khác thường. Đêm hôm đó, Lý Nguyên Gia nằm nghỉ, chợt thấy có trận gió mát thổi vào, bức màn lay động có một người cười con hươu trắng từ trên không xuống, râu tóc bạc phơ, áo quần lịch sự, bước đến nói với Lý Nguyên Gia rằng :

– Cám ơn sứ quân đã tôn tôi làm Thành hoàng đất này. Nhân đây, tôi xin khuyên sứ quân rằng : nếu ngài hết lòng dạy dỗ cho dân cư trong thành thì mới là người xứng chức và có lòng nhân chính.

Lý Nguyên Gia chấp tay vái tạ và xin vâng rồi dò hỏi họ tên nhưng cụ già không đáp. Lý Nguyên Gia giật mình thức giấc và mới biết đó là mộng.

Sau, đến thời Cao Biền đắp thành Đại La, cũng nghe tiếng anh linh của Vương, bèn sắm sửa lễ vật tới tế, tôn vương làm Đô phủ Thành hoàng Thần quân.

Vua Lý Thái Tổ dời kinh đô ra thành Đại La, đổi gọi Đại La là Thăng Long. Nhà vua thường nằm mơ thấy một cụ già đầu bạc, đứng trước bệ rồng mà tung hô vạn tuế. Nhà vua gạn hỏi họ tên, Vương mới thực lòng tỏ lên. Nhà vua cười nói :

– Tôn thần muốn giữ hương khói mãi mãi hay sao ?

Vương đáp :

– Chỉ mong thánh thọ bền lâu, cơ đồ vững chắc, trong ngoài yên vui. Đó chính là hương khói đời đời rồi vậy.

Vua tỉnh dậy, sai quan đến tế, phong Vương làm Quốc đô Thăng Long Thành hoàng Đại vương. Từ đó, dân cư trong vùng đến cầu đảo hoặc thờ nguyện, hết thấy đều linh ứng. Năm Trùng

Hưng thứ nhất (tức năm 1285 – NKT), Nhà vua (Trần Nhân Tông) gia phong hai chữ Bảo Quốc, đến năm Trùng Hưng thứ tư (tức là năm 1288 – NKT), gia phong hai chữ Hiên Linh và sau, đến năm Hưng Long thứ hai mươi mốt (tức năm 1313 – NKT), vua (Trần Anh Tông) lại gia phong thêm hai chữ Định Bang nữa".

Lời bàn : Trong trường hợp đại loại như thế này, hiểu được lai lịch tên làng và tên sông, không phải chỉ đơn giản là hiểu thêm được một tên gọi thân thương nào đó. Tên sông và tên làng ấy là biểu tượng của lòng nhân ái và nghĩa khí ở đời, kính cần tôn thờ là chí phải.

Tiếng nói nửa như nhắc nhở, nửa như cảnh cáo của cụ già trong giấc mơ của Lý Nguyên Gia, nào có khác gì tiếng nói của trăm họ bị trị đương thời ? Sau Lý Nguyên Gia, đến cả những quan đô hộ khét tiếng như Cao Biền cũng phải sấm sửa lễ vật và thân hành tới tế. Hư thực ra sao khoan bàn, chỉ biết dân mong như vậy và ... bắt chuyện này phải kể như vậy.

Các vị đế vương của nước nhà thời độc lập và tự chủ, nối nhau tôn vinh và gia phong cho thần Tô Lịch, ấy cũng là sự thưởng.

23 - CHUYỆN SÁI KINH VÀ SÁI TẬP

Sái Kinh và Sái Tập là hai viên quan của nhà Đường, sinh năm nào không rõ, chỉ biết Sái Kinh bị buộc phải tự tử vào tháng bảy năm Nhâm Ngọ (862), còn Sái Tập thì bị chết trận vào tháng giêng năm Quý Mùi (863). Chuyện về hai viên quan họ Sái, thực ra lại có gốc gác từ chuyện viên quan đô hộ trước đó là Lý Trác, vì tham lam quá mức, đã gây ra cuộc xung đột với Nam Chiếu. Bấy giờ vùng Tây Nam Trung Quốc và một phần vùng Tây Bắc nước ta là lãnh thổ của nước Nam Chiếu. Sử cũ chép rằng, Lý Trác tham lam tàn bạo, ức hiếp để mua rẻ bò và ngựa của đồng bào các dân tộc ít người, mỗi con chỉ trả cho họ một đấu muối, đã thế, lại giết Tù trưởng của họ là Đỗ Tồn Thành, bởi vậy, họ tức giận, dẫn đường cho quân Nam Chiếu vào cướp phá. Từ đây, Nam Chiếu trở thành nỗi bận tâm lớn nhất của nhà Đường. Đã

có lúc, toàn bộ các quan trong guồng máy đô hộ của nhà Đường bị Nam Chiếu đánh cho tan tác, phải tháo chạy thực mạng về Trung Quốc.

Năm Tân Tị (861), quan đô hộ của nhà Đường là Vương Khoan lại đem quân đi đàn áp đồng bào các dân tộc ít người và giết chết Tù trưởng của họ là Đỗ Thủ Trùng. Một lần nữa, đồng bào các dân tộc ít người đi cầu cứu Nam Chiếu. Tình hình nước ta trở nên rất căng thẳng. Vua nhà Đường vừa cử Sái Kinh sang làm đô hộ nước ta, vừa sai Sái Tập đem quân sang để đánh nhau với Nam Chiếu. Nhưng, tình hình chẳng hề nhờ thế mà tốt đẹp hơn, ngược lại, đã trở nên hết sức tồi tệ, mà nguyên do chủ yếu lại bởi những suy nghĩ hết sức lạ lùng của Sái Kinh. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kỉ, quyển 5, từ tờ 10-b đến tờ 11-b) chép rằng :

"Mùa hạ, tháng 5 (năm Nhâm Ngọ, 862 - NKT), quan giữ chức Linh Nam Tiết độ sứ là Sái Kinh thấy (Sái) Tập chuẩn bị đem quân các đạo tới chống cự với quân Man (chỉ chung quân của Nam Chiếu và dân binh các dân tộc ít người - NKT), sợ rằng (Sái) Tập sẽ lập được công to, lòng những ghen ghét, bèn tâu với Vua (nhà Đường) rằng :

- Quân Man đã trốn xa, biên giới nay chẳng còn gì phải lo nữa. Kẻ vũ phu kia chỉ cầu công danh, xin càn quân sĩ đi đóng ở nơi biên ải, tổn phí quân lương và mệt nhọc chuyên chở, vả chăng, chốn hiểm yếu xa xôi thật khó bề kiểm soát, sợ có sự gian trá sẽ xảy ra, vậy xin cho (Sái Tập) bãi binh, quân thuộc đạo nào xin trả về đạo ấy.

Vua Đường nghe theo. (Sái) Tập nhiều lần tâu rằng :

- Quân Man chỉ nhằm lúc sơ hở để đánh, ta không thể lơ là việc phòng bị. Vậy, xin cho được giữ lại năm ngàn quân để lo đóng giữ.

Vua Đường không nghe. (Sái) Tập nghĩ rằng, quân Man thế nào cũng sẽ tiến đánh mà mình thì quân ít, lương thiếu, trí và lực đều yếu, bèn làm tờ *thập tất tử trạng* (tờ tâu về mười tình trạng tất yếu phải chết) trình lên toà Trung Thư, nhưng quan Tế

tướng lại tin vào lời tâu của Sái Kinh nên không thêm xét đến lời tâu của Sái Tập.

Mùa thu, tháng bảy (năm Nhâm Ngọ, 862 - NKT), Sái Kinh vì làm việc hà khắc, khắp cõi đều oán, quân sĩ nổi giận mà đuổi hẩn đi. (Triều đình) biếm hẩn làm chức Tư hộ ở châu Nhai. Hẩn không chịu đi nhận chức nên vua Đường xuống chiếu bắt phải tự tử.

Mùa đông, tháng mười (năm Nhâm Ngọ, 862 - NKT), người Man cùng Nam Chiếu đem năm vạn quân đến đánh, (Sái) Tập cáo cấp về triều đình. Vua nhà Đường sai lấy quân lính của hai đạo Kinh Nam và Hồ Nam (hai đạo này đều thuộc Trung Quốc - NKT) gồm tất cả hai ngàn, cộng với nghĩa binh (quân ứng nghĩa đi đánh trận - NKT) ở Quế Quán (Trung Quốc - NKT) khoảng ba ngàn nữa, cùng kéo đến Ung Châu (Trung Quốc - NKT), đặt dưới quyền chỉ huy của tướng Trịnh Ngu để đi cứu (Sái) Tập. Tháng chạp năm ấy, (Sái) Tập lại xin thêm quân. Vua nhà Đường bèn ra lệnh cho đạo Sơn Nam (Trung Quốc - NKT) đem một ngàn người giỏi bắn cung nỏ sang. Bấy giờ, quân Nam Chiếu đã bao vây phủ thành (của Sái Tập), cho nên, quân cứu viện không sao đến được. (Sái) Tập đành cố thủ mà thôi".

... "Mùa xuân, tháng giêng (năm Quý Mùi, 863 - NKT) quân Nam Chiếu đánh chiếm được phủ thành, các tướng tả hữu của (Sái) Tập đều chết cả. (Sái) Tập chạy bộ, cố sức đánh, thân mình bị trúng những mười mũi tên. Sái Tập muốn nhảy xuống thuyền của viên Giám quân để chạy trốn, nhưng thuyền đã chạy ra xa bờ, bèn cùng với cả nhà, gồm bảy chục người, nhảy xuống biển mà chết. Bọn liêu thuộc của Sái Tập là Phàn Xước, đem ấn tín và binh phù của Sái Tập sang sông từ trước nên thoát được. Bọn tướng sĩ ở các châu Kinh Nam, Giang Tây, Ngạc, Nhạc và Tương (tất cả đều thuộc Trung Quốc - NKT) tất cả hơn bốn trăm người đều chạy về phía đông của thành, chỗ tiếp giáp với con sông. Quan Ngụ Hầu của châu Kinh Nam là Nguyễn Duy Đức nói với quân sĩ rằng :

- Bọn ta không có thuyền, xuống nước tất phải chết, vậy, chỉ bằng ta hãy quay lại đánh nhau với bọn người Man, ta lấy một chọi hai, hẳn cũng có lợi chút ít.

Nói rồi, bèn cùng nhau trở lại thành, vào phía cửa Đông của La Thành. Khi ấy, người Man không phòng bị. Bọn (Nguyễn) Duy Đức tung quân đánh mạnh, giết được hơn hai vạn quân Man. Đến đêm, tướng của người Man là Dương Tự Tấn từ trong thành đem quân ra cứu. Bọn (Nguyễn) Duy Đức đều bị giết cả. Như vậy, Nam Chiếu hai lần đánh chiếm Giao Châu, vừa giết vừa bắt đi tổng cộng gần mười lăm vạn người”.

Lời bàn : Lý Trác, Sái Kinh, Sái Tập, Trịnh Ngu hay Nguyễn Duy Đức ... tất cả đều là quan lại và tướng lĩnh của triều đình nhà Đường, đều là những kẻ từng có một thời tác oai tác quái trên đất nước ta. Song, chuyện của họ nào phải do sử gia vô tình chép lại mà có ?

Một Lý Trác tham của khiến cho sinh linh cả một phương điêu đứng, loạn li chết chóc mấy năm không dứt, khiếp thay ! Mới hay, việc chọn quan can hệ đến vận mệnh của trăm họ biết ngần nào.

Một Sái Kinh nhỏ nhen và ganh ghét, đủ để khiến cho tướng Sái Tập cùng quân sĩ và gia quyến phải bỏ mình, đủ để khiến cho sau đó, cả tướng Nguyễn Duy Đức cùng bộ hạ phải thiệt mạng. Mới hay, sự nhỏ nhen của đồng僚, đôi khi còn khủng khiếp hơn cả một đạo quân hung hãn của đối phương. Làm vua mà dung nạp bọn nhỏ nhen ấy thì cũng có nghĩa là tự chặt bớt tay chân của mình vậy.

Biết thế, nhưng vua Đường là vua Đường, làm sao khác được !

24 - TÂM ĐỊA LÝ DUY CHU

Lý Duy Chu là một võ quan cao cấp của nhà Đường. Năm Ất Dậu (865), Lý Duy Chu giữ chức Giám quân, quyền thế rất lớn. Cũng vào năm này, một chuyện chẳng hay đã xảy ra giữa Lý Duy Chu với quan Đô hộ Tổng quản Kinh lược Chiêu Thảo sứ là Cao Biền, nhờ đó, bá quan của nhà Đường lúc ấy mới rõ được tâm địa của Lý Duy Chu. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kỉ, quyển 5, tờ 13a-b) chép rằng :

"Năm Giáp Thân, niên hiệu Đường Hàm Thông năm thứ 5 (tức là năm 864 - NKT), vua nhà Đường sai quan giữ chức Tổng quản Kinh lược sứ là Trương Nhân kiêm giữ các việc ở Giao Châu, đồng thời, tăng quân số ở trấn Hải Môn (Trung Quốc) lên cho đủ số hai vạn năm ngàn người, giao cho Trương Nhân tiến đánh để lấy lại phủ thành (là Giao Châu đã bị Nam Chiếu chiếm mất trước đó - NKT).

Mùa thu, tháng bảy (năm 864 - NKT), Trương Nhân tỏ ý dè dặt không dám tiến quân. Có viên quan tên là Hạ Hưu Tư tiến cử Kiều vệ Tướng quân là Cao Biền lĩnh thay việc này. Vua nhà Đường bèn phong cho Cao Biền chức Đô hộ Tổng quản Kinh lược Chiêu thảo sứ và lấy hết quân sĩ của Trương Nhân giao cho Cao Biền.

Cao Biền lúc nhỏ có tên là (Cao) Thiên Lý, cháu của Nam Bình Quận vương là (Cao) Sùng Văn, người được đời đời giữ chức trông coi cấm binh. (Cao) Biền để chí ở việc học, thích bàn chuyện kim cổ, trong quân, ai ai cũng khen ngợi. Lúc trẻ, (Cao) Biền từng theo giúp tướng Chu Thục Minh. Một hôm, thấy có hai con điều hâu sóng đôi bay trên trời, Cao Biền liền lấy cung ra để bắn. Trước khi bắn, Cao Biền khấn rằng :

- Nếu quả sau này ta được quý hiển thì xin cho mũi tên này trúng đích.

Chẳng dè, Cao Biền bắn một phát, hạ được cả hai con điều hâu. Mọi người đều kinh sợ, nhân đó gọi (Cao Biền) là *Lạc điều Thị ngự sử* (quan Thị ngự sử bắn rơi con điều hâu).

Sau, (Cao) Biền được thăng dần lên chức Hữu thần sách đô Ngụ Hâu. Bấy giờ, có người ở Đảng Hạng làm phản, (Cao) Biền đem hơn một vạn cấm binh đến đóng ở Trường Vũ, nhiều lần lập công, được thăng tới chức Tàn châu Phòng ngự sử. Và, Cao Biền lại tiếp tục lập công. Đúng lúc ấy, quân Nam Chiếu chiếm nước ta, Cao Biền được cử thay Trương Nhân sang đánh.

Năm Ất Dậu, niên hiệu Đường Hàm Thông năm thứ sáu (tức là năm 865 - NKT), mùa thu, tháng bảy, Cao Biền chuẩn bị quân

ngũ ở trấn Hải Môn (Trung Quốc - NKT) nhưng chưa tiến đánh ngay. Quan giữ chức Giám quân là Lý Duy Chu ghét Cao Biền, muốn tìm cách tống khứ Cao Biền đi, nên cứ liên tục giục giã. Cao Biền bèn đem hơn năm ngàn quân vượt biển đi trước, hẹn (Lý) Duy Chu cho quân ứng viện sau. Cao Biền đi rồi, (Lý) Duy Chu giữ quân lại, không cho tiến. Tháng chín năm ấy, Cao Biền đến Nam Định (vùng Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh ngày nay - NKT), đánh đến Phong Châu (vùng tiếp giáp giữa Hà Tây, Phú Thọ và Vĩnh Phúc - NKT). Bấy giờ, gần năm vạn quân Man đang gặt lúa, bị Cao Biền đánh úp, tan tác bỏ chạy. Cao Biền chém được tướng của người Man là Trương Thuyên, đồng thời, thu hết số lúa đã gặt được đem về nuôi quân.

Năm Bính Tuất, niên hiệu Đường Hàm Thông năm thứ bảy (tức là năm 866 - NKT), mùa hạ, tháng tư, vua Nam Chiếu thắng cho Đoàn Tù Thiên chức Tiết độ sứ Thiện kiến - chức đứng đầu lực lượng Nam Chiếu vùng Tây Bắc Giao Châu (nay là vùng Côn Minh, Vân Nam, Trung Quốc - NKT). Vua Nam Chiếu cũng sai Trương Tập giúp Đoàn Tù Thiên đi đánh Giao Châu, lại cho Phạm Nật Ta giữ chức Đô thống Phù ta và Triệu Nặc Mi làm Đô thống Phù da đi theo hỗ trợ.

Bấy giờ, nhà Đường sai Vi Trọng Tế đem hơn bảy ngàn quân đến Giao Châu, cùng với Cao Biền tiến đánh Nam Chiếu, thắng mấy trận liên. Nhưng, khi Cao Biền gởi tờ tâu thắng trận về, qua trấn Hải Môn thì bị (Lý) Duy Chu lấy giấu đi. Suốt mấy tháng trời chờ tin chẳng thấy, vua nhà Đường bèn hỏi (Lý) Duy Chu thì (Lý) Duy Chu tâu rằng :

- Cao Biền đóng quân ở Phong Châu, ngồi nhìn giặc chớ nào có chịu tiến đánh.

Vua Đường tức giận, sai Hữu vũ Vệ tướng quân là Vương Ân Quyền đến thay (Cao) Biền, bắt Cao Biền phải gấp trở về kinh đô, có ý sẽ phạt tội thật nặng. Nhưng cũng tháng ấy, (Cao) Biền đánh tan quân Nam Chiếu, giết và bắt sống được rất nhiều tên. Nam Chiếu thu nhặt tàn quân, cố chạy vào trong thành để lo

chống giữ. Mùa đông, tháng mười, (Cao) Biền vây thành đã hơn mười ngày, khiến cho quân Man rất khốn quẫn. Đến khi thành sắp hạ được thì (Cao) Biền nhận được thư của Vương Án Quyền cho biết là đã cùng với (Lý) Duy Chu xuất đại binh đi. (Cao) Biền liền giao mọi việc quân cơ cho (Vi) Trọng Tế rồi cùng với hơn một trăm bộ hạ trở về Bắc.

Trước đó, (Vi) Trọng Tế đã sai viên tiểu sử là Vương Tuệ Cán và Cao Biền sai viên tiểu hiệu là Tăng Cổn, cả hai cùng mang thư báo tin thắng trận về triều đình nhà Đường. Khi hai người mang thư về đến gần bờ biển (Trung Quốc) thì thấy có cờ xí quân đội kéo sang phía Đông (tức là kéo sang nước ta - NKT), hỏi thì biết là cờ xí của quan Kinh lược sứ (đây chỉ quan Kinh lược sứ Giao Châu là Tống Nhung - NKT) và quan Giám quân (tức Lý Duy Chu - NKT). Họ bèn nói với nhau rằng :

- Nếu biết, thế nào (Lý) Duy Chu cũng sẽ lấy cướp tờ biểu tâu tin chiến thắng và tìm cách giữ chúng ta lại.

Nói rồi, cả hai cùng nấp kín, chờ cho thuyền của Lý Duy Chu băng qua rồi mới đi gấp về kinh đô. Vua Đường được tờ tâu thì cả mừng, bèn thăng cho Cao Biền chức Kiểm hiệu Công bộ Thượng thư và sai (Cao) Biền tiếp tục đi đánh người Man. Vì lẽ ấy, (Cao) Biền vừa về đến trấn Hải Môn đã phải vội trở lại.

(Vương) Án Quyền là kẻ ngu hèn, việc gì cũng phải xin lệnh của (Lý) Duy Chu. (Lý) Duy Chu là kẻ hung bạo và tham lam cho nên các tướng không mấy ai chịu giúp. Bọn họ bèn mở vòng vây, khiến quân Man chạy thoát được quá nửa. (Cao) Biền đến nơi, lại phải đốc thúc tướng sĩ đánh lấy được thành, giết được Đoàn Từ Thiên và kẻ dẫn đường cho quân Nam Chiếu là Chu Cổ Đạo, chém được hơn ba vạn thủ cấp. Quân Nam Chiếu bỏ chạy, (Cao) Biền phá được hai động người Man từng theo quân Nam Chiếu, giết được Từ trưởng của họ, khiến người Man kéo đến quy phục đông tới một vạn bảy ngàn người".

Lời bàn : Kẻ nhỏ nhen thường không bao giờ chỉ nhỏ nhen một lần. Như Lý Duy Chu, để hại Cao Biền, chỉ trong một thời gian rất ngắn, hẳn cũng đã mấy phen thi hành quỷ kế gian manh đó thôi. Cho nên, phàm là tướng thời loạn, trước khi ra trận, vừa phải tính toán kế sách để mong toàn thắng đối phương đã đánh, lại còn phải cẩn trọng để phòng kẻ bất lương nhưng lại cùng chiến tuyến đang chờ dịp đâm lén mình ở phía sau nữa.

Mưu gian của Lý Duy Chu, rốt cuộc có che giấu được ai đâu. Mối hay, dưới ánh mặt trời, chẳng có gì hoàn toàn bị che khuất. Kẻ gian tà hiểm ác, sống một đời mà nhục đến muôn đời, khinh thay !

Hẳn nhiên, Cao Biền cũng là quan đô hộ của nhà Đường, nghĩa là cũng chẳng phải tốt đẹp gì đối với sinh linh trăm họ của nước ta thuở ấy, song, chẳng thể vì vậy mà hậu thế bớt coi khinh Lý Duy Chu.

Vua Đường xét tội Cao Biền, bắt quả cũng chỉ là nghe và tin theo lời tâu của Lý Duy Chu. Vua Đường khen ngợi rồi ân thưởng cho Cao Biền, bắt quả cũng nhờ lời tâu của Vương Tuệ Cán và Tăng Cồn. Hai sự ấy tỏ rằng Nhà vua chỉ biết nghe bằng lỗ tai của kẻ khác, dùng sai chẳng qua chỉ là sự may rủi mà thôi. Làm vua kiểu ấy, thì cái khó là làm sao để *được làm* chứ không phải làm sao để *làm được*. Cứ đà ấy, nghe bằng tai của kẻ khác, nhìn bằng mắt của kẻ khác, làm bằng tay của kẻ khác, cuối cùng, nói bằng miệng của kẻ khác, nghĩ bằng đầu của kẻ khác... thì muôn tâu thánh thượng, khủng khiếp thay ! Lý Duy Chu sở dĩ là ... Lý Duy Chu, chùng như cũng bởi một phần là vì trên Lý Duy Chu, trên cả bá quan văn võ lúc ấy, còn có vua Đường.

Có phải là ở bất cứ chỗ nào, nằm độc cũng mọc được đầu.

25 - CHÂN DUNG NGÔ QUYỀN

Ngô Quyền sinh năm Mậu Ngọ (898), mất năm Giáp Thìn (944), hưởng thọ 46 tuổi. Ông là một trong những nhân vật lừng danh vào hàng bậc nhất của lịch sử nước nhà. Chân dung Ngô Quyền được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kỉ, quyển 5) mô tả đại lược như sau :

"Vua là người mưu sâu, đánh giỏi, công tái tạo thật đáng đứng đầu các vua. Vua họ Ngô, húy là Quyền, người Đường Lâm (nay thuộc huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây - NKT), con nhà đời đời là quý

tộc. Cha của Vua là (Ngô) Mân, làm chức Châu mục châu Đường Lâm. Khi Vua chào đời, trong nhà Vua bỗng có ánh sáng lạ tràn ngập. Vua có dung mạo khác thường, lưng có ba nốt ruồi. Các thầy tướng cho là lạ, rằng có thể làm chủ cả một phương, nhân đó (Ngô Mân) mới đặt cho Vua tên húy là Quyền. Khi Vua lớn lên, tướng mạo khôi ngô, mắt sáng như chớp, dáng di thông thả như hổ, trí dũng hơn người, sức có thể nâng được vạc. Sau, (Vua) từng làm nha tướng cho Dương Đình Nghệ, được Dương Đình Nghệ gả con gái cho, lại cho được quyền quản lĩnh Ái Châu (nay thuộc Thanh Hóa - NKT)" (Tờ 20-b).

"Mùa xuân, tháng ba (năm Đinh Dậu, 937 - NKT), nha tướng của Dương Đình Nghệ là Kiều Công Tiễn (Kiều Công Tiễn cũng là con nuôi của Dương Đình Nghệ - NKT) đã giết chết Dương Đình Nghệ để đoạt chức.

Mùa đông, tháng chạp, nha tướng của Dương Đình Nghệ là Ngô Quyền từ Ái Châu đem quân ra hỏi tội Kiều Công Tiễn. Kiều Công Tiễn sợ, bèn sai sứ sang dút lót để cầu cứu quân Nam Hán. Vua Nam Hán lúc bấy giờ là (Lưu) Cung muốn nhân nước ta có loạn mà đem quân đánh chiếm, bèn sai con là Vạn Thắng Vương Hoàng Thao, lĩnh chức Tĩnh hải quân Tiết độ sứ, nhận tước Giao Vương, đem quân đi cứu Kiều Công Tiễn. Vua Nam Hán tự làm tướng, đóng quân tại Hải Môn (Trung Quốc - NKT) làm thanh viện. Tại đây, vua Nam Hán hỏi kế của quan giữ chức Sùng văn sứ là Tiêu Ích. Tiêu Ích nói :

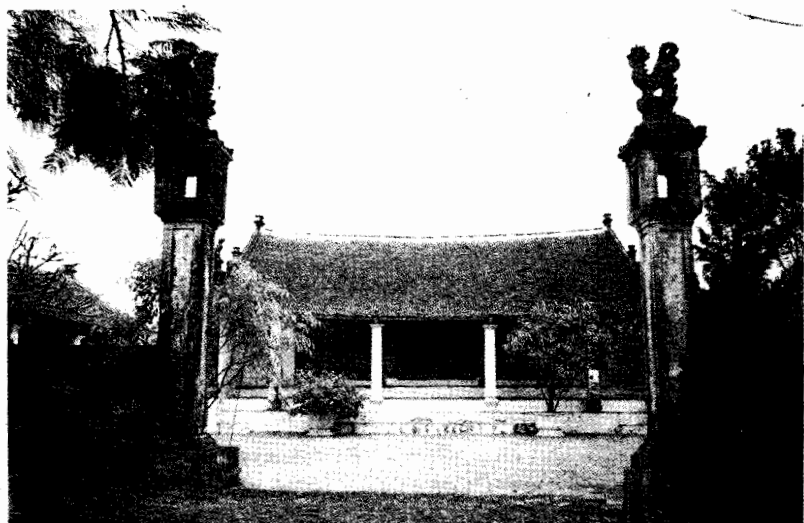
- Nay, trời mưa dầm tạnh đã mấy tuần, đường biển thì xa xôi và nguy hiểm, đã thế, Ngô Quyền là người kiệt kiệt, ta không thể coi thường được. Đại quân nên tiến thật thận trọng, dùng nhiều người dẫn đường, hỏi kĩ rồi mới nên tiến.

Vua Nam Hán không nghe, sai Hoàng Thao đem thật nhiều các loại thuyền chiến, theo sông Bạch Đằng mà tiến vào nước ta để gấp đánh Ngô Quyền, nhưng trước đó, Ngô Quyền đã giết chết bọn Kiều Công Tiễn rồi.

Nghe tin Hoàng Thao sắp đến, Ngô Quyền nói với các tướng của mình rằng :

– Hoàng Thao bất quá chỉ là đứa trẻ dại khờ, phải đem quân từ xa tới, đã mỗi một lại nghe tin Kiều Công Tiễn bị giết chết rồi, hấn mất kẻ nội ứng thì tất nhiên h�n vĩa chẳng còn nữa. Ta lấy sức đang khô để địch với quân mỗi một, tất sẽ phá được. Nhưng, bọn chúng hơn ta ở chỗ nhiều thuyền, nếu ta không phòng bị cẩn thận trước thì thế được thua chưa thể nói ngay được. Nay, nếu ta sai người đem cọc lớn vạt nhọn, đầu thì bịt sắt, ngầm đóng xuống trước ở cửa biển, dụ cho thuyền của chúng theo nước triều lên mà vào phía trong của hàng cọc thì ta hoàn toàn có thể chế ngự chúng, quyết không cho chiếc nào tẩu thoát.

Định đoạt mưu kế xong, (Ngô) Quyền bèn sai đem cọc đóng xuống ở hai bên bờ cửa sông. Khi nước triều lên, (Ngô) Quyền sai quân đem thuyền nhẹ ra khiêu chiến rồi giả thua để dụ địch đuổi theo. Quả nhiên, Hoàng Thao trúng kế. Khi binh thuyền của chúng lọt vào vùng cấm cọc, đợi nước triều rút, cọc nhô dần lên, (Ngô) Quyền bèn tung quân, liêu chết mà đánh. Hoàng Thao bị rối loạn



Đền Ngô Quyền (Hà Tây)

quân ngũ, nước triều lại xuống gấp, thuyền vương cộc mà lật úp, binh sĩ chết đến quá nửa. (Ngô) Quyền thừa thắng đuổi đánh, bắt và giết Hoàng Thao. Vua Nam Hán được tin, thương khóc mãi rồi thu nhặt tàn quân (của Hoàng Thao) còn sót lại rồi rút về. Từ đó, vua Nam Hán cho rằng, tên húy là Cung (vua Nam Hán họ Lưu, tên là Cung - NKT) thật đáng ghét lắm" (Tờ 19a-b).

Về Ngô Quyền, hai sử gia lỗi lạc của dân tộc ta là Lê Văn Hưu và Ngô Sĩ Liên đã có hai lời bàn. Sách trên đã trân trọng ghi lại cả hai lời bàn ấy. Xin giới thiệu lại như sau :

- Lời bàn của Lê Văn Hưu : "Tiền Ngô Vương (chỉ Ngô Quyền - NKT) có thể lấy quân mới nhóm họp của nước Việt ta mà đánh tan được cả trăm vạn quân của Lưu Hoàng Thao, mở nước và xưng vương, khiến cho người phương Bắc không dám bén mảng đến nữa, cho nên, có thể nói là một lần nổi giận mà khiến cho dân được yên, mưu sâu đánh giỏi lắm vậy. Tuy (Ngô Quyền) chỉ mới xưng Vương chứ chưa lên ngôi Hoàng đế, cũng chưa đặt niên hiệu, nhưng, quốc thống của nước nhà chừng như đã nối lại được rồi vậy" (Tờ 21-a).

- Lời bàn của Ngô Sĩ Liên : "Lưu Cung tham đất của người, muốn mở rộng bờ cõi, nhưng đất đai chưa lấy được mà đã tự làm hại mất đứa con của mình, lại hại cả dân nước mình. Mạnh Tử nói, đem cái không yêu mà hại cái mình yêu, đại để là như thế này chăng ?" (Tờ 20-a).

26 - LOẠN DƯƠNG TAM KHA

Dương Tam Kha là con của Dương Đình Nghệ. Có sách nói Dương Tam Kha là anh, nhưng cũng có sách nói Dương Tam Kha là em vợ của Ngô Quyền. Lí lịch Dương Tam Kha còn có nhiều chỗ chưa rõ, nhưng loạn Dương Tam Kha thì ai cũng tỏ tường. Chuyện chẳng hay này được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kì, quyển 5, từ tờ 21-b đến tờ 23-a) chép lại như sau :

"Trước, Tiền Ngô Vương (chỉ Ngô Quyền – NKT) bị bệnh nặng nên có lời di chúc, giao cho (Dương) Tam Kha việc giúp rập con mình nối ngôi. Đến khi Vương (chỉ Ngô Quyền – NKT) mất, (Dương) Tam Kha cướp ngôi con trưởng của Vương là Ngô Xương Ngập. Ngô Xương Ngập sợ, chạy lánh về Nam Sách Giang (vùng đất nay thuộc hai huyện Chí Linh và Nam Sách của tỉnh Hải Dương – NKT), trú ngụ trong nhà của Phạm Lệnh Công, người ở Trà Hương. (Chỗ này hơi tối nghĩa, vì Trà Hương thuộc vùng Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ngày nay – NKT). Dương Tam Kha bèn nhận con thứ của Vương là (Ngô) Xương Văn làm con mình. Những người con khác của Vương như Nam Hưng và Càn Hưng thì còn bé nên đều theo về ở với Quốc Mẫu (chỉ vợ Ngô Quyền, con gái của Dương Đình Nghệ – NKT). Ít lâu sau, Dương Tam Kha sai các tướng là Dương Cát Lợi và Đỗ Cảnh Thạc đem quân đến nhà (Phạm) Lệnh Công đòi bắt (Ngô) Xương Ngập, nhưng cả ba lần đi đều về không. Phạm Lệnh Công lo sợ, bèn đem Ngô Xương Ngập giấu vào trong động núi. Dương Tam Kha hay tin, lại đến đòi bắt như trước nhưng không được".

...(Năm 950), Dương Tam Kha sai (Ngô) Xương Văn cùng hai tướng họ Dương (chỉ Dương Cát Lợi – NKT) và họ Đỗ (chỉ Đỗ Cảnh Thạc – NKT) đem quân đi đánh hai làng là Đường và Nguyễn ở Thái Bình (vùng đất nay nằm tiếp giáp giữa Hà Tây và Vĩnh Phúc – NKT). Khi quân đến Từ Liêm, (Ngô) Xương Văn nói với hai tướng rằng :

– Đức lớn của Tiên vương ta đã thấm vào tận lòng dân, cho nên, chính lệnh ban ra, không ai là không thuận nghe theo. Nay, không may Tiên vương đã lìa bỏ quần thần, Bình Vương (đây chỉ Dương Tam Kha – NKT) làm việc bất nghĩa, cướp ngôi của anh ta, tội thật không có gì lớn bằng. Giờ đây, Bình Vương lại sai chúng ta đi đánh hai làng vô tội. Nếu may mà thắng được thì chẳng nói làm gì, còn như họ không chịu hàng phục thì ta biết làm sao được ?

Hai tướng cùng nói :

– Chúng tôi xin theo lệnh của ông.

(Ngô) Xương Văn lại nói :

- Ta muốn đem quân quay lại đánh úp Bình Vương để khôi phục cơ nghiệp của Tiên Vương ta, như thế có nên chăng ?

Hai tướng cùng cho là hay, bèn quay về đánh úp Dương Tam Kha. Mọi người muốn giết Dương Tam Kha đi, nhưng (Ngô) Xương Văn nói :

- Bình Vương đối với ta có ơn (chỉ việc Dương Tam Kha đã nhận Ngô Xương Văn làm con nuôi - NKT), tại sao lại nỡ giết?

Nói rồi, bèn giáng Dương Tam Kha làm Chương Dương Công, ban cho đất làm thực ấp (nay là bến Chương Dương)".

Lời bàn : Thời ấy, ngôi chí tôn là ngôi cha truyền con nối và Ngô Quyền cũng đã nói rõ quyết định truyền ngôi cho con trai trưởng của mình là Ngô Xương Ngập. Vậy thì việc làm của Dương Tam Kha, cho dầu là vì bất cứ lý do khó nói nào đi nữa, cũng đều bị coi là trái với đại đạo ở đời. Lòng ghét bỏ Dương Tam Kha nào phải chỉ có riêng một thuở, bởi vì kẻ tranh đoạt chức quyền của người khác, xưa nay đâu dễ được ai rộng lượng dung tha. Việc làm của Dương Tam Kha, trước là hại cho thân danh, sau là nguy cho xã tắc, giận thay !

Sử gia Lê Văn Hưu đã có lời bàn về sự kiện này, nguyên văn như sau : "Đuổi con vua để tự lập làm vua, đó là tội lớn đối với nước, còn như việc nhận con của vua làm con nuôi của mình và ban cho cả thực ấp nữa, thì đây chỉ là ơn riêng đối với một nhà. (Dương Tam Kha) dám đuổi (Ngô) Xương Ngập để tranh đoạt ngôi vua, đó là bệ tội phản nghịch, theo nghĩa thì quyết không thể tha tội chết. Vậy mà, Hậu Ngô Vương (chỉ Ngô Xương Văn, em của Ngô Xương Ngập - NKT) không trị tội, còn ban ơn riêng để nuôi dưỡng chứ không nỡ gia hình, lại ban cho cả thực ấp nữa, thế thì há chẳng phải là lầm to rồi hay sao ?" (Tờ 23-a).

Đọc lời trên, hậu sinh dầu có chỗ nghĩ khác hơn, vẫn gật gù gõ cán bút xuống bàn mà nói rằng : Chí lý thay !

27 - VÌ SAO HỌ NGÔ MẤT NGÔI ?

Năm 944, Ngô Quyền mất. Trước khi qua đời, Ngô Quyền có lời trăng trối, nhờ Dương Tam Kha tôn lập con trai trưởng của mình là Ngô Xương Ngập lên nối ngôi. Tiếc thay, Dương Tam Kha lại lợi dụng cơ hội Ngô Quyền mất để cướp lấy quyền bính. Ngô Xương Ngập vì hoảng sợ mà bỏ trốn, đến tá túc ở nhà của Phạm Lệnh Công.

Năm Canh Tuất (950), em của Ngô Xương Ngập là Ngô Xương Văn cùng với hai tướng là Dương Cát Lợi và Đỗ Cảnh Thạc lật đổ Dương Tam Kha, khôi phục cơ nghiệp của nhà Ngô. Nhưng, Dương Tam Kha từng nhận Ngô Xương Văn làm con, vì thế, Ngô Xương Văn không nỡ giết, đã thế, còn phong cho Dương Tam Kha tước Công và ban cho đất đai vùng Chương Dương làm thực ấp.

Năm Tân Hợi (951), Ngô Xương Văn xưng là Nam Tấn Vương và ngay sau đó, sai sứ đi đón Ngô Xương Ngập về để cùng trông coi việc nước. Ngô Xương Ngập về, xưng là Thiên Sách Vương. Như vậy, nước nhà lúc này có một lúc những hai vua !

Sách *Dại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kỉ, quyển 5, tờ 24 - a) cho hay rằng, Thiên Sách Vương ngày một chuyên quyền, khiến Nam Tấn Vương không còn được tham dự vào việc bàn chính sự nữa.

Bấy giờ, tình hình trong nước cũng như ngoài nước hết sức căng thẳng. Trong nước thì do chính quyền trung ương lục đục, các địa phương nổi lên chống đối, đồng thời, nạn cát cứ cũng bắt đầu xuất hiện. Nước có hai vua nhưng chẳng vua nào quản lí được đất nước. Ngoài nước thì đáng kể hơn cả là việc nhà Tống đã thống nhất được Trung Quốc và đang âm mưu bành trướng xuống phương Nam.

Năm Ất Sửu (965), Nam Tấn Vương đem quân đi đàn áp cuộc nổi dậy của nhân dân thôn Đường và thôn Nguyễn ở Thái Bình, chẳng may trúng mũi tên mà chết. Trước đó (năm Giáp Dần, 954), Thiên Sách Vương bị bệnh mà mất. Nhà Ngô đến đây là dứt.

Vì sao nhà Ngô mất ngôi ? Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : "Nam Tấn Vương nhà Ngô lấy nghĩa để trừ bạo, khôi phục nghiệp cũ, cũng có thể nói là đủ để thỏa vong linh của tổ tiên, làm hả lòng căm giận của thần và của người. Chính trị đang lúc đổi mới, thế mà vì nhân từ, thương người theo kiểu đàn bà con nít, không nỡ trị tội Dương Tam Kha cướp ngôi, lại tham việc can qua, can rờ đánh dẹp ở thôn Đường và thôn Nguyễn, rốt lại là tự hại mình, đáng tiếc thay !" (Sách trên, tờ 25-a).

Sử thần Lê Văn Hưu cũng nặng lời phê phán Nam Tấn Vương, Ngô Xương Văn. Hẳn nhiên, hai bậc sử gia lòng danh như Lê Văn Hưu và Ngô Sĩ Liên đã nói, thì cho dầu không đúng, cũng quyết không thể sai, nhưng, hình như trong chỗ ngổn ngang của thế sự, hai đấng tiền bối khả kính này cũng có ý chứa lại vài lời cho hậu sinh. Ngẫm chuyện Nam Tấn Vương và Thiên Sách Vương, hẳn ai cũng rõ, xưa nay chẳng có sự thừa nào đáng sợ như thừa ... vua. Nước nhỏ mà một lúc có đến những hai vua, điều ấy cũng có nghĩa là sẽ không còn có vua nào nữa. Loạn mười hai sứ quân sau đó chẳng phải là sự báo ứng rành rành đó sao ?

28 - CUỘC ĐẠI ĐỊNH CỦA ĐÌNH BỘ LĨNH

Sau khi Thiên Sách Vương rồi Nam Tấn Vương lần lượt qua đời, đất nước bước vào một thời kì loạn lạc kinh hoàng. Chừng như ở bất cứ địa phương nào cũng có các thế lực cát cứ nổi lên, thậm chí có nơi, một vùng nhỏ mà có đến mấy thế lực liên. Cuối cùng, các thế lực nhỏ dần dần bị tiêu diệt, các thế lực lớn thì tồn tại tương đối lâu hơn. Đến năm Bình Dân (966), cả nước còn lại mười hai thế lực cát cứ lớn, sử gọi đó là loạn mười hai sứ quân. *Sách Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kỉ, quyển 5, tờ 25a-b) cho biết danh sách mười hai sứ quân này như sau :

- 01 - Ngô Xương Xí chiếm giữ vùng Bình Kiều (nay thuộc huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa).

- 02 - Kiều Công Hãn** (xưng là Kiều Tam Chế) chiếm giữ vùng Phong Châu (nay thuộc huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ).
- 03 - Nguyễn Khoan** (xưng là Nguyễn Thái Bình) chiếm giữ vùng Tam Đới (nay thuộc huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc).
- 04 - Ngô Nhật Khánh** (xưng là Ngô Lâm Công) chiếm giữ vùng Đường Lâm (nay thuộc huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây).
- 05 - Đỗ Cảnh Thạc** (xưng là Đỗ Cảnh Công) chiếm giữ vùng Đỗ Động Giang (nay thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây).
- 06 - Lý Khuê** (xưng là Lý Lãng Công) chiếm giữ vùng Siêu Loại (nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh).
- 07 - Nguyễn Thủ Tiệp** (xưng là Nguyễn Lệnh Công) chiếm giữ vùng Tiên Du (nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh).
- 08 - Lã Đường** (xưng là Lã Tá Công) chiếm giữ vùng Tế Giang (nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên).
- 09 - Nguyễn Siêu** (xưng là Nguyễn Hữu Công) chiếm giữ vùng Phù Liệt (nay thuộc huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội).
- 10 - Kiều Thuận** (xưng là Kiều Lệnh Công) chiếm giữ vùng Hối Hồ (nay thuộc huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ).
- 11 - Phạm Bạch Hổ** (xưng là Phạm Phòng Át) chiếm giữ vùng Đằng Châu (nay thuộc huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên).
- 12 - Trần Lâm** (xưng là Trần Minh Công), chiếm giữ vùng Bố Hải Khẩu (nay thuộc khu vực thị xã tỉnh Thái Bình).

Sách trên (từ 25-b và 26-a) chép :

"Bấy giờ, nước không có chủ, mười hai sứ quân tranh ngôi, không ai chịu thống thuộc ai. Đinh Bộ Lĩnh nghe tiếng Trần Minh

Công là người có đức nhưng không có con nối dõi, bèn đem con là (Đinh) Liễn đến xin nương tựa. (Trần) Minh Công thấy (Đinh) Bộ Lĩnh đáng mạo khôi ngô, lại có khí lượng hơn người, bèn nhận làm con nuôi, ơn thương yêu và nghĩa đối đãi ngày càng trọng hậu, nhân đó, giao cho (Đinh Bộ Lĩnh) trông coi việc quân, sai đi đánh các hùng trưởng khác, đến đâu thắng đó. Phạm Phòng Át đem quân về hàng (sau, dưới triều nhà Đinh, Phạm Phòng Át được làm Thân Vệ Tướng Quân).

Khi (Trần) Minh Công mất, bọn con em của Ngô Tiên Chúa (chỉ Ngô Quyền - NKT), từ vùng Đỗ Động Giang, đem hơn năm trăm thủ hạ tới đánh, nhưng bọn này vừa đi đến Ô Man thì bị thủ lĩnh của làng ấy là Ngô Phó Sứ đánh bại, đành phải kéo về. (Đinh) Bộ Lĩnh nghe tin, cất quân đi đánh Đỗ Động Giang, không ai là không chịu hàng phục. Từ đó, quan lại và dân ở kinh đô cũng như ở các phủ đều theo về. Nhà Ngô mất".

Năm Mậu Thìn (968), sau khi tiêu diệt hết các sứ quân, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng Đế, xưng là Đinh Tiên Hoàng, định đô ở Hoa Lư, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đặt niên hiệu là Thái Bình. Cũng năm đó, quần thần của Đinh Tiên Hoàng xin dâng tôn hiệu là Đại Thắng Minh Hoàng Đế.

Lời bàn : Về cuộc đại định của Đinh Bộ Lĩnh, sử gia Lê Văn Hưu đã có lời bàn rằng : "(Đinh) Tiên Hoàng tài năng sáng suốt, dũng cảm và mưu lược nhất đời, đúng khi nước Việt ta vô chủ khiến cho các hùng trưởng cát cứ mỗi người một phương, một phen cất quân mà mười hai sứ quân đều phải hàng phục. Vua mở nước định đô, đổi xưng Hoàng Đế, đặt trăm quan và lập ra sáu quân, chế độ kể cũng gần đầy đủ. Có lẽ đó là ý trời muốn vì nước Việt ta mà sinh bậc thánh triết để tiếp nối quốc thống chăng "*Đại Việt sử ký toàn thư* (bản kỉ, quyển 1, tờ 2-b).

Tiếp lời của cổ nhân, hậu sinh mạo muội bàn rằng : Nước có độc lập mà dân không được hưởng thái bình thì kể như đại họa vẫn còn nguyên đó, cho nên, kinh thay đổi đặng dẹp loạn, tạo dựng nền quốc thái dân an. Dốc chí đại định cho xã tắc, tên tuổi của Đinh Tiên Hoàng xứng đáng sánh ngang với tên tuổi các bậc anh hùng đã có công đại phá giặc ngoại xâm.

29 - NAM VIỆT VƯƠNG ĐÌNH LIÊN GIẾT THÁI TỬ HẠNG LANG

Nam Việt Vương Đình Liên là con trai trưởng của Đình Tiên Hoàng. Đình Liên sinh năm nào không rõ, chỉ biết vào năm Tân Hợi (951) Đình Liên đã là một thanh niên cường tráng, từng cùng với cha xông pha trận mạc khắp nơi. Năm Kỷ Tị (969), sau khi Đình Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế, xưng là Đình Tiên Hoàng đế, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, định đô ở Hoa Lư, thì Đình Liên được phong làm Nam Việt Vương. Năm Nhâm Thân (972), Nam Việt Vương Liên được cử đi sứ sang nhà Tống. Năm ấy, nhà Tống phong cho Đình Tiên Hoàng làm Giao Chỉ Quận vương, còn Nam Việt Vương Liên thì được nhà Tống phong làm Kiểm hiệu Thái sư, Tĩnh hải quân Tiết độ sứ, An Nam đô hộ. Đến năm Ất Hợi (975), nhà Tống lại sai sứ sang gia phong cho Đình Liên làm Khai phủ nghi đồng Tam ti, Kiểm hiệu Thái sư, Giao Chỉ Quận vương. Kể từ đó, mọi việc giao tiếp với sứ giả Trung Quốc, Đình Tiên Hoàng đều ủy thác hết cho Đình Liên. Tóm lại, Đình Liên là người từng trải, có công lao, có năng lực và cũng có cả uy tín nữa. Quyền kế vị ngôi Hoàng đế của Đình Liên kể như đã rất rõ ràng.

Tuy nhiên, mọi chuyện đang bình thường bỗng trở nên rắc rối bởi sự kiện xảy ra vào đầu mùa xuân năm Mậu Dần (978). Năm đó, Đình Tiên Hoàng bỗng dưng quyết định lập người con trai còn nhỏ là Hạng Lang làm Thái tử và Đình Toàn làm Vệ Vương. Điều này cũng có nghĩa là quyền kế vị ngôi vua của Đình Liên không còn nữa. Con thịnh nộ của Đình Liên bắt đầu. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 1, tờ 5-a) chép rằng :

"Mùa xuân (năm Kỷ Mão, 979 – NKT), Nam Việt Vương (là Đình Liên) giết chết Hoàng thái tử Hạng Lang. (Đình) Liên là con trưởng của Nhà vua, thuở hàn vi từng chịu đựng gian khổ, khi thiên hạ được thái bình, ý Vua cũng muốn truyền ngôi cho, bèn phong làm Nam Việt Vương. (Đình Liên) lại cũng từng chịu mệnh và nhận tước vị của nhà Tống ban cho. Nhưng về sau, vua

sinh được người con trai nhỏ là Hạng Lang, rất mực yêu quý, bèn lập (Hạng Lang) làm Thái tử. (Đinh) Liễn bất bình, liễn sai người lập mưu giết đi".

Lời bàn : Phế Nam Việt Vương để lập Hạng Lang làm Thái tử, hẳn nhiên, việc làm của Đinh Tiên Hoàng là sai. Bấy giờ, truyền ngôi cho con trưởng vẫn được coi là đại sự của đế vương, là việc lớn của nước nhà. Đinh Tiên Hoàng không làm như vậy, thế là trong cái sai, còn có thêm cái sai nữa. Lập Hạng Lang làm Thái tử, Đinh Tiên Hoàng thực sự đã ban ơn riêng cho người mình yêu quý, nhưng cũng thực sự xúc phạm đến trăm họ đương thời vậy. Lẽ đâu, người giữ ngôi chỉ tôn, người chịu trọng trách điều khiển vận mệnh quốc gia lại là một cậu bé ! Tiếc thay Đinh Tiên Hoàng, người dày dặn kinh nghiệm trận mạc, đủ để được hào kiệt đương thời tôn làm Vạn Thắng Vương, nhưng lại chưa đủ bản lĩnh và sâu sắc để quyết đoán đúng đắn những vấn đề ngờ như rất bình thường của chính sự.

Cái sai của Đinh Tiên Hoàng là gốc của mọi sự sai, nhưng chẳng phải vì thế mà có ai đồng tình với hành động tàn bạo của Đinh Liễn. Giết người là tội chẳng thể dung tha, giết em ruột để giành ngôi thì lại càng không thể dung tha hơn nữa. Công một thời chẳng thể bù cho tội một lúc, thương hại thay !

Về chuyện Nam Việt Vương Đinh Liễn giết Thái tử Hạng Lang, lời bàn của sử thần Ngô Sĩ Liên trong *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 1, tờ 5a - b) thật đáng để cho đời đời suy gẫm :

"Truyền ngôi cho con trưởng là đạo thường của muôn đời, bỏ đạo ấy mà không có biến loạn thì quả là chưa bao giờ nghe vậy. Cũng có khi nhân thời loạn mà lập Thái tử, nhưng trước hết phải chọn người có công, nếu con trưởng ác đức thì phải phế bỏ đi rồi sau mới lập con thứ. Thế là xử việc lúc biến mà vẫn được đúng, người xưa cũng từng làm. Nam Việt Vương (Đinh) Liễn là con trưởng, từng có công lao, chưa thấy có lỗi. Đinh Tiên Hoàng vì yêu con thứ mà quên con trưởng, tưởng thế là thỏa tình yêu quý, nào có biết đâu như thế là làm hại con. Còn như (Đinh) Liễn giết em, hẳn tâm đến thế thì rõ là thiên đạo và nhân luân đều mất hết, tức là tự chuốc họa thiết thân, lại còn liên lụy đến cha nữa (chỉ việc về sau, hai cha con Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn bị giết hại - NKT), há chẳng là rùng rợn lắm sao ? Nếu không như vậy thì tội đại ác của Đỗ Thích (kẻ giết Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn - NKT) vì đâu mà có, đúng như lời sấm truyền ?"

30 - TÊN ĐẠI NGHỊCH THẦN ĐỖ THÍCH

*S*ách Đại Việt sử kí toàn thư (bản kỉ, quyển 1, từ tờ 5-b đến tờ 7-a) chép rằng :

"Mùa Đông, tháng mười (năm Kỉ Mão, 979 - NKT), quan giữ chức Chi hậu nội nhân là Đỗ Thích giết chết Nhà vua (là Đinh Tiên Hoàng) ở trong cung. (Đỗ Thích người làng Đại Đê, huyện Thiên Bản, nay thuộc huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định - NKT). Trước đó, Đỗ Thích từng có lúc làm quan ở Đồng Quan (nay thuộc Ninh Bình - NKT). Một hôm, nhân nằm chơi rồi ngủ lại trên cầu, Đỗ Thích mơ thấy có vì tinh tú từ trên trời rơi xuống và hắn đã nuốt được. Đỗ Thích lấy đó làm điềm tốt, bèn nảy ra ý định giết Vua. Đến đây, thấy Nhà vua dùng yến tiệc vừa xong, say rượu nằm ngủ ngay giữa sân cung đình, (Đỗ) Thích bèn (lén vào) giết chết (Nhà vua), lại giết luôn cả Nam Việt Vương (Đinh) Liễn. Bấy giờ, lệnh lùng bắt thủ phạm rất gấp, (Đỗ) Thích phải trèo lên nằm trong máng nước ở trong cung suốt ba ngày liền, đói khát lắm. Thế rồi trời đổ mưa, (Đỗ Thích) thò tay hứng nước mà uống, cung nữ nhìn thấy nên đi báo. Định Quốc Công là Nguyễn Bặc sai người bắt xuống và đem đi chém đầu ...".

... "Trước kia, khi Vua còn hàn vi, thường ra sông Giao Thủy (ở Ninh Bình - NKT) để đánh cá. Có lần kéo lưới, bắt được viên ngọc khuê to, nhưng lại lỡ làm va vào mũi thuyền, khiến bị mẻ mất một góc. Đêm ấy, (Nhà vua) vào ngủ nhờ ở chùa Giao Thủy, để viên ngọc ở dưới đáy giỏ cá. Đang khi Nhà vua ngủ say, thấy giỏ cá có ánh sáng lạ phát ra, nhà sư của chùa (Giao Thủy) bèn gọi Nhà vua dậy để hỏi cho ra duyên cớ. Nhà vua cứ tình thực mà kể, lại còn lấy viên ngọc cho nhà sư xem. Xem xong, nhà sư than rằng :

- Ngày sau, anh sẽ phú quý không biết kể thế nào cho hết, nhưng tiếc là phúc đức không được bền lâu.

Năm Thái Bình thứ năm (tức năm Giáp Tuất, 974 - NKT) trong dân có truyền tụng câu sấm rằng :

*Đỗ Thích thí Đinh Đình
Lê gia xuất thánh minh,
Cạnh đầu đa hoành nhi,
Đạo lộ tuyệt nhân hành.
Thập nhị xưng đại vương,
Thập nhị vô nhân thiện,
Thập bát tử đẳng tiên,
Kế Đô nhị thập thiên.*

Nghĩa là :

Đỗ Thích giết Đinh (Tiên Hoàng) và Đinh (Liễn),

Nhà Lê xuất hiện bậc thánh minh,

Tranh nhau để được nhiều gia nô (cho mình),

Đường sá không còn có bóng người đi.

Có đến mười hai người xưng là đại vương (chỉ cuộc tranh hùng của mười hai người con Lê Hoàn sau này).

Nhưng cả mười hai người đều không ai là người thiện cả.

Họ Lý chết (chữ *thập*, chữ *bát* và chữ *tử* ghép lại thành chữ *lý* là họ Lý, *đẳng tiên* là chết).

Sao Kế Đô chiếu hai chục ngày (ý nói vận hội đen tối khá lâu)⁽¹⁾.

Mọi người cho rằng số trời là vậy. Bấy giờ, Đinh Quốc công là Nguyễn Bặc, Ngoại giáp là Đinh Điền, Thập đạo Tướng quân là Lê Hoàn, cùng nhau rước Vệ Vương là (Đinh) Toàn lên ngôi Hoàng đế, tôn (Đinh Bộ Lĩnh) là Đinh Tiên Hoàng đế, tôn thân mẫu (của Vệ Vương Đinh Toàn) là Dương Thị làm Dương Thái hậu, đồng thời, đem linh cữu Đinh Tiên Hoàng đế táng ở Sơn Lăng Trường Yên (thuộc Hoa Lư, Ninh Bình - NKT).

(1) Lời sấm truyền bao giờ cũng chứa đầy sự bí hiểm, vì thế mà rất khó dịch, thậm chí, rất khó mà hiểu nổi. Trên đây chỉ là lời dịch đại để về ý mà thôi.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Đế vương dấy nghiệp, chẳng có ai lại không nhờ ở trời. Nhưng, thánh nhân không thể cậy có mệnh trời mà không cố làm hết phận sự của mình. Cho dầu là việc đã thành cũng phải lo nghĩ để phòng giữ. Cho nên, sửa sang lễ nhạc, hình án và chính sự chẳng qua là để giữ lòng người, đặt ra nhiều lần cửa (trong kinh đô) và đánh trống canh làm hiệu là để đề phòng kẻ hung ác, bởi vì lòng người ham hố quả không cùng, việc đời nhiều khê quả không bến, quyết không thể không phòng bị được. Lo xa cho đời sau, mưu tính cho con cháu cũng chính là ở chỗ này.

Đinh Tiên Hoàng chưa thể gọi là đã trọn được đời vì chưa làm hết việc người chứ không phải là trời không giúp nữa. Và, cũng vì Nhà vua chưa thể gọi là trọn được đời nên lời sấm truyền kia mới tạm đắc thắng, đời sau rất dễ bị mê hoặc bởi điều này".

Lời bàn : Giết người là tội đại ác. Tội ấy, trời không thể dung, đất chẳng thể tha. Giết người vì mục đích tranh đoạt chức quyền của vị anh hùng có công lớn với xã tắc, thì trong tội đại ác, còn có thêm bao tội đại ác nữa. Hỡi đấng cao xanh vô tâm đen độ lạnh lùng, lẽ đâu như Đỗ Thích mà cũng là người được ư ?

Ngô Sĩ Liên có lời trách Đinh Tiên Hoàng thiếu cẩn trọng. Lời ấy chỉ phải, nhưng con người bị con người hãm hại, chẳng qua chỉ vì thiếu cẩn trọng để phòng, càng nghĩ càng thấy chưa chắc làm sao.

Thuở ấu thơ, kẻ hậu sinh này từng được đến viếng Hoa Lư và từng được thực hiện một tục lệ tuyệt vời : bất cứ ai trước khi vào thắp nhang tưởng nhớ Đinh Tiên Hoàng, đều phải cầm lấy cái roi mây để sẵn, đánh mạnh vào cánh tay bằng đá đặt cách cửa đền không xa. Đã có không ít người cầm giận, đánh đến nát cả roi mây, bởi vì cánh tay bằng đá ấy tượng trưng cho cánh tay tội lỗi của Đỗ Thích. Tương tự như vậy, ở Trung Quốc, bất cứ ai vào đền viếng Nhạc Phi (danh tướng của Trung Quốc thời Tống) cũng đều lấy dùi để sẵn, đánh vào đầu bức tượng Tần Cối (kẻ gian thần đã hãm hại Nhạc Phi) cách đó không xa. Hóa ra đó đây và xưa nay đều vậy, có ai lại không khinh ghét lũ bất nghĩa bất trung !

Như Đỗ Thích, giờ thì dầu một chút xương tàn cũng chẳng còn nữa, nhưng sự khinh ghét đã ngấm năm rồi mà có hề giảm bớt được đâu !

31 - CÁI CHẾT CỦA ĐÌNH ĐIỀN VÀ NGUYỄN BẶC

Đình Diên người Hoa Lư (tỉnh Ninh Bình) cùng họ với Đình Tiên Hoàng. Ông sinh năm nào chưa rõ, chỉ biết ông từng là người có công trong sự nghiệp tiêu diệt loạn mười hai sứ quân, và khi triều Đình được thành lập, ông được phong tới chức Ngoại giáp. Đình Diên mất vào cuối năm Kỉ Mão (979).

Nguyễn Bặc sinh năm Giáp Thân (924), mất năm Kỉ Mão (979) thọ 55 tuổi. Ông người Hoa Lư (tỉnh Ninh Bình), là bạn của Đình Tiên Hoàng từ hồi còn nhỏ. Sau, Nguyễn Bặc cũng từng là người có công trong sự nghiệp tiêu diệt loạn mười hai sứ quân, và khi triều Đình được thành lập, ông được phong tới tước Định Quốc công.

Tháng mười năm Kỉ Mão (979), Đình Tiên Hoàng và con trai trưởng là Nam Việt Vương Đình Liễn bị tên nghịch thần là Đỗ Thích giết hại. Ngay sau đó, Đình Diên, Nguyễn Bặc và Lê Hoàn đã cùng nhau tôn lập con thứ của Đình Tiên Hoàng là Đình Toàn lên nối ngôi. Tiếc thay, ngay sau đó, Đình Diên và Nguyễn Bặc lại nổi binh chống Lê Hoàn để rồi cả hai cùng bị Lê Hoàn giết hại. Sự kiện đau lòng này được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 1, tờ 7a - b và tờ 8-a) chép lại như sau :

"Vua nối ngôi khi mới được sáu tuổi, Lê Hoàn lo nhiếp chính, làm những công việc như Chu Công (tức Chu Công Đán, em của vua nhà Chu bên Trung Quốc là Vũ Vương. Chu Công nhận di chiếu của Vũ Vương, tôn lập Thành Vương lên nối ngôi, còn mình thì lo nhiếp chính. Bởi việc này, Chu Công từng bị các quan đương thời gièm pha, cho là Chu Công sẽ làm chuyện thoán nghịch - NKT). Lê Hoàn tự xưng là Phó Vương. Bọn Định Quốc công là Nguyễn Bặc, Ngoại giáp là Đình Diên, cùng với Phạm Hạp, ngờ rằng Lê Hoàn sẽ làm chuyện không hay đối với Nhà vua còn nhỏ tuổi, bèn dấy binh thủy bộ, chia làm hai ngã tiến về kinh đô để giết Lê Hoàn, nhưng không đánh nổi mà đều bị giết.

Trước khi bọn (Đinh) Điền và (Nguyễn) Bặc cất quân, Thái hậu đã hay tin, lòng những lấy làm lo sợ, bèn đến báo với Lê Hoàn rằng :

- Bọn (Nguyễn) Bặc dấy quân làm loạn, gây kinh động cả nước nhà ta mà vua thì còn nhỏ tuổi, chưa thể kham nổi việc cứu nạn, vậy, các ông nên sớm liệu, chớ để tai họa về sau.

Lê Hoàn nói :

- Thần ở chức Phó vương, quyền nhiếp chính sự, cho dầu biến loạn sống chết thế nào, cũng quyết đảm đương trách nhiệm.

Nói rồi, ông chuẩn bị quân ngũ, đánh nhau với (Đinh) Điền và (Nguyễn) Bặc ở Tây Đô. Lê Hoàn người Ái Châu (nay thuộc tỉnh Thanh Hóa - NKT), nay đóng đô ở Hoa Lư, vì thế, sử gọi Ái Châu là Tây Đô. (Đinh) Điền, (Nguyễn) Bặc thua chạy. Sau, chúng đem thủy quân ra đánh. Lê Hoàn nhân thuận gió, phóng lửa đốt hết chiến thuyền của chúng, chém chết (Đinh) Điền tại trận và bắt sống được (Nguyễn) Bặc đem về kinh sư. (Lê Hoàn) kể tội (Nguyễn Bặc) rằng :

- Tiên đế gặp nạn, lòng người và thần nhân đều căm giận và hổ thẹn. Người là bề tôi mà nhân lúc tang tóc bối rối để dấy quân bội nghĩa, vậy thì phận làm tôi để ở đâu ?

Nói rồi, sai người đem (Nguyễn Bặc) ra chém đầu.

Bọn (Đinh) Điền và (Nguyễn) Bặc đã bị giết rồi, quân của bọn Phạm Hạp cũng tự nhiên mất hết khí thế, bỏ chạy về làng Cát Lợi ở Bắc Giang (nay thuộc Bắc Giang - NKT). (Lê) Hoàn đem quân đuổi theo, bắt được Phạm Hạp đem về kinh sư.

Lời bàn : Có suy gẫm mới hay, sở dĩ Đinh Tiên Hoàng đẩy uy danh lừng lẫy, ấy cũng bởi vì quanh Đinh Tiên Hoàng và sát cánh với Đinh Tiên Hoàng là một loạt những tướng lĩnh tài ba, như Đinh Điền, như Nguyễn Bặc, như Phạm Hạp, như Lê Hoàn và như không biết bao nhiêu là người khác. Tiếc thay, những bậc anh tài này chỉ sát cánh với nhau khi có Đinh Tiên Hoàng chớ không thể sát cánh với nhau sau khi Đinh Tiên Hoàng đã khuất. Anh tài chẳng thể nương tựa anh tài, xót xa thay !

Đinh Điền, Nguyễn Bặc và Phạm Hạp đều là các bậc đại trượng phu, bưng bưng chí cả. Nhưng, chí và trí chẳng tương đồng. Có ai ngờ rằng các bậc dũng tướng lại thiếu sáng suốt khi phân tích những diễn biến xảy ra quanh mình ? Quà thật, không thể nói khác hơn rằng, Đinh Điền, Nguyễn Bặc và Phạm Hạp đã xử thế một cách rất không bình thường. Họ chỉ mới thấy ngôi vua mà chưa thực sự thấy triều đình, chỉ mới thấy chuyện hoàng tộc chứ chưa thực sự thấy hết chuyện xã tắc, chỉ mới thấy việc ở trước mắt chứ chưa thấy sự lợi hại của mai sau.

Trách Lê Hoàn sao không chịu nhường tay chẳng ? Hẳn nhiên, Lê Hoàn cũng có chỗ không đúng, nhưng chắc chắn, việc làm của ông cũng chẳng phải là sai. Cổ nhân mà !

32 - ĐOẠN KẾT BI THẨM CỦA CUỘC ĐỜI NGÔ NHẬT KHÁNH

Ngô Nhật Khánh người Đường Lâm, đất này, nay thuộc huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây. Các bộ sử cũ đều nói rằng, Ngô Nhật Khánh vừa là người đồng hương, lại cũng vừa là người bà con cùng một họ với Ngô Quyền. Sau khi Ngô Quyền mất (năm 944), đất nước loạn lạc bởi sự hoành hành của nạn cát cứ. Các thế lực yếu bị tiêu diệt dần, đến nửa sau của thế kỉ thứ X, cả nước chỉ còn mười hai thế lực lớn. Sử gọi đó là *loạn mười hai sứ quân*. Ngô Nhật Khánh là một trong số mười hai sứ quân này. Lấy quê nhà làm chỗ dựa, Ngô Nhật Khánh đã không ngừng mở rộng ảnh hưởng, từng một thời hùng cứ ở vùng đất thuộc tỉnh Hà Tây ngày nay.

Năm 967, Đinh Bộ Lĩnh tiêu diệt hết mười hai sứ quân. Tuy nhiên, vì kính trọng tài năng và đức độ của Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh chẳng những không nỡ giết người bà con của Ngô Quyền là Ngô Nhật Khánh, mà còn tìm đủ mọi cách để lôi kéo Ngô Nhật Khánh về với mình. Tiếc thay, Ngô Nhật Khánh đã nuôi lòng thù oán một cách vô lối để rồi rốt cuộc phải chết một cách bi thảm. Về sự kiện này, sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 1, tờ 11) viết rằng :

"(Ngô) Nhật Khánh là bà con của Ngô Tiên Chúa (tức Ngô Quyền - NKT). Trước kia, (Ngô) Nhật Khánh từng xưng là An Vương, cùng trong số mười hai sứ quân giữ đất tranh hùng. Khi Đinh Tiên Hoàng đánh dẹp được (Ngô) Nhật Khánh rồi, bèn lập mẹ của hắn làm Hoàng hậu, hỏi em gái của hắn cho con mình là Nam Việt Vương (Đinh) Liễn, lại gả Công chúa cho hắn nữa, thế mà Ngô Nhật Khánh vẫn không bớt oán hờn. Hắn dẫn vợ (là Công chúa của Đinh Tiên Hoàng) đi trốn. Tới cửa biển Nam Giới (tức là cửa Sốt, nằm ở huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh ngày nay - NKT), hắn rút dao bên mình ra, rạch mặt vợ mà kể tội :

- Cha mày đã lừa gạt để ức hiếp mẹ con ta. Ta có đầu lại vì mày mà bỏ qua tội ác của cha mày. Thôi, mày hãy trở về, ta sẽ một thân một mình đi tìm ai có thể cứu được ta đây.

Nói rồi, Ngô Nhật Khánh chạy sang Chiêm Thành. Nay, nghe tin (Đinh) Tiên Hoàng đã mất, (Ngô) Nhật Khánh dẫn quân Chiêm Thành, theo đường biển mà vào cướp phá. (Chẳng dè), khi quân của chúng đi qua cửa biển Đại Nha và cửa biển Tiểu Khang thì phong ba nổi lên, nhận chìm hết cả thuyền bè, Ngô Nhật Khánh bị chết đuối. Chúa Chăm (tức vua Chiêm Thành - NKT) may được thoát nạn, thu nhặt tàn quân mà chạy về".

Lời bàn : Nhân thời loạn mà làm loạn, sự ấy dẫu chẳng tốt đẹp gì, nhưng thôi, Ngô Nhật Khánh cũng hùng cứ một phương như bao kẻ hùng cứ các phương, hãy tạm cho là sự thường. Quan hệ hôn nhân giữa gia đình Đinh Tiên Hoàng với gia đình Ngô Nhật Khánh, tuy có phần rắc rối đến độ khó thương, nhưng, nếu xét đến tâm thành của Đinh Tiên Hoàng đối với xã tắc, kể cũng có thể coi là sự thường vậy.

Mọi sự bất thường đều ở cái tâm bất chính của Ngô Nhật mà thôi. Khi loạn mười hai sứ quân đã bị dẹp, quyền cai trị giang sơn đã được Đinh Tiên Hoàng thu về một mối, thì chống Đinh Tiên Hoàng tức là chống lại nền thống nhất thiên liêng, tức là xúc phạm đến tình cảm chung của nhân dân cả nước. Sự vô đạo trong xử thế với thân nhân của Ngô Nhật Khánh, đời dẫu có khinh vẫn có thể tha, song, chống lại triều đình trong trường hợp này là trọng tội, quyết không thể dung tha được.

Từ chỗ loạn nhà đến chỗ hại nước, khoảng cách thật chẳng xa. Cho dẫu ngàn năm vật đổi sao dời, lòng khinh ghét và căm giận của thế gian đối với kẻ bất trung và phản quốc có bao giờ thay đổi đâu.

Như Ngô Nhật Khánh, đã bất hiếu lại bất trung, đã hại dân lại phản quốc, còn mặt mũi nào sống giữa trời cao đất dày nữa. Phong ba bất ngờ nổi lên, đó là chuyện của phong ba, nhưng, cái chết bi thảm của Ngô Nhật Khánh lúc này có phải là chuyện bất ngờ đâu. Giá thử Ngô Nhật Khánh có may mắn thoát khỏi phong ba của biển, hẳn cũng chẳng thể thoát khỏi bão táp căm giận của lòng người đương thời.

... Mỗi hay, những kẻ phi loài,
Dẫu người không giết thì trời chẳng tha.

33 - THƯƠNG HẠI THAY ! TƯỚNG QUÂN HẦU NHÂN BẢO

Năm 960, Triệu Khuông Dận lên ngôi Hoàng đế, đó là Tống Thái Tổ, vị vua đầu tiên của nhà Tống (960 - 1278). Cũng như bao Hoàng đế Trung Hoa khác, ngay sau khi lên ngôi, Tống Thái Tổ đã mưu tính kế sách bành trướng xuống phương Nam. Nhưng, kế sách chưa thực hiện được thì Tống Thái Tổ qua đời. Hoàng đế kế vị là Triệu Khuông Nghĩa (tức Tống Thái Tông) quyết nối chí lớn của Tống Thái Tổ, ngày đêm lo nghĩ mưu đồ thôn tính nước ta. Đang khi Tống Thái Tông chưa tìm được cơ hội thuận tiện, thì ở nước ta, Đinh Tiên Hoàng qua đời và ngay sau đó là cuộc xung đột vũ trang giữa phái của Đinh Điền, Nguyễn Bặc và Phạm Hạp với phái của Lê Hoàn. Quan biên ải phía Nam của nhà Tống là Hầu Nhân Bảo dò biết được mọi sự, bèn xin được về triều để báo cáo tình hình. Nói cho ngay, Hầu Nhân Bảo cũng vì mâu thuẫn với đồng僚 cho nên bị bắt ra làm quan ở biên ải phía Nam, chín năm trời không được về thăm nhà, đến đây, muốn xin về triều để nhân đó mà xin về thăm nhà luôn thể. Nhưng, thương hại thay, Hầu Nhân Bảo tính kế lợi mình mà hại người, chưa thỏa ước nguyện riêng đã phải về nơi chín suối. Sách *Khâm định Việt*

sử thông giám cương mục (chính biên, quyển 1) có hai đoạn chép chuyện Hầu Nhân Bảo, nay xin được giới thiệu như sau :

"Trước đây, viên quan giữ đất Ung Châu (Trung Quốc - NKT) của nhà Tống là Hầu Nhân Bảo dâng thư (về triều) nói rằng, ở Giao Châu (chỉ nước ta - NKT) đang có biến loạn, triều đình chỉ cần đem một ít quân sang là cũng đã có thể chiếm lấy được. (Hầu Nhân Bảo) cũng xin được về triều để trình bày việc này. Vua Tống (được thư), mừng lắm, đã toan sai quân chạy ngựa trạm đi triệu Hầu Nhân Bảo về ngay, nhưng Lư Đa Tốn (kẻ có hiềm thù với Hầu Nhân Bảo và đặc biệt là với Triệu Phổ, anh vợ của Hầu Nhân Bảo - NKT) lại tâu rằng :

- Nước nhỏ kia đang có nội loạn, đó chính là cơ trời khiến chúng phải mất, thế thì ta nên xuất kì bất ý mà đánh úp, tức là làm theo lối sét đánh thành linh, che tai không kịp. Nay nếu có lệnh cho Hầu Nhân Bảo về trước thì mưu kia tất phải bị lộ, bọn họ biết mà đề phòng, ta không dễ gì lấy được đâu. Vậy, chi bằng hãy mật sai Hầu Nhân Bảo ngầm lo mọi việc, sau mới xuất quân đánh tràn sang, thắng lợi mười phần cầm chắc cả mười.

Vua Tống cho lời ấy là phải, bèn phong cho Hầu Nhân Bảo làm Giao Châu thủy lục Chuyển vận sứ, lại phong cho bọn Tôn Toàn Hưng, Trần Khâm Tộ, Lưu Trùng và Giả Thực được quyền nắm binh mã, hẹn ngày cùng kéo sang xâm lược nước ta" (tờ 12).

"Bấy giờ (năm Tân Tị, 981 - NKT), quân Tống tràn sang xâm lấn nước ta. Hầu Nhân Bảo kéo đến Lăng Sơn (tên một hòn đảo ở vịnh Hạ Long - NKT), Trần Khâm Tộ kéo đến Tây Kết. Lưu Trùng kéo đến Bạch Đằng. Nhà vua (đây chỉ Lê Hoàn - NKT), tự mình làm tướng để chống giặc, sai quân đóng cọc gỗ ở sông Bạch Đằng để cản đối phương. Quân Tống quá đông nên quân ta đánh có phần bất lợi, hai trăm thuyền chiến bị giặc cướp. Hầu Nhân Bảo đem quân tiến lên trước nhưng Tôn Toàn Hưng thì đóng quân lại, tỏ ý dùng dằng, khiến cho Hầu Nhân Bảo phải mấy phen thúc giục.

Khi quân Hưu Nhân Bảo tới, Nhà vua sai người trá hàng rồi lập mưu, dụ bắt được Hưu Nhân Bảo đem chém. Bọn Lưu Trùng sợ mà rút lui, Trần Khâm Tộ nghe tin cũng tháo chạy trở về. Nhà vua sai tướng xuất quân truy kích. Trần Khâm Tộ thua to, quân lính chết hơn quá nửa. Bọn bộ tướng của giặc là Quách Quân Biện và Hứa Trọng Tuyên đều bị bắt giải về kinh đô. Quan giữ chức Chuyển vận sứ của nhà Tống là Hứa Trọng Tuyên viết tờ tâu về triều, báo cáo việc thua trận. Vua Tống bèn hạ lệnh rút lui" (tờ 17).

Lời bàn : Đánh lên vào nước người khi nước người đang có biến loạn, kẻ ấy tuy chẳng mới mẻ gì, nhưng, như Hưu Nhân Bảo mà cũng biết được thì cũng cho là thông minh. Tiếc thay, Lê Hoàn lại thông minh hơn Hưu Nhân Bảo. Người sinh không phải thời, ấy là Hưu Nhân Bảo chẳng ?

Lưu Đa Tốn quả là kẻ thâm hiểm. Một lời hấn nói ra, nghe cứ ngọt như đường, trên thì khiến vua phải ưng theo, dưới thì buộc đồng liêu (cũng là đối thủ) phải ngậm bồ hòn và cam phận bị chôn chân ở nơi biên ải.

Bình pháp cổ của Trung Quốc vẫn răn tướng lĩnh phải biết người biết ta. Hưu Nhân Bảo chẳng hề biết ta cũng chẳng hề biết người, không chết sớm mới là lạ, chớ chết sớm có gì là lạ đâu.

Với người, tức là với nước ta, Hưu Nhân Bảo chỉ mới thấy có sự biến loạn, chưa hề biết Lê Hoàn là người như thế nào. Với mình, tức là với nhà Tống và bạn đồng liêu, Hưu Nhân Bảo chỉ mới lấu lĩnh, tính nhân việc này để làm việc kia, chưa hề biết rằng, phạm là việc bất nghĩa, sớm muộn thế nào cũng thảm bại, cũng chưa hề biết rằng, một đồng liêu ngầm nuôi mưu hãm hại thì nguy hại còn hơn cả binh hùng tướng mạnh của đối phương. Chẳng hay sinh thời, Hưu Nhân Bảo có bao giờ nghĩ đến những điều đại loại như thế này. Nhưng, nếu có nghĩ thì cũng chưa hề nghĩ thấu đáo, nếu không, sự thể đâu đến nỗi bi thảm như vậy. Thương hại thay !

34 - ĐẠI LƯỢC VỀ LÍ LỊCH TRƯỚC KHI LÊN NGÔI CỦA LÊ HOÀN

*S*ách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (bản kỉ, quyển 1, tờ 14 và 15) chép chuyện Lê Hoàn trước khi được tôn lên ngôi Hoàng Đế như sau :

"Thân mẫu của nhà vua, người họ Đặng, trước đó, khi đang mang thai, bỗng nằm mơ thấy bụng mình nở ra hoa sen và kết thành hạt sen ngay, bà lấy hạt sen ấy đem chia cho mọi người nhưng phần mình lại không ăn. Tỉnh dậy, bà lấy làm lạ lắm. Đến khi sinh Nhà vua, vừa thoáng thấy mặt mũi đến hình dáng đều khác thường, bà nói với mọi người rằng :

- Thằng bé này về sau ắt sẽ được sang giàu hơn người, chỉ tiếc là tôi không kịp được hưởng lộc mà thôi.

Thế rồi được độ vài năm, bà mất và sau đó, thân sinh (của Nhà vua) cũng qua đời. Bấy giờ, có viên quan người họ Lê (hiện chưa rõ tên), người Ái Châu (nay thuộc Thanh Hóa - NKT) thấy (Nhà vua) có dung mạo khác thường, bèn nuôi làm con. Một hôm, mùa đông giá rét (Nhà vua) phải nằm phục xuống như hình cái cối úp (cho đỡ buốt), chẳng dè đêm ấy, nhà sáng rực cả lên vì có con rồng vàng nằm che lên cho (Nhà vua). Viên quan người họ Lê càng lấy làm lạ.

Lớn lên (Nhà vua) từng giúp việc cho Nam Việt Vương (Đinh) Liễn, tỏ ra tài giỏi và có chí lớn hơn người. (Đinh) Tiên Hoàng khen là người giàu mưu trí và có sức mạnh, bèn giao cho quyền được cai quản hai ngàn quân, sau, thăng dần lên đến chức Thập đạo Tướng quân, Điện tiền chỉ huy sứ".

Lời bàn : Người mẹ nào cũng đều có thể có những giấc mơ và những lời nói tương tự như thân mẫu của Lê Hoàn, bởi vì đó thực sự chỉ là khao khát tự nhiên của thể tục. Song, thời ấy chỉ có Lê Hoàn mới là người biến khát khao của thân mẫu thành hiện thực phi thường. Có bao nhiêu người mẹ là có bấy nhiêu người nuôi những ước

vọng chân thành về con mình, chỉ tiếc là không phải bất cứ người con nào cũng đều có thể làm thỏa nguyện đấng sinh thành của mình mà thôi.

Rồng vàng che chở Lê Hoàn là chuyện có thật chăng ? Trong trường hợp này, tin sách chẳng bằng không có sách vậy. Nhưng, với một người mà nhỏ thì cần cù và giàu nghị lực chịu đựng, lớn thì chí cả và mưu lược hơn người, thiên hạ thêm thất rồi sử cứ thế mà chép chuyện rồng vàng che chở, chẳng qua cũng chỉ để tăng thêm sự kính trọng mà chữ nghĩa khó bề diễn đạt hết đó thôi.

Thêm điều phi thường cho các đấng phi thường vốn là sự thường của ngàn xưa, và không ít khi, chính sự thường này lại góp phần không nhỏ vào việc tạo ra những sự phi thường mới. Ngẫm mà xem !

35 - CHUYỆN LÊ HOÀN LÊN NGÔI HOÀNG ĐẾ

Lê Hoàn sinh năm Tân Sửu (941) tại làng Trung Lập, Châu Ái (nay làng này thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), mất năm Ất Tị (1005), thọ 64 tuổi. Thuở nhỏ, vì gia đình nghèo, Lê Hoàn đi ở và làm con nuôi. Sau, Lê Hoàn theo Đinh Bộ Lĩnh đánh dẹp loạn mười hai sứ quân. Nhờ có tài, lại được Đinh Bộ Lĩnh yêu, ông thăng tiến rất nhanh. Dưới triều Đinh Tiên Hoàng, Lê Hoàn giữ chức Thập đạo Tướng quân, tức là chức võ quan cao nhất lúc bấy giờ.

Năm 979, khi Đinh Tiên Hoàng và con trai trưởng là Nam Việt Vương Đinh Liễn bị giết hại, con thứ của Đinh Tiên Hoàng là Vệ Vương Đinh Toàn được đưa lên nối ngôi, Lê Hoàn là Phó vương, giữ quyền nhiếp chính. Các quan trong triều như Đinh Điền, Nguyễn Bặc và Phạm Hạp nghi ngờ Lê Hoàn sẽ làm việc mờ ám, bèn dấy binh để đánh, nhưng rốt cuộc lại bị Lê Hoàn đánh bại và giết chết. Từ đó, uy danh của Lê Hoàn ngày một lớn hơn. Tuy nhiên, khi nội loạn vừa dẹp yên thì ngoại xâm lại tràn tới. Nghe theo lời tâu của Hầu Nhân Bảo, nhà Tống xua quân đến xâm lược nước ta. Triều đình đương thời đứng trước một thực tế rất khó xử, rằng ai sẽ là người đủ uy tín và đủ năng lực để điều khiển vận mệnh quốc gia ? Tháng bảy năm Canh Thìn (980), một

sự kiện lớn đã diễn ra tại kinh đô Hoa Lư. Sự kiện này được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 1, tờ 13) chép lại như sau :

"Quan giữ đất Lạng Châu (vùng Lạng Sơn và Quảng Ninh ngày nay - NKT) đem việc đó (chỉ việc quân Tống tràn sang xâm lược nước ta - NKT) tâu lên, Dương Thái hậu bèn sai Lê Hoàn tuyển lựa dũng sĩ để chống lại. (Triều đình) cho Phạm Cự Lượng (em của Phạm Hạp, người Nam Sách, nay thuộc tỉnh Hải Dương - NKT) làm Đại tướng, được quyền bày mưu tính kế đánh giặc. (Phạm) Cự Lượng cùng các tướng, mặc nguyên quân phục, vào thẳng nội điện, nói thẳng với mọi người rằng :

- Thuở người có công, trị người phạm tội, ấy là phép dùng binh. Nay, chúa thượng thì thơ ấu, dẫu bọn ta có liều chết mà đánh rồi may lập được chút công lao, thì ai sẽ là người biết cho? Vậy thì chi bằng trước hãy tôn ngay quan Thập đạo Tướng quân (tức Lê Hoàn - NKT) lên ngôi Thiên tử rồi sau đó mới xuất quân.

Quân sĩ nghe vậy thì đều tung hô "vạn tuế". Dương Thái hậu cũng một lòng mến phục, liền sai lấy tấm Long Cổn khoác lên người Lê Hoàn, rồi cũng chính Dương Thái hậu khuyên Lê Hoàn lên ngôi. (Lê) Hoàn lên ngôi, đổi niên hiệu là (Thiên Phúc) giáng Hoàng đế là (Đinh) Toàn xuống làm Vệ Vương như cũ".

Lời bàn : Đinh Tiên Hoàng mất, vua nối ngôi là Đinh Toàn chỉ mới được sáu tuổi. Lê Hoàn làm Phó vương, giữ quyền nhiếp chính, ấy là vì sự thể lúc đó buộc phải làm như vậy. Sau, vận nước lâm nguy. xã tắc không thể phó thác cho Đinh Toàn bé nhỏ, chư tướng cùng Dương Thái hậu tôn Lê Hoàn lên ngôi, và Lê Hoàn đã vui nhận ý tôn lập đó, ấy cũng bởi sự thể lúc bấy giờ buộc phải làm như vậy đó thôi.

Ai lên ngôi để hưởng cuộc đời nhung lụa, còn Lê Hoàn lên ngôi trước hết là để nhận lấy sứ mệnh vinh quang mà cực kì khó khăn, đó là chỉ huy cuộc chiến đấu chống quân Tống xâm lăng, bảo vệ nền tự chủ và thái bình cho xã tắc, kính thay !

Cũng là anh em ruột thịt một nhà nhưng nếp nghĩ của Phạm Hạp và Phạm Cự Lượng mới khác nhau làm sao. Ai dám bảo rằng Phạm Hạp bất tài và bất trung ? Nhưng, chút suy nghĩ nông cạn đã đẩy Phạm Hạp vào ngõ cụt đầy bi kịch. Mối hay,

giữa cái tốt và cái xấu, giữa cao thượng với thấp hèn, giữa anh hùng với phản nghịch, tất cả, đôi khi chỉ xuất phát từ một phút suy nghĩ nông cạn và rất điên rồ đó thôi.

Trách Phạm Cự Lượng và chư tướng sao chỉ nghĩ đến việc cần người ghi nhận công lao cho mình ư ? Rằng đúng thì kẻ cũng có phần đúng, nhưng nếu cứ lấy đạo đức ngày nay làm chuẩn để xét đoán, thì lịch sử sẽ chẳng còn là lịch sử nữa. Có phải cái đúng bao giờ cũng đúng hết với mọi thời đâu. Ngẫm mà xem !

36 - LÊ HOÀN TIẾP SỨ GIẢ NHÀ TỐNG NHƯ THẾ NÀO ?

Cũng như bao vị Hoàng đế khác của nước ta, Lê Hoàn coi nhà Tống là Thiên triều, vua Tống là Thiên tử, còn mình thì chịu sự tấn phong dần dần từ thấp lên cao. Theo lẽ, vua chư hầu phải tổ chức đón tiếp sứ giả Thiên triều một cách thật trọng thể. Với những sứ giả mang sắc phong của Thiên tử đến thì lễ đón tiếp phải càng trọng thể hơn. Nhưng, chuyện Lê Hoàn tiếp sứ giả của Thiên triều thì khác hẳn. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 1) có mấy đoạn ghi chép về việc này.

Đoạn thứ nhất (tờ 19-b), chép chuyện Lê Hoàn tiếp phái bộ sứ giả nhà Tống do Tống Cảo cầm đầu. Phái bộ này đến nước ta vào năm Canh Dần (990) :

"Nhà Tống sai quan giữ chức Tả Chính Ngôn là Tống Cảo, quan giữ chức Hữu Chính Ngôn là Vương Thế Tắc, mang tờ chế sắc sang phong thêm cho Nhà vua hai chữ *đặc tiến*. Vua sai bọn Nha nội chỉ huy sứ là Đinh Thừa Chính đem chín chiếc thuyền đến tận Thái Bình (đất này nay thuộc tỉnh Quảng Đông của Trung Quốc - NKT) để dẫn sứ giả theo đường biển mà vào. Nửa tháng sau thì (sứ giả) đến sông Bạch Đằng rồi cứ thế, theo thủy triều mà đi. Mùa thu, tháng chín, (sứ giả) đến trạm Nại Chỉnh ở Trường Châu (thuộc Ninh Bình - NKT). Nhà vua ra ngoài thành để tiếp. (Khi tiếp thì) bày các thứ chiến cụ để khoe. Vua cầm cương ngựa, cùng đi với sứ giả. Đến cửa Minh Đức (tên một cửa trong kinh

thành Hoa Lư – NKT), Nhà vua để chiếu thư lên trên điện chứ không chịu lấy, nói dối rằng, năm ngoái đi đánh giặc man, ngã ngựa nên đau chân. (Tống) Cảo và (Vương Thế) Tắc tin ngay là thực. Sau đó, Vua bày yến tiệc để thiết đãi sứ giả và nói với (Tống) Cảo rằng :

– Từ nay trở đi, hễ có quốc thư thì chỉ nên giao nhận ở biên giới, không phiền sứ giả phải đến tận đây nữa.

(Tống) Cảo về tâu lại. Vua Tống bằng lòng”.

Đoạn thứ hai (từ 22-b) chép chuyện Lê Hoàn tiếp phái bộ sứ giả của nhà Tống do Lý Nhược Chuyết cầm đầu, đến nước ta vào năm Bính Thân (996) :

“Vua nhà Tống sai Lý Nhược Chuyết mang chiếu thư và đai ngọc sang ban cho Vua. Khi (Lý) Nhược Chuyết đến, Vua cũng ra tận phía ngoài thành để đón nhưng lại tỏ cho sứ giả thấy mình cao quý khác thường, ngạo mạn không chịu làm lễ. (Nhân vì Lý Nhược Chuyết có ý phiền, rằng sao Nhà vua lại nở để cho quân lính tràn sang cướp phá châu Như Hồng của nhà Tống). Vua nói:

– Việc cướp trấn Như Hồng là do bọn cướp biển ở ngoài cõi, Hoàng Đế hẳn biết là không phải quân của Giao Châu (chỉ quân ta – NKT). Nếu như Giao Châu mà làm phản thì trước hết sẽ cho quân đánh vào Phiên Ngung, sau đó đánh thẳng vào Mân Việt, há có phải là dừng lại ở trấn Như Hồng mà thôi đâu”.

Lời bàn : Lần thứ nhất, Lê Hoàn vừa đón sứ giả lại vừa bày các thứ chiến cụ để ... hù dọa sứ giả. Sứ giả sợ cũng chỉ phải, bởi vì nhà Tống đem binh hùng tướng mạnh sang mà còn bị Lê Hoàn đánh cho tơi bời, huống chi là lúc này, sứ giả chỉ là hai viên quan văn yếu ớt. Làm sứ giả của nước bại trận, kể cũng khốn khổ thay. Cho nên, vừa nghe Lê Hoàn nói dối là đau chân vì bị ngã ngựa từ ... năm ngoái, sứ giả đã vội tin ngay, không dám bắt lỗi việc Lê Hoàn không thèm lấy chiếu thư của Thiên tử. Lê Hoàn bảo rằng từ đây, hễ có quốc thư thì chỉ cần giao nhận ở biên giới là đủ, không phải vào kinh đô làm gì, ấy thế mà Tống Cảo phải nghe, vua Tống cũng phải nghe. Hóa ra, làm vua của nước bại trận còn nhục nhã cam phận, huống chi là sứ giả cỡ như Tống Cảo kia !

Lần thứ hai, thái độ ngạo nghễ của Lê Hoàn, đủ tỏ cho sứ giả lần Thiên triều thấy rằng, Lê Hoàn chẳng coi Thiên tử ra gì. Sứ chép lời Lê Hoàn, ấy là muốn tỏ cho muôn đời biết rằng, khí phách Lê Hoàn là khí phách chung của con Hồng cháu Lạc, kẻ nào muốn dòm ngó nước ta thì hãy đọc kĩ lời này.

Bấy giờ, đất ta chưa rộng, người ta chưa đông, sức ta chưa thật mạnh, nhưng Lê Hoàn vẫn nghiêm giữ quốc thể. Tờ sắc phong tước vị và báu vật mà Thiên triều ban không hề làm cho Lê Hoàn chịu khom lưng. Ôi, phải chỉ ai ai cũng giữ được nhân cách trước mọi cám dỗ của người ngoài !

37 - NHÂN CÁCH LÊ LONG ĐĨNH

Lê Hoàn có tất cả mười hai người con trai, gồm mười một con ruột và một con nuôi. Lê Long Đĩnh là con thứ năm của Lê Hoàn. Năm Ất Tị (1005), Lê Hoàn mất. Một cuộc ác chiến để giành ngôi giữa các con của Lê Hoàn đã diễn ra. Cuối cùng, Lê Long Đĩnh đã cướp được ngôi báu và làm vua gần năm năm (1005 - 1009). Sách *Đại Việt sử lược* (quyển 1) đã dành một đoạn khá dài để viết về nhân cách của Lê Long Đĩnh. Chúng tôi xin giới thiệu lời dịch đoạn viết này và xin nhường lời bàn cho độc giả :

"Vua vốn tính hiếu sát. Có tội nhân, phải tội chết, Vua bắt lấy cớ tranh cuốn vào người rồi đốt, hoặc giả có lần sai tên hèn là Liêu Thủ Tâm, lấy con dao thật cùn, xả vào người tội nhân cho chết dần, làm như thế, tội nhân phải kêu la thảm thiết đến vài ngày. Liêu Thủ Tâm thấy vậy thì bõn cợt rằng :

– Mày không quen chịu chết à !

Nhà vua thấy thế cũng cười to lên, lấy làm thích thú lắm. Mỗi khi đi đánh trận, hễ bắt được tù binh là Nhà vua lại sai áp giải họ đến bờ sông. Khi nước thủy triều xuống thì sai làm cái lồng, đặt sẵn dưới nước cạn và nhốt tù binh vào đó để đến khi nước triều lên thì tù binh sẽ bị chết chìm dưới nước. Lại cũng có khi (Nhà vua) bắt tù binh phải trèo lên cây cao rồi sai người chặt cây (cho ngã xuống mà chết). Có lần Nhà vua đi chơi ở khúc sông

190
có lăm thường luồng, bèn sai trói tù binh vào mạn thuyền, chạy qua chạy lại, lấy họ làm mồi cho thường luồng.

(Trong cung), phàm những vật đem về nhà bếp, Nhà vua đều tự tay cắt tiết rồi sau mới giao cho đầu bếp làm. Có lần, Nhà vua kê mía lên đầu bậc tu hành khả kính là Tăng Thống Quách Ngang để róc mà ăn. Vua giả vờ lỡ tay, khiến dao phập vào đầu nhà sư Quách Ngang, máu chảy ra lênh láng. Vua thấy vậy thì cười ầm lên.

Có đêm, Nhà vua sai làm thịt mèo để đãi. Các quan ăn xong, ai nấy nôn thốc nôn tháo cả ra. Khi các quan có việc phải vào và tâu trình các việc thì Nhà vua lại sai những tên hề ra nói leo, khỏa lấp hết mọi lời của quan.

Có lần, kẻ giữ cung làm món chả, Nhà vua cũng cùng với mọi người chạy đến tranh ăn. Bấy giờ, các bậc vương giả chống đối đều bị Nhà vua dẹp yên hết cả".

..."Vua đi đánh các châu Đô Lương và Cử Long (nay thuộc tỉnh Thanh Hóa – NKT), bắt được người Man cùng với khoảng vài trăm con ngựa. Vua sai lấy gậy đánh bọn người Man bị bắt. Vì bị đánh quá đau, họ kêu la ầm ĩ, lỡ xúc phạm tới tên húy của Đại Hành (tức Lê Hoàn, thân sinh của Vua – NKT), thì Vua lại thích chí cười ồ lên và lại sai đánh nữa. Mỗi lần bị đánh là mỗi lần họ lại xúc phạm đến tên húy của Đại Hành, nhưng Nhà vua lại lấy đó làm vui. Đi đánh Ái Châu (tức vùng Thanh Hóa ngày nay – NKT), bắt được người của châu này, Vua sai làm cái rọ, nhốt họ vào đó rồi cười".

..."Mùa đông, tháng 10 (năm Kỷ Dậu, 1009 – NKT), ngày Tân Hợi, Vua băng ở tấm điện, gọi là Ngọa Triều (Hoàng đế) bởi vì Nhà vua có bệnh trĩ, mỗi khi ra châu triều đều phải nằm".

38 - LÊ LONG ĐỈNH GẶP MAY

Sau một thời gian chém giết người ruột thịt chẳng chút ghê tay, Lê Long Đĩnh đã chiếm được ngôi vua. Cuộc chém giết khủng khiếp này, chẳng những người trong nước đều biết mà cả nhà Tống bên Trung Quốc cũng hay. Bọn quan lại ở vùng biên ải phía Nam của Trung Quốc đã dâng thư về triều, thúc giục vua Tống nhanh chóng lợi dụng cơ hội thuận tiện này để xuất quân sang đánh chiếm nước ta, nhưng vua Tống đã không chấp thuận. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 1, tờ 27-b và tờ 28-b) chép chuyện này như sau :

"Mùa hạ, tháng sáu (năm Bính Ngọ, 1006 - NKT) quan Tri Châu của Quảng Châu (Trung Quốc - NKT) là Lăng Sách dâng thư về triều Tống, nói rằng :

- Nay, Giao Chỉ (chỉ nước ta - NKT) đang có loạn, vậy xin cho thần cùng với quan giữ chức Duyên biên An phủ sứ là Thiệu Việp, được bàn tính kế sách để dâng lên. Bọn thần dựa theo lời của Hoàng Khánh Tập, kẻ cầm đầu hơn ngàn người ở Giao Chỉ, đã theo về và nay được quan ở Liêm Châu (thuộc Trung Quốc - NKT) dẫn đến, nói rằng : các con của Nam Bình Vương (chỉ tước vị của Lê Hoàn - NKT) mỗi người đặt trại sách phân tán một nơi, quan lại thì lìa tan, nhân dân thì lo sợ, vậy, xin đem quân đến đánh dẹp. Bọn (Hoàng) Khánh Tập sẽ làm tiên phong, xin được hẹn ngày đánh chiếm lấy (nước ta). Nếu triều đình ưng chuẩn lời thỉnh cầu này thì xin lấy quân đang đóng tại các đồn ở những châu thuộc Quảng Nam (tức vùng Quảng Đông và Quảng Tây của Trung Quốc ngày nay - NKT) và xin thêm năm ngàn quân ở Kinh Hồ (Trung Quốc - NKT) để thủy bộ cùng tiến, nhất định sẽ bình định được ngay.

Vua Tống nói :

- Họ Lê thường sai con sang châu, góc biển ấy vẫn được yên, chưa từng bất trung, bất thuận. Nay nghe tin (Lê Hoàn) mới mất, chưa có lễ thăm viếng mà đã vội đem quân đánh kẻ đang có tang, đó chẳng phải là việc làm của đấng vương giả.

Nói rồi (vua Tống) xuống chiếu cho bọn (Lăng) Sách tiếp tục vỗ về, cốt sao cho mọi sự được yên lặng. Sau, (Vua Tống) lại sai bọn Thiệu Việp đem thư sang bày tỏ uy đức của Thiên Triều, bảo không nên giết hại lẫn nhau nữa. Nếu anh em cứ giành nhau, không định rõ ngôi thứ thì quân của Thiên triều sẽ sang hỏi tội, họ Lê nhất định chẳng còn ai sống sót. Vua (Lê Long Đĩnh) sợ, bèn xin cho em sang nạp cống".

Lời bàn : Bấy giờ, Lê Long Đĩnh đồng thời đứng trước ba đại họa. Một là anh em ruột thịt vẫn chưa chịu ngừng chém giết lẫn nhau, ngôi vua chưa có gì đáng gọi là chắc. Hai là bọn Hoàng Khánh Tập đã cam lòng đi từ chỗ chống nhà vua đến chỗ phản bội đất nước, khiến cho vận mệnh quốc gia đứng trước thử thách thật cam go. Ba là quan biên ải của nhà Tống vốn sẵn đã tâm xâm lược, đến đây lại biết rõ nội tình triều Lê rồi ren, ra sức xúi giục triều đình đem quân sang thôn tính. Ba đại họa ấy, dù để triều đình Lê Long Đĩnh có nguy cơ bị tan rã, xã tắc cũng nhất định sẽ lâm nguy. May thay, vua nhà Tống đã không dám xuất quân. Vua nhà Tống bỗng dưng từ tâm hắc ra trắng ? Một lần bị Lê Hoàn đánh cho đại bại, dù để vua Tống nghìn lần đắn đo khi toan tính đánh báo thù đó thôi.

39 - CHUYỆN SÉT ĐÁNH RA... THƠ !

Người xưa cho rằng, mọi biến đổi lớn theo chiều hướng xấu hoặc tốt của một cuộc đời, một gia đình, một địa phương hay một triều đại ... tất cả đều được báo trước bằng những điềm dữ hoặc điềm lành. Việc Lý Công Uẩn được tôn lên ngôi Hoàng đế và khai sáng ra triều Lý (1010 - 1225) cũng đã được báo trước như vậy. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 1, từ 31a-b) chép:

"Trước đó, ở làng Diên Uẩn, thuộc châu Cổ Pháp (nay là vùng Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh - NKT), có cây gạo bị sét đánh. Người làng ấy đến xem kĩ thì thấy có chữ như sau :

*Thụ căn diều diều,
Mộc biểu thanh thanh,*

Hòa - đao - mộc lạc,
Thập - bát - tử thành,
Đông - a nhập địa,
Mộc dị tái sinh,
Chấn cung kiến nhật,
Đoài cung ẩn tinh,
Lục thất niên gian,
Thiên hạ thái bình.

Mấy câu này, đại để có nghĩa là :

Rễ cây sâu thăm thẳm,
Vỏ cây màu xanh xanh,
Hòa - đao - mộc thì rụng⁽¹⁾,
Thập - bát - tử thì thành⁽²⁾,
Đông - a mà nhập địa⁽³⁾,
Cây lạ sẽ tái sinh⁽⁴⁾,
Phương Đông mặt trời mọc⁽⁵⁾,
Phương Tây sao ẩn mình,
Chừng sáu bảy năm nữa,
Thiên hạ sẽ thái bình.

Nhà sư Vạn Hạnh nói với Lý Công Uẩn rằng :

- Mới rồi tôi thấy có bùa sấm lạ kì, suy thì biết là họ Lý sẽ cường thịnh, thế nào cũng dấy nên cơ nghiệp. Nay xem trong khắp

(1) : Hòa - đao - mộc ghép lại, có âm Hán Việt là *lê*, đây chỉ họ Lê, chỉ ngôi vua của Lê Long Đĩnh. *Rụng* là rụng xuống, ý nói sẽ mất đi.

(2) : Thập - bát - tử ghép lại có âm Hán Việt là *lý*, chỉ họ Lý. Chữ thành ngụ ý được dựng lên. Cả câu nói triều Lý sẽ được dựng lên.

(3) : Đông - a ghép lại có âm Hán Việt là *trần*, chỉ họ Trần. Họ vốn có nguồn gốc từ Trung Quốc nên mới có hai chữ *nhập địa*.

(4) : *Cây lạ sẽ tái sinh* ngụ ý rằng, sau cũng có triều Lê, song đó lại là một họ Lê hoàn toàn khác.

(5) : Ý chỉ rằng sẽ có Thiên Tử. Xưa, người ta vẫn coi Thanh Hóa là Tây còn Thăng Long là Đông.

thiên hạ, người họ Lý kể cũng nhiều, nhưng không ai bằng Thân Vệ cả (Thân Vệ là chức của Lý Công Uẩn lúc bấy giờ – NKT). Thân Vệ là người nhân từ, được lòng người, lại đang là người nắm giữ binh quyền trong tay, cho nên, đứng đầu trăm họ, nếu không phải là Thân Vệ thì còn ai vào đó nữa. Tôi nay đã ngoài bảy mươi, những mong thư thả hãy chết, chẳng qua chỉ cốt để chờ được xem đức hóa của ông thế nào. Việc này quả là cơ may ngàn năm có một.

(Lý) Công Uẩn sợ lời ấy (của Vạn Hạnh) tiết lộ ra, bèn nhờ người anh đem Vạn Hạnh giấu ở Tiên Sơn (nay thuộc tỉnh Bắc Ninh – NKT). Nhưng cũng từ đấy, ý nhòm ngó ngôi vua bắt đầu nảy sinh và người người cũng muốn theo ý đó".

Lời bàn : Phàm người đời đã tin cái gì thì thiên hạ nhất định sẽ có ngay những chuyện li kì tương ứng để củng cố niềm tin. Chuyện sét đánh ra thơ, hình thức tuy có khác nhưng suy cho cùng thì cũng có mục đích tương tự như chuyện con chó trắng ở châu Cổ Pháp bỗng dưng có đốm lông đen mang hình hai chữ *Thiên tử*, chuyện quả khế có hạt mận, hoặc như chuyện con trâu ở châu Trường Yên đột ngột thay sừng mà thôi (1).

Sấm ngôn bao giờ cũng là sấm ngôn, bí ẩn, uẩn súc đến độ rất khó hiểu. Nhưng sấm ngôn sở dĩ được muôn đời truyền tụng vì chính nó chứa chất những khát vọng đổi thay chân thành và lớn lao của trăm họ. Cho nên, thời nào còn có người viết sấm ngôn thì thời đó chưa thể gọi là thái bình thực sự được.

Lý Công Uẩn lên ngôi không phải là bởi sự định đoạt rõ ràng từ trước của sấm truyền. Ngược lại, sấm truyền chẳng qua chỉ là sự khéo léo, nói sao cho hợp với việc Lý Công Uẩn lên ngôi mà thôi. Con người có sự nghiệp phi thường ấy hẳn nhiên phải được những người ngưỡng mộ của muôn đời diễn tả bằng những lời khác thường như thế.

Như bạn và như tôi, chúng ta chẳng có lời sấm truyền nào cả, những người bình thường từ ngàn xưa đến nay chẳng có lời sấm truyền nào cả. Nếu cất nghĩa được rằng vì sao lại như thế, cũng có nghĩa là ta đã hiểu được nguồn gốc đích thực của sấm ngôn. Quả là như vậy đấy.

(1) Xin vui lòng đọc thêm tập 51 *giai thoại thời Lý* (tập thứ hai của bộ *Việt sử giai thoại*) để rõ thêm những tích này.

40 - LÝ CÔNG UẨN LÊN NGÔI

Sách Đại Việt sử kí toàn thư (bản kỉ, quyển 1, từ 32 a-b và từ 33 a-b) chép rằng :

"Có một lần, Lê Ngọa Triều (tức Lê Long Đình - NKT) ăn khế nhưng (khi bỏ ra lại thấy) ở trong có hạt mạn thì tin ở lời sấm truyền (xem giai thoại số 39 - NKT), bèn ngầm sai bộ hạ tìm người họ Lý để giết đi, ấy thế mà Lý Công Uẩn ở ngay bên cạnh vẫn không biết. (Mạn - cây mạn, quả mạn - âm Hán Việt là lý, cho nên Lê Ngọa Triều suy chữ lý là mạn ra chữ lý là họ Lý - NKT). Đến khi (Lê) Ngọa Triều băng, con nối ngôi thì còn quá bé, cho nên, (Lý) Công Uẩn cùng với quan giữ chức Hữu điện tiền chỉ huy sứ là Nguyễn Đê, mỗi người được đem năm trăm quân Tùy Long (quân hầu riêng cho Thiên tử - NKT) vào làm quân túc vệ. Bấy giờ, quan Chi hậu là Đào Cam Mộc dò biết (Lý) Công Uẩn có ý muốn được truyền ngôi, bèn nhân lúc vắng người, nói khích (với Lý Công Uẩn) rằng :

- Bấy nay, chúa thượng ngu tối và bạo ngược, làm nhiều việc bất nghĩa, khiến trời ghét nên không cho hưởng thọ mà con nối thì thơ ấu, không thể kham nổi việc lớn đầy khó khăn, trăm sự đều phiền nhiễu, thần linh không ưa, dân chúng nháo nhác tìm chân chúa. Vậy, tại sao quan Thân Vệ (chỉ Lý Công Uẩn - NKT) lại không nhân cơ hội này mà nghĩ mưu cao, quyết đoán sáng suốt, xa thì xem dấu cũ của vua Thang, vua Vũ, gần thì xem việc của họ Đinh, họ Lê ... trên thuận lòng trời, dưới hợp lòng người (nắm lấy ngôi báu có phải là hơn việc) khư khư giữ chút tiết hạnh bề tôi nhỏ nhoi hay không ?

(Lý) Công Uẩn lấy làm vừa ý với câu nói của Đào Cam Mộc, nhưng lại còn sợ Đào Cam Mộc có mưu khác, bèn giả vờ mắng lại rằng :

- Sao ông dám ăn nói như thế ? Tôi phải bắt ông đem nạp cho bá quan mới được.

(Đào) Cam Mộc thông thả nói với (Lý) Công Uẩn rằng :

– Tôi thấy việc trời và việc người như thế cho nên mới dám nói ra. Nay ông muốn tố cáo tôi thì tôi cũng xin thưa rằng tôi đâu sợ chết !

(Lý) Công Uẩn nói :

– Tôi đâu nỡ tố cáo ông, chẳng qua chỉ vì sợ lời nói của ông mà tiết lộ ra thì chúng ta đều phải chết nên mới răn như thế đó thôi.

Hôm sau, (Đào) Cam Mộc lại báo (Lý) Công Uẩn rằng :

– Người trong nước cho rằng họ Lý sẽ làm nên nghiệp lớn, lời sấm đã hiện ra rồi, tai họa không thể che giấu được nữa. Nay, chuyện chuyển họa thành phúc phải làm ngay trong một sớm một chiều mà thôi. Đây chính là lúc mà trời thì ban cho, người thì theo về, ông còn ngần ngại gì nữa ?

(Lý) Công Uẩn nói :

– Tôi hiểu ý ông cũng không khác gì ý của (nhà sư) Vạn Hạnh. Đã vậy thì nên tính kế như thế nào ?

(Đào) Cam Mộc nói :

– Thân Vệ là người khoan thứ, nhân từ, người người đều theo. Hiện nay, trăm họ đều đã mỏi mệt vì kiệt quệ, dân khó mà sống nổi, Thân Vệ nên nhân đó, lấy ân đức mà vỗ về, ắt người người đều vui theo, chẳng khác gì nước chảy xuống chỗ trũng, không ai có thể cản lại được.

(Đào) Cam Mộc biết rõ việc đã cần kíp lắm rồi, để nữa sợ sinh biến, liền trình bày với các bậc quan lại trong triều, ai ai cũng đều đồng lòng cả. Ngay ngày hôm ấy, họ họp lại, bàn rằng:

– Hiện nay, dân chúng muôn triệu người đều có lòng khác, trên dưới cách biệt, ai cũng ghét tiên đế hà khắc, bạo ngược nên không muốn theo về với vua nối nghiệp (còn nhỏ tuổi) mà muốn suy tôn quan Thân Vệ, bọn ta không nhân cơ hội này mà tôn lập

Thân Vệ làm Thiên tử, lỡ để xảy ra việc gì, liệu chúng ta có giữ nổi đầu mình nữa hay không ?

Thế rồi họ cùng nhau diu (Lý) Công Uẩn lên chính điện, tôn làm Thiên tử. Trăm quan đều lay rạp dưới sân, trong ngoài cùng tung hô *vạn tuế* ! Tiếng hô vang dậy cả cung đình.

(Lý Công Uẩn) lên ngôi, đại xá thiên hạ, lấy năm sau làm năm Thuận Thiên thứ nhất. Nhà vua sai đốt giềng lưới, bãi ngục tụng (ý muốn nói ban ân đức đến cả con người lẫn loài vật - NKT), đồng thời xuống chiếu rằng : từ nay, hễ ai có việc gì cần tranh kiện thì cho phép được đến triều đình tâu bày, nhà vua sẽ thân hành xét xử. Các quan dâng tôn hiệu cho Vua là Phụng Thiên Chí Lý Ứng Vận Tự Tại Thánh Minh Long Hiện Duệ Văn Anh Vũ Sùng Nhân Quảng Hiếu Thiên Hạ Thái Bình Khâm Minh Quang Trạch Chương Minh Vạn Bang Hiến Ứng Phù Cầm Uy Chấn Phiên Man Duệ Mưu Thần Trợ Thánh Trị Tắc Thiên Đạo Chính Hoàng Đế".

Lời bàn : Trước đó, Ngô Quyền đại phá quân Nam Hán rồi lên ngôi vương, Đinh Bộ Lĩnh quét sạch loạn mười hai sứ quân rồi lên ngôi đế, sự nghiệp tuy mỗi người một vẻ, nhưng cái chung vẫn là ở chỗ, từ công đức lớn, các bậc hào kiệt ấy đã hiện ngang bước lên ngôi chí tôn.

Đến đây, Lý Công Uẩn nhờ đại đức tòa sáng mà được bá quan văn võ tôn phò. Có gì may mắn hơn, khi mà Hoàng Đế là bậc nhân từ khoan thứ và cẩn trọng hơn người ?

Từ đây, triều Lý bắt đầu, nền thái bình thực sự cũng bắt đầu và Đại Việt dần dần trở thành một cường quốc ở Đông Nam châu Á. Có ai hay những trang hào hùng sau đó của lịch sử lại được mở đầu bằng sự kiện ngộ như rất bình dị này ?

Có người lên thuyền khiến cho thuyền bị nghiêng đổ, nhưng cũng có người lên thuyền khiến cho thuyền có thể lướt tới băng băng. Lý Công Uẩn chính là một trong những người bước lên và đã có công khiến cho con thuyền Đại Việt băng băng lướt tới. Kính thay !

THẾ THỨ CÁC TRIỀU ĐẠI TỪ THỜI HÙNG VƯƠNG ĐẾN HẾT THẾ KỈ THỨ X

Để bạn đọc tiện tra cứu khi xét thấy cần, chúng tôi viết thêm mục *Thế thứ các triều đại từ thời Hùng Vương đến hết thế kỉ thứ X*. Với ý nghĩa là góp phần giúp bạn đọc tiện tra cứu, chúng tôi giới thiệu hết tất cả các triều đại từng có trên đất nước ta trong giai đoạn lịch sử này, bất kể đó là chính quyền độc lập và tự chủ của ta hay chính quyền đô hộ của các triều đại phong kiến Trung Quốc. Và, vì đây chỉ là một trong những nội dung của phần phụ lục, chúng tôi chỉ có thể trình bày một cách gọn gàng mà thôi.

I - THẾ THỨ CÁC TRIỀU ĐẠI THỜI SƠ SỬ

1 - Thời đại Hùng Vương

- Khoa học lịch sử hiện đại cho rằng, thời Hùng Vương chỉ mở đầu cách nay khoảng hai ngàn năm trăm năm (chứ không phải là bốn ngàn năm như nhiều sách vở trước đây vẫn thường nói).

- Về niên đại kết thúc của thời Hùng Vương, phần lớn các nhà sử học hiện nay cho là vào khoảng năm 208 trước công nguyên chứ không phải là năm 258 trước công nguyên như sử cũ vẫn nói.

- Các nhà sử học hiện nay cũng cho rằng, hai chữ *Hùng Vương* gồm hai thành tố khác nhau. Thành tố thứ nhất là *Hùng*. Thành tố này có lẽ bắt nguồn từ sự phiên âm Hán Việt của một từ Việt cổ nào đấy, có ngữ âm và ngữ nghĩa gần với các từ *Kun*, *Khun* hay *Khunzt* của đồng bào các dân tộc anh em như Mường, Thái, Mun-da..., theo đó thì *Kun*, *Khun*, hay *Khunzt* đều có nghĩa là trưởng, thủ lĩnh, người đứng đầu ...v.v. Thành tố thứ hai là *Vương*. Có lẽ, đây là thành tố do các nhà chép sử đời sau thêm vào, cốt để tỏ rõ rằng, thủ lĩnh hay người đứng đầu (*Hùng*) là thủ lĩnh hay người đứng đầu nhà nước. Đứng đầu quốc gia, nếu không

là đế thì nhất định là vương mà thôi. Như vậy, *Hùng Vương* là tên tước vị, xuất hiện do phiên âm một từ Việt cổ nào đó.

- Sử cũ có nói đến con số mười tám đời Hùng Vương, nối nhau trị vì liên tục trong 2622 năm (từ năm 2879 trước công nguyên đến năm 258 trước công nguyên). Đó là những con số rất khó thuyết phục.

- Các nhà nghiên cứu hiện nay cho rằng, các vua Hùng chỉ có thể nối nhau trị vì trong khoảng 300 năm, với niên đại kết thúc là năm 208 trước công nguyên (chứ không phải là năm 258 trước công nguyên). Trong khoảng thời gian như vậy, con số mười tám đời Hùng Vương là hoàn toàn có thể có.

- Theo *Hùng triều ngọc phả* thì mười tám đời Hùng Vương là:

- 1 - Hùng Dương (tức Lộc Tục).
- 2 - Hùng Hiền (tức Sùng Lâm).
- 3 - Hùng Lân.
- 4 - Hùng Việp.
- 5 - Hùng Hy.
- 6 - Hùng Huy.
- 7 - Hùng Chiêu.
- 8 - Hùng Vỹ.
- 9 - Hùng Định.
- 10 - Hùng Hy (cùng âm với đời thứ 5 nhưng mặt chữ Hán thì hoàn toàn khác).
- 11 - Hùng Trinh.
- 12 - Hùng Võ.
- 13 - Hùng Việt.
- 14 - Hùng Anh.
- 15 - Hùng Triều.
- 16 - Hùng Tạo.
- 17 - Hùng Nghị.
- 18 - Hùng Duệ.

- Thời các vua Hùng, quốc hiệu của ta là Văn Lang. Khoa học lịch sử đã chứng minh được rằng, Văn Lang là một thời đại có thật. Thủ phủ của các vua Hùng là vùng Bạch Hạc (Phú Thọ) ngày nay.

2 - Thời đại An Dương Vương

- Theo ghi chép của sử cũ, An Dương Vương húy là Thục Phán, làm vua nước Âu Lạc từ năm 258 trước công nguyên đến năm 208 trước công nguyên. Nhưng, các nhà nghiên cứu hiện nay lại cho rằng, nước Âu Lạc chỉ tồn tại trong khoảng thời gian từ năm 208 trước công nguyên đến năm 179 trước công nguyên, tổng cộng gần ba chục năm.

- Cũng theo ghi chép của sử cũ, Thục Phán là con của vua nước Ba Thục, nhân khi Hùng Vương suy yếu, đã đem quân đến đánh và lật đổ Hùng Vương, làm vua nước ta, xưng là An Dương Vương, đổi tên nước ta là Âu Lạc. Nhưng, kết quả nghiên cứu của khoa học lịch sử hiện đại lại cho thấy, An Dương Vương là thủ lĩnh của các bộ tộc Âu Việt (cư trú chủ yếu ở vùng Việt Bắc và Tây Bắc nước ta ngày nay). Kể từ năm 214 trước công nguyên, nếu Hùng Vương tỏ ra bất lực trong sự nghiệp tổ chức và lãnh đạo nhân dân chống lại cuộc tấn công ồ ạt của quân Tần, thì trái lại, Thục Phán là một trong những vị anh hùng chống xâm lăng. Năm 208 trước công nguyên, Thục Phán được tôn lên làm vua. Ông xưng là An Dương Vương, đổi gọi tên nước là Âu Lạc.

- Kinh đô của Âu Lạc là Cổ Loa (nay thuộc ngoại thành Hà Nội). Nay, di tích thành Cổ Loa vẫn còn.

- Năm 179 trước công nguyên, Âu Lạc bị vua của nước Nam Việt là Triệu Đà thôn tính. Từ đây, thời kì đen tối lâu dài nhất của lịch sử nước ta bắt đầu : *Thời Bắc thuộc*.

II - THỂ THỨ CÁC CHÍNH QUYỀN BẮC THUỘC

Từ năm 179 trước công nguyên đến năm 905 sau công nguyên nước ta bị các triều đại phong kiến Trung Quốc nối nhau xâm lược và đô hộ. Sử gọi đó là thời Bắc thuộc. Hẳn nhiên, chính quyền Bắc thuộc không phải là chính quyền của ta, nhưng, để bạn đọc có thể tra cứu khi xét thấy cần thiết, chúng tôi trình bày thêm

mục *Thế thứ các chính quyền Bắc thuộc*. Điều cần lưu ý là tất cả niên đại ghi dưới đây đều dựa trên danh nghĩa chứ không phải là trên thực tế.

1 - Chính quyền đô hộ của Nam Việt

- Năm 208 trước công nguyên, nhà Tần sụp đổ, một viên tướng cũ của nhà Tần là Triệu Đà đã chiếm cứ vùng Lĩnh Nam và lập ra nước Nam Việt (vào năm 206 trước công nguyên).

- Ngay sau khi lập được nước Nam Việt, Triệu Đà đã liên tục đem quân đến đánh Âu Lạc. Năm 179 trước công nguyên, Âu Lạc bị Triệu Đà thôn tính và đô hộ.

- Nam Việt thống trị ta từ năm 179 trước công nguyên đến năm 111 trước công nguyên, tổng cộng là 68 năm với năm đời vua nối nhau trị vì là :

- Triệu Vũ Đế (*Triệu Đà*), làm vua từ năm 206 trước công nguyên đến năm 137 trước công nguyên.
- Triệu Văn Vương (*Triệu Hồ*), làm vua từ năm 136 trước công nguyên đến năm 125 trước công nguyên.
- Triệu Minh Vương (*Triệu Anh Tề*), làm vua từ năm 124 trước công nguyên đến năm 113 trước công nguyên.
- Triệu Ai Vương (*Triệu Hưng*) làm vua năm 112 trước công nguyên.
- Thuật Dương Vương (*Triệu Kiến Đức*), làm vua năm 111 trước công nguyên.

2 - Chính quyền đô hộ của nhà Hán

- Năm 206 trước công nguyên, khi nhà Tần sụp đổ, nếu ở vùng Lĩnh Nam, Triệu Đà lập ra nước Nam Việt, thì ở vùng trung nguyên của Trung Quốc, Lưu Bang cũng lập ra một triều đại mới, đó là nhà Hán.

- Năm 111 trước công nguyên, nhà Hán đã thôn tính được Nam Việt và thay thế Nam Việt đô hộ nước ta. Lịch sử nhà Hán bao gồm hai giai đoạn khác nhau. Giai đoạn thứ nhất bắt đầu từ khi Lưu Bang lên ngôi Hoàng đế (Hán Cao Tổ) đến năm thứ 8

sau công nguyên. Giai đoạn này sử gọi là thời Tiền Hán hay thời Tây Hán. Từ năm thứ 8 đến năm thứ 25, loạn Vương Mãng đã làm cho nền thống trị của nhà Hán bị gián đoạn một thời gian ngắn. Giai đoạn thứ hai bắt đầu từ khi Lưu Tú lên ngôi Hoàng đế (Hán Quang Vô) đến năm 220. Giai đoạn này sử gọi là thời Hậu Hán hay thời Đông Hán. Cũng có khi, sử gộp chung, gọi cả hai giai đoạn này là thời Lương Hán.

- Thời Lương Hán, có tất cả 42 viên quan được cử sang làm đô hộ ở nước ta.

3 - Chính quyền đô hộ của nhà Ngô

- Cuối thế kỉ thứ II, nhà Hán sụp đổ, các thế lực cát cứ nổi lên xâu xé lẫn nhau. Đầu thế kỉ thứ III, Trung Quốc bước vào thời kì hỗn chiến tương tàn của ba nước là Ngô, Thục và Ngụy. Sử gọi đó là *thời Tam Quốc*. Thời này, nhà Ngô thống trị nước ta.

- Trên danh nghĩa, nhà Ngô thống trị nước ta từ năm 220 đến năm 280. Trong thời gian đó, 31 viên quan đã được cử sang làm đô hộ.

4 - Chính quyền đô hộ của nhà Tấn

- Năm 280, nhà Tấn thống nhất được Trung Quốc, và cũng từ năm đó, nhà Tấn thay nhà Ngô thống trị nước ta.

- Nhà Tấn tồn tại tổng cộng 140 năm (từ năm 280 đến năm 420). Trong thời gian này, 22 viên quan của nhà Tấn đã được cử sang làm đô hộ nước ta.

5 - Chính quyền đô hộ của Nam Triều

- Đầu thế kỉ thứ V, Trung Quốc lại lâm vào tình trạng hỗn chiến cát cứ mới, sử gọi đó là *thời Nam - Bắc Triều*. Trong thời kì này, Nam Triều thống trị nước ta. Nền thống trị của Nam Triều bắt đầu từ năm 420 đến năm 542. Năm này, Lý Bí (cũng tức là Lý Bôn) đã khởi nghĩa và giành được thắng lợi, lập ra nước Vạn Xuân. (*Xin xem thêm mục thứ III của phần này*).

- Trong 122 năm thống trị, Nam triều đã lần lượt đưa sang 25 viên quan làm đô hộ ở nước ta.

6 - Chính quyền đô hộ của nhà Tùy và nhà Đường

- Năm 581, nhà Tùy được thành lập ở Trung Quốc. Năm 602, nhà Tùy tấn công xâm lược nước ta. Cuộc kháng chiến chống xâm lăng do Lý Phật Tử lãnh đạo đã nhanh chóng bị thất bại. Nhà Tùy đô hộ nước ta từ năm 602 đến năm 618.

- Năm 618, nhà Đường lật đổ nhà Tùy và thay nhà Tùy đô hộ nước ta. Ách đô hộ của nhà Đường kéo dài từ năm 618 đến năm 905, mặc dù trên danh nghĩa, phải đến năm 907 nhà Đường mới bị diệt vong hoàn toàn.

- Nhà Tùy thống trị nước ta chỉ có 16 năm, và điều đáng nói là dấu ấn để lại không có gì sâu sắc, bởi vậy, sử vẫn gộp với nhà Đường mà gọi chung là thời thuộc Tùy - Đường.

- Trong thời gian thống trị kéo dài tổng cộng 303 năm, nhà Tùy và nhà Đường đã đưa 64 viên quan sang làm đô hộ ở nước ta.

III - THỂ THỨ CÁC CHÍNH QUYỀN TỰ CHỦ ĐƯỢC DỰNG LÊN TRONG CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA CHỐNG BẮC THUỘC

Từ năm 179 trước công nguyên đến năm 905 sau công nguyên, trong số những dòng phát triển khác nhau của lịch sử, có hai dòng đối nghịch, luôn luôn diễn ra một cách quyết liệt trên đất nước ta, đó là Bắc thuộc và chống Bắc thuộc. Dòng Bắc thuộc được thể hiện rõ nét nhất qua việc thiết lập và không ngừng củng cố hệ thống chính quyền đô hộ ngoại bang. Ngược lại, dòng chống Bắc thuộc được thể hiện tập trung nhất qua hàng loạt những cuộc công phá chính quyền đô hộ ngoại bang, nhằm thiết lập hệ thống chính quyền độc lập và tự chủ. Sau hơn một ngàn năm đối đầu không khoan nhượng, cuối cùng, dòng thứ hai - dòng chống Bắc thuộc - đã thắng.

Thắng lợi của dòng thứ hai là thắng lợi của cả một quá trình lâu dài và gian khổ. Trong suốt quá trình đó, không ít các hệ thống chính quyền với những quy mô và tính chất khác nhau đã được lập ra. Gọi đó là *triều vua* (gồm nhà vua và những thiết chế chính trị do vua lập ra) theo đúng nghĩa của từ này, thì hẳn nhiên là còn có những điều cần phải cân nhắc, nhưng rõ ràng, tất cả

những hệ thống chính quyền ấy đều là thành tựu tuyệt vời của cuộc chiến đấu một mất một còn, đều thực sự là tinh hoa của ý chí độc lập và tự chủ. Xuất phát từ nhận thức ấy, chúng tôi trân trọng giới thiệu một số các chính quyền tiêu biểu nhất (dẫu người đứng đầu chưa xưng tước hiệu gì rõ ràng) được thành lập trong hoặc sau những cuộc khởi nghĩa chống Bắc thuộc.

1 - Chính quyền Trưng Nữ Vương (40 - 43)

- Húy là Trưng Trắc, con gái của Lạc tướng Mê Linh. (Đất Mê Linh nay thuộc vùng giáp giới giữa Hà Tây với Vĩnh Phúc và ngoại thành Hà Nội).

- Thân sinh mất sớm, Trưng Trắc và em gái là Trưng Nhị được thân mẫu là bà Man Thiện (cũng có truyền thuyết nói là bà Trần Thị Đoan) nuôi dưỡng.

- Hiện chưa rõ Trưng Trắc sinh năm nào, chỉ biết khi Tô Định được nhà Đông Hán sai sang làm Thái thú ở Giao Chỉ (năm 34), thì Trưng Trắc đã trưởng thành và kết hôn với con trai của Lạc tướng Chu Diên là Thi Sách. (Đất Chu Diên nay là vùng giáp giới giữa Hà Tây với Hà Nam).

- Bấy giờ, nhân lòng căm phẫn của nhân dân ta đối với chính sách thống trị tàn bạo của nhà Đông Hán, lại cũng nhân vì Thi Sách bị Thái thú Tô Định giết hại, Trưng Trắc đã cùng em là Trưng Nhị và nhiều bậc hào kiệt khác, phát động và lãnh đạo cuộc khởi nghĩa có quy mô rất lớn.

- Khởi nghĩa bùng nổ vào cuối năm 39 đầu năm 40 và nhanh chóng được nhân dân cả nước nhất tề hưởng ứng. Tô Định phải hốt hoảng bỏ chạy về nước.

- Khi quân đô hộ đã bị quét sạch khỏi bờ cõi, Hai Bà Trưng đã thành lập một hệ thống chính quyền độc lập và tự chủ, sử gọi đó là chính quyền Trưng Nữ Vương.

- Chính quyền Trưng Nữ Vương tồn tại được trong khoảng gần ba năm (từ đầu năm 40 đến cuối năm 42 đầu năm 43). Sử gia Lê Văn Hưu (1230 - 1322) viết : "Trưng Trắc, Trưng Nhị là đàn bà mà hô một tiếng cũng có thể khiến được các quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố cùng 65 thành ở Lĩnh Ngoại hưởng ứng,

việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay. Xem thế cũng đủ biết hình thế đất Việt ta có thể dựng được nghiệp bá vương".

- Nhà Đông Hán đã phải cử tên lão tướng khét tiếng tàn bạo và dày dạn kinh nghiệm trận mạc là Mã Viện sang đàn áp mới tiêu diệt được lực lượng và chính quyền của Hai Bà Trưng.

2 - Chính quyền của Bà Triệu (248)

- Bà Triệu (Triệu Thị Trinh) người đất Quan Yên (nay thuộc huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hoá) sinh năm nào chưa rõ, chỉ biết khi cùng anh là Triệu Quốc Đạt khởi xương và lãnh đạo cuộc chiến đấu chống ách đô hộ của quân Đông Ngô (năm 248) bà đã là một cô gái ở độ tuổi khoảng trên dưới hai mươi. Bấy giờ, nhiều người khuyên bà nên lập gia đình, xây dựng hạnh phúc riêng, nhưng bà đã khảng khái trả lời : "Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp ngọn sóng dữ, chém cá tròng kinh ở biển Đông, đánh đuổi quân Ngô, cởi ách nô lệ cho nhân dân chớ không chịu khom lưng làm tì thiếp người ta". Sau câu nói bùng bùng khẩu khí anh hùng đó, bà đã quả cảm phát động khởi nghĩa.

- Quân Ngô sau nhiều phen thất bại, đã tìm đủ mọi thủ đoạn xảo quyệt, thậm chí đã dùng cả tước hiệu Lệ Hải Bà Vương để chiêu dụ bà, nhưng ý chí của bà trước sau vẫn không hề bị lung lạc.

- Cuối cùng, nhà Ngô đã phải sai viên tướng lừng danh là Lục Dận đem đại binh sang đàn áp. Bà Triệu cùng với hàng loạt nghĩa binh đã anh dũng hi sinh vào năm 248.

- Về thực chất, bộ chỉ huy khởi nghĩa do Bà Triệu cầm đầu cũng là một guồng máy chính quyền. Bà Triệu chưa xưng đế hay xưng vương, cũng chưa đặt quốc hiệu hay niên hiệu, nhưng rõ ràng, guồng máy chính quyền sơ khai do Bà Triệu lập ra, hoàn toàn biệt lập và đối nghịch sâu sắc với chính quyền đô hộ của quân Ngô.

3 - Thế thứ chính quyền nhà Tiền Lý (542 - 602)

- Năm Nhâm Tuất (542), Lý Bí (còn có tên gọi khác là Lý Bôn) đã lãnh đạo nhân dân vùng dậy lật nhào ách đô hộ của nhà Lương (một triều đại của Nam Triều ở Trung Quốc thời Nam - Bắc triều).

Chỉ trong một thời gian rất ngắn, Lý Bí đã giành được thắng lợi và thiết lập một hệ thống chính quyền độc lập, tự chủ riêng.

- Nhiều bộ sử cũ vẫn gọi khoảng thời gian từ năm 542 đến năm 602 là thời Tiền Lý, dấu thực tế không hoàn toàn như vậy. Xét rằng, các chính quyền khác xuất hiện trong khoảng thời gian này, tuy không đúng là của nhà Tiền Lý nhưng lại được xây dựng trên cơ sở thắng lợi của nhà Tiền Lý, cho nên, chúng tôi cũng gộp chung mà gọi là thời Tiền Lý.

- Thời Tiền Lý có mấy hệ thống chính quyền sau đây :

a) Lý Nam Đế (542 - 548)

- Họ và tên : Lý Bí (còn có tên khác là Lý Bôn).

- Nguyên quán là đất Thái Bình (đất này nay thuộc vùng tiếp giáp giữa huyện Thạch Thất và thị xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tây).

- Hiện chưa rõ năm sinh.

- Năm 542, Lý Bí phát động khởi nghĩa và chỉ trong vòng ba tháng đã quét sạch quân Lương ra khỏi bờ cõi. Năm Giáp Tý (544), Lý Bí lên ngôi Hoàng đế, xưng là Lý Nam Đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, niên hiệu là Đại Đức (cũng có thư tịch cổ chép là Thiên Đức).

- Liên tục trong hai năm (545 và 546), nhà Lương cho quân sang đàn áp. Sau trận thất bại ở hồ Điển Triệt (thuộc Phú Thọ ngày nay), Lý Nam Đế giao quyền binh lại cho Triệu Quang Phục rồi tạm lánh vào động Khuất Lão (thuộc Phú Thọ ngày nay) và mất ở đây vào năm 548.

- Do chưa rõ năm sinh nên chưa rõ Lý Nam Đế thọ bao nhiêu tuổi.

b) Triệu Việt Vương (546 - 571)

- Họ và tên : Triệu Quang Phục.

- Nguyên quán : phủ Vĩnh Tường. Phủ này, nay là vùng giáp giới giữa Hà Tây với Vĩnh Phúc.

- Khi Lý Bí phát động khởi nghĩa, Triệu Quang Phục và cha là Triệu Túc cùng hưởng ứng. Khi Lý Bí xưng là Lý Nam Đế, Triệu Quang Phục được phong tới chức Tả tướng.

- Năm 546, sau thất bại trong trận đánh ở hồ Điển Triệt, Triệu Quang Phục được Lý Nam Đế ủy thác quyền trông coi nghĩa binh. Triệu Quang Phục đã đưa lực lượng về Đầm Dạ Trạch (đầm này nay thuộc Châu Giang, Hưng Yên) và tổ chức chiến đấu tại đây.

- Năm 548, sau khi nghe tin Lý Bí đã qua đời, Triệu Quang Phục xưng là Triệu Việt Vương.

- Năm 557, Triệu Việt Vương đã đánh tan lực lượng đi càn quét của nhà Lương, giành lại quyền tự chủ cho đất nước, đồng thời, thành lập một guồng máy chính quyền độc lập do ông đứng đầu.

- Năm 571, do bị Lý Phật Tử tấn công bất ngờ, Triệu Việt Vương thua trận và bị giết.

- Do chưa rõ năm sinh nên chưa rõ Triệu Việt Vương thọ bao nhiêu tuổi.

c) Lý Phật Tử (555 - 602)

- Năm 546, khi thua trận ở Điển Triệt, lực lượng của Lý Nam Đế bị chia làm hai. Bộ phận thứ nhất do Triệu Quang Phục (người về sau xưng là Triệu Việt Vương) cầm đầu. Triệu Quang Phục là vị tướng được Lý Nam Đế tin cậy mà ủy thác mọi quyền binh cho. Bộ phận thứ hai do tướng Lý Phục Man cầm đầu. Lý Phục Man họ tên gì chưa rõ, ông vì có công chinh phục người Man, được Lý Nam Đế yêu quý mà đặt tên là Phục Man, lại cho được lấy họ Lý, sử nhân đó gọi là Lý Phục Man. Ông người làng Yên Sở. Làng này nay thuộc huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây.

- Cũng năm 546, nếu Triệu Quang Phục bám trụ ở đầm Dạ Trạch và chiến đấu ngoan cường với quân nhà Lương, thì Lý Phục Man đã đem lực lượng chạy vào vùng phía tây Thanh Hóa ngày nay.

- Năm 555, Lý Phục Man mất, một vị tướng người cùng họ với Lý Nam Đế là Lý Phật Tử lên thay.

- Năm 557, khi Triệu Việt Vương đánh tan quân nhà Lương thì Lý Phật Tử cũng lập tức đem quân đánh Triệu Việt Vương để giành quyền bính.

- Sau nhiều trận không phân thắng bại, hai bên tạm lấy vùng đất tương ứng với huyện Từ Liêm (Hà Nội) ngày nay làm ranh giới. Từ đất này trở về Nam thì do Lý Phật Tử cai quản, trở ra Bắc thì do Triệu Việt Vương cai quản.

- Lý Phật Tử cho con trai là Nhã Lang kết hôn với con gái của Triệu Việt Vương là Cảo Nương, mượn danh nghĩa thông gia để làm cho Triệu Việt Vương mất cảnh giác.

- Năm 571, Lý Phật Tử bất ngờ cho quân đánh úp, khiến Triệu Việt Vương bị đại bại và bị giết. Lý Phật Tử thu tóm mọi quyền hành. Sử cũ gọi đó là nhà Hậu Lý Nam Đế.

- Năm 581, nhà Tùy được dựng lên. Sau một thời gian lo củng cố quyền thống trị ở Trung Quốc, năm 602, nhà Tùy liền dùng áp lực quân sự, khiến Lý Phật Tử phải đầu hàng. Không thấy sử cũ ghi chép gì về số phận của Lý Phật Tử sau khi đầu hàng.

- Chưa rõ năm sinh và năm mất nên chưa rõ Lý Phật Tử thọ bao nhiêu tuổi.

4 - Chính quyền Đinh Kiến (687)

- Từ năm 618 đến năm 905, đất nước ta bị nhà Đường đô hộ. Năm 679, nhà Đường lập ra An Nam Đô hộ phủ. Sử Trung Quốc bắt đầu gọi ta là An Nam kể từ đó.

- Năm 687, quan cai quản An Nam Đô hộ phủ của nhà Đường là Lưu Diên Hựu thu thuế rất tham tàn, khiến cho nhân dân ta rất căm phẫn. Nhân cơ hội đó, một vị hào trưởng là Lý Tự Tiên (nay vẫn chưa rõ quê quán) đã bí mật tổ chức một cuộc khởi nghĩa lớn. Nhưng, cơ mưu bị bại lộ, Lý Tự Tiên bị Lưu Diên Hựu giết chết.

- Tiếp nối sự nghiệp của Lý Tự Tiên, một vị hào trưởng, cũng là một thuộc tướng của Lý Tự Tiên đã lãnh đạo nhân dân vùng dậy. Vị hào trưởng ấy là Đinh Kiến.

- Ngay trong năm 687, Đinh Kiến đã giết chết được Lưu Diên Hựu và chiếm được phủ đô hộ là thành Tống Bình (tức Hà Nội

ngày nay), đồng thời, nhanh chóng thiết lập một hệ thống chính quyền do ông đứng đầu.

- Đinh Kiến chưa xưng đế hay xưng vương, cũng chưa đặt quốc hiệu hay niên hiệu, nhưng chính quyền do ông đứng đầu thực sự là chính quyền độc lập và tự chủ.

- Hiện vẫn chưa rõ quê quán cũng như năm sinh và năm mất của Đinh Kiến.

5 - Chính quyền Mai Hắc Đế (722)

- Họ và tên : Mai Thúc Loan (còn có tên khác là Mai Huyền Thành).

- Sinh quán : huyện Thiên Lộc (nay, đất sinh quán của ông thuộc Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh). Sau, gia đình ông di cư về vùng Ngọc Trường (vùng này, nay thuộc huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An).

- Mai Thúc Loan sinh trưởng trong một gia đình nghèo, bản thân ông luôn bị quan lại nhà Đường bắt phải đi phu, phục dịch rất vất vả.

- Năm 722, ông phát động và lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa lớn. Cũng ngay năm này, Mai Thúc Loan đã cho xây dựng đại bản doanh tại Hùng Sơn (tục danh là Núi Đụn) và lập căn cứ dọc theo bờ sông Lam (Nghệ An). Đồng thời, để quy tụ lòng người, ông đã lên ngôi Hoàng đế, xưng là Mai Hắc Đế (ông vua người họ Mai, da đen). Mai Hắc Đế đã lãnh đạo nghĩa quân, đánh cho quan đô hộ của nhà Đường lúc ấy là Quang Sở Khách phải hốt hoảng tháo chạy về nước.

- Nhà Đường đã phải huy động một lực lượng lớn mới đàn áp được Mai Hắc Đế và nghĩa sĩ của ông.

- Mai Hắc Đế mất năm 722, do chưa rõ năm sinh nên chưa rõ thọ bao nhiêu tuổi.

6 - Chính quyền họ Phùng (? - 791)

a) Bố Cái Đại Vương (? - 789)

- Họ và tên : Phùng Hưng, tự là Công Phấn.

– Nguyên quán : Đường Lâm, Phong Châu (đất này nay thuộc huyện Ba Vì, Hà Tây).

– Phùng Hưng sinh trưởng trong một gia đình đời đời làm quan lang của vùng Phong Châu.

– Bấy giờ, nhà Đường đô hộ nước ta. Quan đô hộ là Cao Chính Bình khét tiếng tham lam và tàn bạo, khiến cho nhân dân ta căm phẫn, đồng thời, binh lính của Cao Chính Bình cũng chống đối quyết liệt. Nhân cơ hội đó, Phùng Hưng phát động khởi nghĩa. Hiện chưa rõ khởi nghĩa bùng nổ vào năm nào. Các nhà nghiên cứu cho rằng, Phùng Hưng phát động khởi nghĩa trong khoảng từ năm 766 đến năm 779.

– Chỉ trong vòng một thời gian ngắn, Phùng Hưng đã chiếm được thành Tống Bình. Sau đó, ông tiến đánh các lực lượng còn lại của nhà Đường ở trên đất nước ta, đồng thời, thiết lập một bộ máy chính quyền do ông đứng đầu.

– Khoảng 7 năm sau khi cầm đầu guồng máy chính quyền này, Phùng Hưng qua đời (năm 789).

– Sau khi mất, ông được truy tôn là Bố Cái Đại Vương. Do chưa rõ năm sinh nên chưa rõ ông thọ bao nhiêu tuổi.

b) Phùng An (789 - 791)

– Con của Bố Cái Đại Vương Phùng Hưng, không rõ sinh năm nào.

– Nối nghiệp cha, cầm đầu guồng máy chính quyền độc lập và tự chủ kể từ năm 789.

– Năm 791, nhà Đường cử viên tướng nổi tiếng xảo quyệt là Triệu Xương sang đàn áp. Phùng An đầu hàng. Sau, không rõ số phận của Phùng An ra sao.

7 - Chính quyền Dương Thanh (819 - 820)

– Dương Thanh là một vị hào trưởng của đất Hoan Châu (đất này nay thuộc Nghệ An) và cũng là người được nhà Đường cho làm Thứ sử của châu này.

- Biết Dương Thanh là người giàu lòng yêu nước, quan đô hộ của nhà Đường là Lý Tượng Cổ đã dùng mưu kế để làm giảm uy tín của ông, đồng thời, tách ông ra khỏi cơ sở quần chúng của ông.

- Năm 819, Dương Thanh đã phát động cuộc khởi nghĩa lớn, giết được Lý Tượng Cổ, đồng thời thiết lập được hệ thống chính quyền tự chủ do ông đứng đầu.

- Sau nhiều phen đàn áp nhưng bị thất bại, nhà Đường đã dùng kế li gián để chia rẽ lực lượng của Dương Thanh. Ông bị cô lập dần, để rồi cuối cùng, bị tru di tam tộc vào năm 820. Hiện chưa rõ năm sinh nên chưa rõ ông thọ bao nhiêu tuổi.

- Cũng như nhiều vị thủ lĩnh kiệt xuất khác, Dương Thanh không xưng đế hay xưng vương, chưa đặt quốc hiệu và niên hiệu, nhưng chính quyền do ông thiết lập ra thực sự là chính quyền độc lập và tự chủ.

*

* *

Trên đây là những hệ thống chính quyền tiêu biểu nhất, được thành lập trong hoặc sau thắng lợi của các cuộc khởi nghĩa chống Bắc thuộc, gồm nhiều quy mô và tính chất khác nhau. Hẳn nhiên, đó chưa phải là tất cả, nhưng, dẫu nhìn từ bất cứ góc độ nào thì đó cũng thực sự là tinh hoa của lịch sử chống xâm lăng thời Bắc thuộc.

IV - THẾ THỦ CÁC TRIỀU ĐẠI TRONG BUỔI ĐẦU CỦA KỈ NGUYÊN ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ VÀ THỐNG NHẤT

Năm 905, lợi dụng sự đổ nát của nhà Đường, Khúc Thừa Dụ (một hào trưởng quê ở Hồng Châu, nay thuộc Hải Dương) đã khôn khéo thành lập một hệ thống chính quyền độc lập, tự chủ và thống nhất. Từ đó, kỉ nguyên độc lập, tự chủ và thống nhất bắt đầu được thiết lập. Trong kỉ nguyên lớn này, giai đoạn từ năm 905 đến hết thời Tiền Lê (1009) là giai đoạn đầu, giai đoạn có ý nghĩa xây dựng và từng bước khẳng định, gồm các triều đại sau đây :

1 - Họ Khúc (905 - 930)

- Cuối năm 905, lợi dụng khi chính quyền đô hộ của nhà Đường trên đất nước ta bị tan rã, Khúc Thừa Dụ xưng là Tiết độ

sứ (tên chức danh của quan đô hộ Trung Quốc đối với nước ta lúc bấy giờ). Ngày 7 tháng 2 năm 906, nhà Đường buộc phải thừa nhận chức tước của Khúc Thừa Dụ, đồng thời, còn gia phong cho Khúc Thừa Dụ hàm Đồng bình chương sự.

- Sau Khúc Thừa Dụ, con và cháu của ông vẫn tiếp tục giữ vững chính sách ứng xử khôn khéo với nhà Đường. Như vậy, tuy chưa xưng đế hoặc xưng vương, thậm chí còn tự coi là quan lại của Trung Quốc; tuy chưa đặt quốc hiệu và niên hiệu ... nhưng, họ Khúc thực sự đã có công đặt nền tảng căn bản đầu tiên cho kỉ nguyên độc lập, tự chủ và thống nhất của nước nhà.

- Họ Khúc nối truyền được ba đời, gồm :

- Khúc Thừa Dụ : 905 - 907
- Khúc Hạo : 907 - 917
- Khúc Thừa Mỹ : 917 - 930.

2 - Họ Dương (931 - 937)

- Năm 930, Nam Hán (tên một nước nhỏ của Trung Quốc trong thời kì Ngũ Đại Thập Quốc) đem quân sang xâm lược nước ta. Khúc Thừa Mỹ đã thất bại trong cuộc chiến đấu chống quân Nam Hán xâm lược.

- Họ Khúc tuy thất bại nhưng lực lượng của họ Khúc vẫn còn. Năm 931, một bộ tướng của họ Khúc là Dương Đình Nghệ (nhiều chỗ chép là Dương Diên Nghệ) đã lãnh đạo nhân dân đánh đuổi quân Nam Hán ra khỏi bờ cõi.

- Năm 931, sau khi đã đánh đuổi được quân Nam Hán, Dương Đình Nghệ đã thành lập và đứng đầu chính quyền độc lập, tự chủ và thống nhất ở nước ta. Cũng như họ Khúc, Dương Đình Nghệ không xưng đế hay xưng vương cũng không đặt quốc hiệu và niên hiệu. Tuy nhiên trong thực tế, Dương Đình Nghệ là người đã có công tiếp tục khẳng định xu hướng độc lập, tự chủ và thống nhất vốn đã xuất hiện một cách âm thầm nhưng rất mãnh liệt dưới thời họ Khúc.

3 - Họ Ngô (938 - 965)

- Tháng 4 năm 937, Dương Đình Nghệ bị một viên bộ tướng, lại cũng là con nuôi của ông, tên là Kiều Công Tiễn giết hại để giành chức quyền.

- Ngay trong năm 937, một bộ tướng khác của Dương Đình Nghệ, cũng là con rể của Dương Đình Nghệ, tên là Ngô Quyền đã đem quân đến hỏi tội Kiều Công Tiễn. Trong cơn quần bách, Kiều Công Tiễn đã đi cầu cứu quân Nam Hán và Nam Hán đã đem quân sang xâm lược nước ta.

- Năm 938, Ngô Quyền đã lãnh đạo quân dân ta, đánh trận quyết chiến chiến lược tuyệt vời ở Bạch Đằng, quét sạch quân Nam Hán ra khỏi bờ cõi, đồng thời, trừng trị đích đáng hành động tội lỗi của Kiều Công Tiễn. Với chiến công xuất sắc này, Ngô Quyền đã có công khẳng định một cách hiên ngang kỉ nguyên độc lập, tự chủ và thống nhất của nước nhà.

- Sau chiến thắng, Ngô Quyền lên ngôi vương, sử gọi đó là thời Ngô Vương. Ngô Vương đóng đô ở Cổ Loa.

- Chính quyền họ Ngô gồm hai giai đoạn khác nhau. Giai đoạn do Ngô Quyền cầm đầu là giai đoạn cường thịnh và giai đoạn sau khi Ngô Quyền mất là giai đoạn suy yếu để rồi bị diệt vong.

- Chính quyền họ Ngô truyền nối được ba đời nhưng lại có đến 4 bậc xưng vương. Đó là :

- Ngô Quyền (938 - 944)
- Dương Tam Kha : anh vợ của Ngô Quyền, cướp ngôi của con Ngô Quyền sau khi Ngô Quyền mất (944-950).
- Nam Tấn Vương (tức Ngô Xương Văn) và Thiên Sách Vương (tức Ngô Xương Ngập) : cả hai đều là con của Ngô Quyền, giành lại được ngôi vương từ Dương Tam Kha và cùng... xưng vương (951 - 965). Sử gọi đây là *thời Hậu Ngô Vương*.

- Ngay trong thời Hậu Ngô Vương, nạn cát cứ đã bắt đầu xuất hiện. Các thế lực yếu bị tiêu diệt nhanh, các thế lực mạnh

tồn tại được lâu hơn. Cuối cùng, chỉ còn có mười hai thế lực mạnh, sử gọi đó là *loạn mười hai sứ quân*.

– Danh sách mười hai sứ quân như sau :

- *Ngô Xương Xi* (con của Ngô Xương Ngập, cháu nội của Ngô Quyền) chiếm cứ vùng Bình Kiều, nay thuộc huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- *Trần Lãm* chiếm giữ đất Bồ Hải Khẩu, nay thuộc Tiền Hải tỉnh Thái Bình.
- *Nguyễn Thủ Tiệp* chiếm giữ vùng Tiên Du, nay thuộc huyện Tiên Sơn tỉnh Bắc Ninh.
- *Lý Khuê* chiếm giữ vùng Thuận Thành, nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.
- *Lã Đường* (cũng đọc là Lữ Đường) chiếm giữ vùng Tế Giang, nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.
- *Phạm Bạch Hổ* chiếm giữ vùng Đằng Châu, nay thuộc tỉnh Hưng Yên.
- *Nguyễn Siêu* chiếm giữ vùng Phù Liệt, nay là huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội.
- *Nguyễn Khoan* chiếm giữ vùng Tam Đới, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.
- *Kiều Công Hãn* chiếm giữ vùng Phong Châu, nay thuộc Phú Thọ.
- *Kiều Thuận* chiếm giữ vùng Hồi Hồ, nay thuộc tỉnh Phú Thọ.
- *Đỗ Cảnh Thạc* chiếm giữ vùng Đỗ Động giang, nay thuộc tỉnh Hà Tây.
- *Ngô Nhật Khánh* chiếm giữ vùng Đường Lâm, nay thuộc tỉnh Hà Tây.

– Như vậy, ngoài những vùng do các sứ quân nói trên chiếm giữ, thời gian này, ở nước ta có nhiều vùng không thuộc vào bất cứ hệ thống chính quyền nào.

- Loạn mười hai sứ quân đã làm cho thế nước suy vi, dân tình khốn khổ.

4 - Họ Đinh (968 - 980)

- Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh đã dẹp yên được loạn mười hai sứ quân, tái thiết nền thống nhất cho đất nước và lập ra một triều đại mới : triều Đinh.

- Họ Đinh xưng đế, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, niên hiệu là Thái Bình, đóng đô ở Hoa Lư (nay thuộc Ninh Bình), nổi truyền được hai đời, tổng cộng 12 năm :

Đinh Bộ Lĩnh (Đinh Tiên Hoàng) : 968 - 979.

Đinh Phế Đế (Đinh Toàn) : 979 - 980.

5 - Họ Lê (980 - 1009)

- Năm 979, Đinh Tiên Hoàng cùng con trai trưởng là Nam Việt Vương Đinh Liễn qua đời, con nối ngôi là Vệ Vương Đinh Toàn (tức Đinh Phế Đế) còn quá nhỏ (mới 6 tuổi đầu), trong khi đó, tình hình đối nội cũng như đối ngoại của đất nước rất phức tạp.

- Tháng 7 năm 980, khi được tin quân Tống đang chuẩn bị tràn sang xâm lược nước ta, đa số quan lại trong triều nhà Đinh đã đồng lòng tôn Lê Hoàn lên ngôi vua. Sự kiện này vừa có ý nghĩa gấp rút ổn định tình hình trong nước, vừa có ý nghĩa thiết thực đối với sự nghiệp tập hợp và lãnh đạo nhân dân cả nước chống xâm lăng.

- Với sự kiện Lê Hoàn lên ngôi, nhà Lê được lập ra. Để phân biệt với triều Lê sau (mở đầu là Lê Lợi), sử gọi đây là *triều Tiền Lê*.

- Triều Tiền Lê tồn tại trước sau tổng cộng ba đời vua trị vì gần ba mươi năm. Ba đời vua đó là :

- *Lê Hoàn* : 980 - 1005

Nhà vua sinh năm Tân Sửu (941) tại Ái Châu (đất này nay thuộc Thanh Hóa), ở ngôi 25 năm, mất năm Ất Tị (1005),

tại Hoa Lư, thọ 64 tuổi. Khi ở ngôi, Nhà vua đã đặt ba niên hiệu là *Thiên Phúc* (980 - 988), *Hung Thống* (989 - 993) và *Ứng Thiên* (994 - 1005).

• *Lê Trung Tông* : 1005

Nhà vua tên thật là Lê Long Việt, con thứ ba của Lê Hoàn, sinh năm Quý Mùi (983) tại Hoa Lư, được lập làm Thái tử năm 1004, nối ngôi vào tháng 3 năm 1005, nhưng vừa lên ngôi được ba ngày thì đã bị người em cùng cha cùng mẹ là Lê Long Đĩnh giết hại, thọ 22 tuổi. Vua chưa kịp đặt niên hiệu.

• *Lê Ngọa Triều* : 1005 - 1009

Nhà vua tên thật là Lê Long Đĩnh, bản tính tàn bạo, ăn ở thất đức, giết anh ruột để cướp ngôi, đối xử với quần thần rất vô đạo, sau, ăn chơi trác táng lại mắc bệnh trĩ nên ngôi không được, vì thế, sử gọi là Lê Ngọa Triều (ông vua họ Lê, ra triều phải nằm). Nhà vua mất vào tháng 10 năm 1005, thọ 23 tuổi (986 - 1009).

Cũng như nhà Đinh, nhà Tiền Lê đóng đô tại Hoa Lư. Không thấy sử chép việc đổi quốc hiệu, như vậy, quốc hiệu Đại Cồ Việt có lẽ đã được tiếp tục sử dụng.

Ngay sau khi Lê Ngọa Triều mất, Lý Công Uẩn được tôn lên ngôi vua. Triều Lý được thành lập kể từ đó. Tuy nhiên, mọi chuyện thuộc về triều Lý thì đã có tập *51 giai thoại thời Lý* rồi.

LỜI CHÚ CUỐI SÁCH

Dưới đây là phần chú thích ngắn gọn, viết chung cho cả tập sách. Tất cả các từ, các khái niệm cần chú thích, chúng tôi đều sắp xếp theo thứ tự vần chữ cái của tiếng Việt. Các chữ số để trong ngoặc đơn và đặt ngay sau những từ, những khái niệm được chú thích là số thứ tự của các giải thoại có trong tập này. Xin được lưu ý bạn đọc là những lời chú thích dưới đây chỉ đúng với tập sách này mà thôi.

BA THỤC (02) : Tên một vương quốc cổ ở Trung Quốc thời Chiến Quốc. Vương quốc này có lãnh thổ đại thể tương ứng với vùng Tứ Xuyên của Trung Quốc ngày nay.

CÂY QUANG LANG (03) : Loài cây cho bột ăn được, tương tự như cây sắn dây.

CHI HẬU NỘI NHÂN (30) : Tên chức quan nhỏ ở trong cung vua, chỉ làm những việc gần như là tạp dịch.

DUYÊN BIÊN AN PHỦ SỨ (38) : Chức quan hàm ngang với An phủ sứ, coi việc ở chốn biên cương vùng duyên hải. Đây chỉ là chức quan đặt trong nhất thời của Trung Quốc đời Tống.

ĐAO CANH THỦY CHỪNG (03) : Cây bằng dao, gieo trồng nhờ nước. Bấy giờ vì chưa biết dùng trâu bò để cày bừa, người ta dùng dao dón đất rồi đến mùa thì dẫn nước vào cho đất nhão ra để gieo trồng.

ĐÓ HỘ TỔNG QUẢN, KINH LƯỢC CHIÊU THẢO SỨ (24) : Quan giữ chức Đó hộ, được quyền cai quản hết đội quân đi đánh ở xa. Chức này do nhà Đường phong cho Cao Biền khi sai Cao Biền cầm quân sang nước ta năm 864.

ĐỘNG ĐÌNH (02) : Tên hồ. Hồ Động Đình là một trong những danh lam nổi tiếng của Trung Quốc.

DƯƠNG HÀM THÔNG (24) : Niên hiệu Hàm Thông của nhà Đường. Vua nhà Đường ở đây là Đường Ý Tông, tên thật là Triệu Thôi, lên ngôi năm 860, ở ngôi đến năm 868 thì mất.

GIÁM QUÂN (24) : Chức võ quan cao cấp của Trung Quốc đời nhà Đường, trông coi hoạt động của quân đội ở một vực lớn, tương ứng với nhiều tỉnh hiện nay.

GIÁN NGHỊ ĐẠI PHU, ĐỒNG TRUNG THƯ MÔN HẠ, BÌNH CHƯƠNG SỰ (19) : Gián nghị Đại phu là vinh hàm mà triều đình nhà Đường ban cho một số đại thần. Đồng trung thư môn hạ là chức. Chức này dành cho cận thần của vua, được phép thường xuyên tâu bày chính sự với nhà vua. Bình chương sự là quyền. Bậc được xếp vào hàng Bình chương sự có quyền uy rất lớn, nhiều người trong số họ được phép "tiền trăm hậu tấu" (chém trước, tâu lên sau).

GIAO CHÂU THỦY LỤC CHUYỂN VẬN SỬ (33) : Tên chức việc. Chức này trông coi việc chuyển vận các thứ quân lương bằng đường thủy cũng như đường bộ đến nước ta.

HỮU CHÍNH NGÔN (36) : Chức quan văn của Trung Quốc đời nhà Tống. Các quan giữ chức Chính ngôn thường làm việc ở Ngự Sử Đài. Chức Hữu chính ngôn thấp hơn Tả chính ngôn một bậc.

HỮU THẬP DI HÀN LÂM HỌC SĨ, KIỂM KINH TRIỆU HỘ TÀO THAM QUÂN (19) : Chức quan đời Đường. Bấy giờ, Hàn lâm Học sĩ gồm hai loại. Loại dành cho người Trung Quốc thì gọi là Hàn lâm Học sĩ. Loại dành cho người các nước phiên thuộc thì gọi là Thập di Hàn lâm Học sĩ. Chức Thập di Hàn lâm Học sĩ cũng có Tả và Hữu. Tả cao hơn Hữu một bậc.

Hộ Tào là cơ quan trực thuộc bộ Hộ. Kiểm Kinh Triệu Hộ Tào là kiêm giữ chức việc của Hộ Tào nhưng lại làm việc ở kinh đô. Tham quân cũng là tên chức. Chức này thuộc quyền cai quản của quan đứng đầu Hộ Tào.

KHAI PHỦ NGHỊ ĐỒNG TAM TÌ, KIỂM HIỆU THÁI SƯ, GIAO CHỈ QUÂN VƯƠNG (29) : Chức và tước của Đinh Liễn kể từ năm 975, do nhà Tống phong cho. Khai phủ nghị đồng tam tì là chức được phép mở phủ đệ riêng, được xem xét mọi việc từ hành chánh, thuế khoá, quân đội đến xét xử án kiện. Kiểm hiệu Thái sư là hàm. Thái sư

là một trong Tam thái (Thái sư, Thái bảo và Thái phó), mà Tam thái là hàm lớn nhất. Giao Chỉ là tên nước ta theo cách gọi của người Trung Quốc lúc bấy giờ. Quận vương là tước. Tước Vương có Quốc vương và Quận vương. Quận vương nhỏ hơn Quốc vương một bậc.

KIỂM HIỆU THÁI SƯ, TỈNH HẢI QUÂN TIẾT ĐỘ SỨ, AN NAM ĐÔ HỘ (29) : Người có hàm Kiểm hiệu Thái sư, quyền đứng đầu Tỉnh Hải Quân, chức An Nam Đô hộ. Tỉnh Hải Quân là khu vực hành chánh của Trung Quốc đời Đường mà phần lãnh thổ chính của khu vực này là nước ta. An Nam Đô hộ là chức. Chức này hàm ý nói rằng, đây là người được Trung Quốc cử đến để đô hộ nước ta, cho dầu người giữ chức này (Đinh Liễn) là người Việt.

LY NHÂN (05) : Tên đất. Đất này nay thuộc tỉnh Hà Nam.

LƯU HOÀNG (09) : Tức là Thường Sơn Vương Lưu Hoàng, người được Lữ Hậu đưa lên ngôi sau khi vua Hán Thiệu Đế bị bà phế truất. Khi Lữ Hậu mất, Lưu Hoàng lại bị triều thần phế truất để rồi đưa Lưu Hằng lên ngôi. Lưu Hằng là con của Hán Cao Tổ, chú ruột của Lưu Hoàng. Miếu hiệu của Lưu Hằng là Hán Văn Đế.

MŨ ĐÁU MẤU (17) : Mũ của quan võ xưa, thường làm bằng da, che từ chân tóc phía trước ra tận gáy phía sau, có tác dụng như một mảnh giáp bảo vệ đầu.

NÚI TÂN VIÊN (05) : Tên núi ở Ba Vĩ, Hà Tây.

NÚI THẤT DIỆU (06) : Tên núi, cũng ở Ba Vĩ, Hà Tây.

NGŨ ĐẾ (08) : Năm đời Hoàng đế của Trung Quốc. Năm đời này có sách nói : Thái Hiệu, Hoàng Đế, Thần Nông, Thiệu Hiệu và Chuyên Húc, nhưng cũng có sách lại nói là : Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Đường Nghiêu và Ngu Thuấn. Đây chỉ chung các đời cổ sơ nhất.

NHA NỘI CHỈ HUY SỨ (36) : Chức võ quan của nước ta thời Tiền Lê. Chức này trông coi đội quân bảo vệ thường trực của triều đình.

PHẪU PHỤ (08) : Một nửa của vật làm tin. Xưa, trong một số trường hợp, để làm tin, người ta lấy một vật gì đó (thường là một thỏi vàng hoặc bạc) chặt đôi ra, mỗi người giữ một nửa để làm tin. Khi cần, người ta đem ráp lại để kiểm tra lời ước nguyện cũ.

SÙNG VĂN SỬ (25) : Chức quan văn của nhà Nam Hán, đại để chức này chuyên thu tập tin tức và cung cấp cho nhà vua khi nhà vua cần.

TẢ CHÍNH NGÔN (36) : Chức quan của Trung Quốc đời Tống. (Xin xem thêm : *Hữu chính ngôn*).

TAM HOÀNG (08) : Các đời vua theo thần thoại của Trung Quốc, gồm Thiên Hoàng, Địa Hoàng và Nhân Hoàng. Đây chỉ chung các đời cổ sơ nhất.

TÀO THAM (08) : Người có công phò tá Lưu Bang. Khi Lưu Bang lên ngôi, Tào Tham được trao chức Thừa tướng.

TIÊU HÀ (08) : Người cùng với Tào Tham có công phò tá Lưu Bang, lập ra nhà Tiền Hán. Khi Lưu Bang lên ngôi, ông và Tào Tham đều lần lượt được Lưu Bang trao chức Thừa tướng.

TIỂU HIỆU (24) : Tên chức quan bậc trung, được thay mặt cho quan địa phương về tâu việc với triều đình.

TIỂU SỬ (24) : Tên chức quan bậc thấp, chuyên lo việc thông tin từ địa phương về triều đình.

TỈNH HẢI QUÂN, TIẾT ĐỘ SỬ (25) : Tỉnh Hải Quân là đơn vị hành chánh được đặt ra cuối thời Đường. Đơn vị hành chánh này có đất đai chủ yếu là vùng lãnh thổ nước ta. Tiết độ sứ là chức đứng đầu đơn vị hành chánh nói trên. Tuy nhiên, thời nhà Nam Hán, chức này chỉ có nghĩa là kẻ đứng đầu chính quyền đô hộ ở ta chứ nhà Nam Hán không có đơn vị hành chánh cấp Quân như thời Đường.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Đôi lời cùng bạn đọc	7
01 - Cuộc kì ngộ giữa Lạc Long Quân và Âu Cơ	9
02 - Nước Văn Lang đã ra đời như thế nào ?	10
03 - Vì sao người Việt cổ có tục xăm mình ?	12
04 - Phù Đổng Thiên Vương	14
05 - Sự tích thánh Tản Viên	17
06 - Huyền thoại về Loa Thành	19
07 - Tôi kể, ngày xưa ... chuyện My Châu	22
08 - Triệu Đà là người như thế nào ?	24
09 - Nhà Hán và ngón đòn cuối đời với Triệu Đà	28
10 - Cù Thị là Cù Thị ời !	31
11 - Lược truyện Trưng Nữ Vương	35
12 - Lời tâu của Lý Tiến, Lý Cầm và Trương Trọng	37
13 - Chuyện Man Nương	40
14 - Bệnh mê đọc sách của Phòng Pháp Thặng	42
15 - Trận kịch chiến ở hồ Điển Triệt	44
16 - Sự tích đầm Dạ Trạch	46
17 - Triệu Việt Vương đã đánh giặc như thế nào ?	49
18 - Triệu Việt Vương đã chết như thế nào ?	52
19 - Nỗi lòng Khương Công Phụ	55
20 - Sự tích đền Bạch Mã	57
21 - Bố Cái Đại Vương Phùng Hưng	59
22 - Tô Lịch Đại vương	62
23 - Chuyện Sái Kinh và Sái Tập	64
24 - Tâm địa Lý Duy Chu	67
25 - Chân dung Ngô Quyền	71
26 - Loạn Đường Tam Kha	74
27 - Vì sao họ Ngô mất ngôi ?	77
28 - Cuộc đại định của Đinh Bộ Lĩnh	78
29 - Nam Việt Vương Đinh Liễn giết Thái tử Hạng Lang	81
30 - Tên đại nghịch thần Đỗ Thích	83
31 - Cái chết của Đinh Điền và Nguyễn Bặc	86
32 - Đoạn kết bi thảm của cuộc đời Ngô Nhật Khánh	88
33 - Thương hại thay ! tướng quân Hầu Nhân Bảo	90

34 - Đại lược về lí lịch trước khi lên ngôi của Lê Hoàn	92
35 - Chuyện Lê Hoàn lên ngôi Hoàng đế	93
36 - Lê Hoàn tiếp sứ giả nhà Tống như thế nào ?	95
37 - Nhân cách Lê Long Đình	98
38 - Lê Long Đình gặp may	99
39 - Chuyện sét đánh ra ... thơ !	101
40 - Lý Công Uẩn lên ngôi	104

Thế thứ các triều đại từ thời Hùng Vương đến hết thế kỉ thứ X

I - <i>Thế thứ các triều đại thời sơ sử</i>	
1 - Thời đại Hùng Vương	107
2 - Thời đại An Dương Vương	109
II - <i>Thế thứ các chính quyền thời Bắc thuộc</i>	
1 - Chính quyền đô hộ của Nam Việt	110
2 - Chính quyền đô hộ của nhà Hán	110
3 - Chính quyền đô hộ của nhà Ngô	111
4 - Chính quyền đô hộ của nhà Tấn	111
5 - Chính quyền đô hộ của Nam Triều	111
6 - Chính quyền đô hộ của nhà Tùy và nhà Đường	112
III - <i>Thế thứ các chính quyền tự chủ được dựng lên trong các cuộc khởi nghĩa chống Bắc thuộc</i>	
1 - Chính quyền Trưng Nữ Vương	113
2 - Chính quyền của Bà Triệu	114
3 - Thế thứ chính quyền nhà Tiền Lý	114
4 - Chính quyền Đinh Kiến	116
5 - Chính quyền Mai Hắc Đế	118
6 - Chính quyền họ Phùng	118
7 - Chính quyền Dương Thanh	119
IV - <i>Thế thứ các triều đại trong buổi đầu của kỉ nguyên độc lập, tự chủ và thống nhất</i>	
1 - Họ Khúc	120
2 - Họ Dương	121
3 - Họ Ngô	122
4 - Họ Đinh	124
5 - Họ Lê	124
Lời chú cuối sách	126

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGŨ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Biên tập nội dung và tái bản :
TRẦN KIM NHUNG

Biên tập kĩ thuật :
TRẦN THÀNH TOÀN

Trình bày bìa :
NGUYỄN THU YÊN

Sửa bản in :
ĐỨC VIÊN

Sắp chữ tại :
PHÒNG SCĐT - CN.NXBGD - TP. HỒ CHÍ MINH

VIỆT SỬ GIAI THOẠI - TẬP 1

(40 giai thoại từ thời Hùng Vương đến hết thế kỉ X)

In 3.000 bản, khổ 14,3 x 20,3 cm, in tại **Trường Công Nhân Kỹ Thuật In Tại TP. Hồ Chí Minh**. 35 Trần Quốc Toản, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. Số in : 05/HĐGC. Số xuất bản : 03-2006/CXB/245-1859/GD. In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2006.

Mã số : 8V196t6 - CNH



Cùng tác giả
(tại Nhà xuất bản Giáo dục) :

VIỆT SỬ GIAI THOẠI (8 tập)
THẾ THỨ CÁC TRIỀU VUA VIỆT NAM
DANH TƯỚNG VIỆT NAM
(Trọn bộ 5 tập - Đã in và tái bản 3 tập)
ĐẠI CƯƠNG LỊCH SỬ VĂN HÓA VIỆT NAM
(Trọn bộ 5 tập - Đã in 2 tập)
TRÔNG LẠI NGÀN XƯA
(Trọn bộ 3 tập - Đã in 2 tập)
KỂ CHUYỆN DANH NHÂN NƯỚC NHÀ
(Bộ truyện tranh lịch sử nhiều tập)
Đã xuất bản 2 tập :

Trần Hưng Đạo : Phần 1 : Thời ấy giang sơn
Trần Hưng Đạo : Phần 2 : Đất nước đại phong ba

越
史
佳
話



Giá : 7.200đ